

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

COM PHAN TAY DUNG VAN HOA VIETNAM
DUO BIEN VAN HOA BONG TAY KIM CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

BỘ MỚI SỐ 5 ✻ 15-1-1959

	Số trang
1.— Mẫu thuẫn của Bộ Quốc Gia Giáo dục Nguyễn-Vỹ	5 — 6
2.— Quan niệm di tình trong văn thơ Anh Ngọc-Hoa	7 — 11
3.— Con nhện, người khách trọ bí mật Nguyễn-Trần-Giang	12 — 16
4.— Một cuộc gặp gỡ kỳ thú : Lý-Bạch, Mạnh-Tử và François Sagan Trần-Tường-Niệm	17 — 20
5.— Non nước miền Nam Thái-văn-Kiểm	21 — 26
6.— Người V.N. có mấy giọng cười ? Vương-Hồng-Sên	27 — 31
7.— Byron Tạ-Ký	35 — 38
8.— Mình ơi ! Cô Diệu-Huyền	39 — 43
9.— Nguyên tử và phân tử Nguyễn-Công-An	44 — 48
10.— Những thủy tổ của các nghề thủ công V.N. Hoàng-Lan	49 — 53
11.— Sầu lữ thú (thơ) Nhật-Thủy	54
12.— Đuôi bất cái nón Nguyễn-Hiến-Lê	55 — 58
13.— Ngũ học Lê ngọc Trụ	59 — 60
14.— Vẽ số độc đắc Cô Bạch-Yến	61 — 63

15.— Phụ nữ thế kỷ	Cô Tuyết-Anh	64 — 66
16.— Con Mèo	Hoàng-Thắng	67 — 69
17.— Gia chánh	Bà Thuởng-Lạc	70
18.— Đọc thơ của Pasternak	Phạm Công-Thiện	71 — 75
19.— Giữa dòng thế kỷ	Đoàn Ngọc	76
20.— Ánh đèn (truyện dài)	Vi Huyền Đắc	77 — 81
21.— Cái lương đã được 41 tuổi.	Nguyễn Ang-Ca	82 — 84
22.— Tái làm phim	Thái thục Điển	85 — 89
23.— Giới thiệu V.N.S.T.N.H.Đ.	Lâm-Vị-Thủy	90 — 93
24.— Kiên Trinh	Cô Văn-Nga	94 — 98
25.— Những người đời mười	Nguyễn Thu Minh	99 — 103
26.— Giới thiệu sách, báo mới	Hồ-Thị Lý	104—105
27.— Người làm vườn của bà B. Shaw	Quốc-Bảo	106
28.— Nhờ các bạn trả lời giùm	Cô Diệu-Huyền	107
29.— Đáp câu hỏi P. T. số 4		108
30.— Buồn, ơi ! chào mi (Bonjour tristesse)	Cô Diệu Huyền	109—113
31.— Công chúa tốc oàng	Cô Bạch-Yến	114—118
32.— 4.000 năm ca dao	Ba-Tèo	119—120
33.— Tin-tức Văn-hóa Quốc-tế		121
34.— Trả lời bạn đọc	Ba-Tèo	122

★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu	Cô Diệu-Huyền
★ Tranh vẽ	Thái Thục Điển
	Duy.Liêm
★ Bản kèm	Đặng-Nhâm
★ In offset Bìa	Nguyễn-Điêu
	Đồng-Nam-Á

- Các Báo-Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đã rõ nhất-xé : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và-đang viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

MÀU THUẦN

của

QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

TRONG giai-đoạn xây-dựng Việt-Nam mà toàn Dân cần tranh-thủ thời-gian và thi đua cố gắng về mọi phương diện để chiếm-đoạt những thắng lợi đảm-bảo cho tương lai và hạnh-phúc của nhân dân, thì ai cũng nhận thấy rất tiếc có nhiều màu-thuần đáng buồn trong hiện tình xã-hội.

Đáng buồn và đáng lo ngại. Vì không ai chối cãi được rằng những màu-thuần ấy hầu như đã thành một trạng-thái đặc-biệt của tình hình xứ ta hiện nay, mà không có triệu chứng gì tỏ rằng nó sẽ được phá bỏ.

Tôi không muốn đụng đến các khía cạnh chính-trị, hoặc kinh-lẽ xã-hội, của vấn đề. Tôi đã hứa hoàn-toàn đứng trên lĩnh-vực văn-hóa mà thôi. Thì, nơi đây tôi tin rằng các nhà cầm-quyền của Việt-Nam Cộng-Hòa cũng đã thấy rõ như mọi người những màu-thuần khiến, cho các tầng lớp thanh-niên ta hiện nay đang hoang-mang, không biết tiến tới một chủ-hướng nào, với những phương-tiện nào. Tôi xin nêu một ví-dụ rõ rệt nhất.

Bộ giáo-dục muốn mở-mang việc học trên một b'nh-diện rộng-lớn, nhưng lại chú-trọng về chiều ngang hơn là chiều đứng, giống như chủ-trương của toàn quyền Albert Sarraut năm 1916. Nghĩa là người ta đặt ra những chương trình trung-học bao quát rất nhiều môn để rồi không có đủ các lớp Đại-học để đón-nhận sinh viên Trung-học sau khi có cấp bằng. Tai-hại hơn thế nữa, chương-trình Văn chương và Toán-lý-Hóa ở Trung-học dạy toàn bằng Việt ngữ cho đến đệ-nhi-cấp, lên Đại-học sinh-viên đã dở Tú-lài phải bỏ-ngữ trước một rừng học chuyên-khoa hầu hết là ngoại-ngữ. Đến đây, sinh-viên Việt Nam phải thất-mắc, đứng trước hai ngã đường: hoặc theo luôn Việt-ngữ

thì chương trình Việt-ngữ ở các lớp Đại-học chuyên khoa thật là thiếu-sót vô cùng, không sao bổ-túc được đầy đủ các tri thức còn quá sơ-sai của mình, hoặc bằng qua chương-trình đại-học ngoại-ngữ thì kiến-thức ngoại-ngữ của mình không có căn-bản thích hợp với trình-độ đại-học của các nước ngoài.

Đó là một mâu-thuẫn rất lớn và rất ảnh-hưởng tai-hại cho tương lai của Thanh-niên ta, và của Nước ta. Tôi không hiểu Bộ Quốc-Gia giáo-dục sẽ giải-quyết cách nào để phá-tan mâu-thuẫn ấy?

Nước nhà đang cần gấp các Cán-bộ kỹ-thuật chuyên môn nhiều chừng nào hay chừng nấy. Theo tôi cũng phải ít nhất là vài ba trăm ngàn người thì mới đủ phát-triển điều kiện kinh-tế và giáo-dục, văn-hóa, xã-hội, chính-trị, v.v... trong một Quốc-gia đang cần xây dựng gấp rút và vững-bền.

Theo hiểu biết rất hèn mọn của tôi thì hiện nay, Chính-phủ đã gọi ra ngoại-quốc, như Mỹ, Úc, Gia-nã-Đại, Anh, Pháp, Nhật, v.v... một số rất ít thanh-niên công-chức của thời Pháp thuộc còn lại, vì các hạng thanh-niên này đã có căn-bản Pháp-ngữ hoặc Anh-ngữ khá-dĩ đeo đuổi được các ngành học chuyên-môn ở các nước bạn kể trên. Nhưng rồi hết các lớp ưu-tú này, thì sẽ lấy ở đâu ra nữa? Nếu tôi không lầm, trong các giới sinh-viên tự-ý xin đi du-học ở ngoại-quốc từ 10 năm nay, hoặc 4, 5 năm nay, chỉ một số rất ít, — ít lắm — mới vui lòng về Nước để phụng-sự, còn thì đại-đa số chỉ muốn ở ngoại-quốc luôn, không muốn về, — tôi không hiểu vì lẽ gì. Trong khi đó, Bộ giáo-dục lại còn hạn chế số thanh-niên muốn đi du-học ở ngoại-quốc. Còn thanh-niên ở trong nước, như tôi đã nói trên, thì các bạn sinh viên Trung-học với tri-thức Việt-ngữ còn thiếu-thốn rất nhiều do chương-trình của Bộ giáo-dục đào-tạo ra, sẽ làm sao vươn mình lên trình-độ Đại-học chuyên khoa quốc-tế?

Theo sở-kiến quá hẹp hòi của tôi, hình như không có ông Bộ-trưởng giáo-dục nào chịu hứng lấy trách nhiệm đào-tạo một thể-hệ thanh-niên có giá-trị học văn bằng thanh-niên ngoại-quốc. Ông Nguyễn-dương Đôn làm Bộ-trưởng một thời-kỳ, chủ trương chỉnh sách thiến-cận, đã bỏ rơi một lớp thanh-niên tuấn-tú của Dân tộc hiện còn chơ-vơ giữa các ngã-ba đường học văn. Rồi ông ấy được đổi đi làm Đại - Sử.

Ông Trần-hữu-Thế hiện làm Bộ-trưởng giáo-dục, có thấu rõ tình-trạng mâu-thuẫn rất có hại cho nền Quốc-gia giáo dục ở Việt-Nam Cộng-Hòa hay không?



Quan niệm ÁI-TÌNH trong văn thơ anh



I tình sống ở muôn nơi và muôn thuở, đời nào, nơi nào ta cũng thấy. Ái-tình được ca tụng nhiệt tình sâu đậm dị-kỳ.

Có thể nói: Nếu không có ái-tình, nền văn-minh huy-hoàng của nhân loại cũng không có; mọi sự ở đời chung quy cũng vì nó, thật là kỳ dị, thật là huyền bí. MARK TWAIN phải lắc đầu than rằng điều ông ngạc nhiên nhất đời là sách văn phạm của khắp các nước trên thế-giới đều lấy động-từ «Yêu» (to love) làm mẫu để tập chia động - từ. MARK TWAIN không nói chuyện tao lao đâu; Quả thật thế: Văn phạm của ĐỨC thì có động từ «amare», của Tây-Ban-Nha thì «amar» của Ba-Lan thì «Kochac» của Pháp thì «aimer»... v.v... họ đều lấy động từ ấy để làm mẫu tập cho học trò chia động-từ.

Ái-tình là gì, mà «phổ thông» như thế nhỉ?

Đây hãy dở quyển tiểu-thuyết *Un Certain Sourire* của FRAN-

ÇOISE SAGAN bạn sẽ tìm được giải đáp. Ngay ở mấy trang đầu quyển sách, FRANÇOISE SAGAN có đưa ra một câu trích dẫn sau đây để định nghĩa ái-tình: «Ái-tình là cái gì xảy ra giữa hai tình nhân (Roger Vailland).

JEAN PAUL SARTRE định nghĩa ái-tình là sự chiếm hữu (possession) SCHOPENHAUER có tiếng là bi quan đệ nhất cũng cho ái-tình là một bản năng mà mục-dịch duy nhất là bảo tồn giống nòi.

Ái-tình được các tao-nhân mặc khách nói đến rất nhiều lần; nhưng các triết-gia lại ít xét đến.

Tùy theo trình học, theo bản năng hoặc theo tình cảm mỗi tao nhân văn-sĩ sẽ quan-niệm riêng về ái-tình sẽ giải thích ái tình dưới khía cạnh nào đó mà họ đã cảm và nghĩ.

Theo tôi chút hiểu biết của tôi, riêng trong các văn thơ Anh có nhiều ý nghĩ, nhận xét lý thú về ái-tình, ta hãy nghe họ nói.

Trước hết, họ định ninh cho

* của *

NGỌC HOA

rằng ái-tình mù. Người Anh nói ái-tình mù thì phải biết, vì mù như thi-sĩ MILTON mà còn lui cui viết được tập thơ bất hủ « Paradise lost » (Thiên-đàng đã mất).

Hồi thế-kỷ thứ XIV, người bình-dân Anh đã có câu tục ngữ: « Love is blind » (ái-tình mù quáng). Rồi sau đó, tất cả các nhà văn Anh đều đồng thanh cho rằng ái-tình mù-quáng. Trước tiên là GOWER, rồi CHAUCER, BEN JONSON, SHAKESPEARE, POPE, vân... vân... cả một đạo bình hùng hậu rầm rập như đàn cừu PANURGE của RABELAIS.

Đầu tiên trong tập Confessio Amantis (BK. I), lão GOWER « giáo đầu » bằng 1 câu văn Anh-ngữ trung cổ (Middle English) như vậy: « For love is blind, and maie not see » (vì ái-tình mù quáng nên không thể thấy được). Kế đó cụ CHAUCER « già cắc » hô hoán: « The god of love is blind as stone » (thần ái-tình mù quáng như cục đá). Cụ già này thật quá « trịch thượng ». CUPIDON, thần Ái-tình của La-mã, là một vị giáo-chủ có quyền uy nhất trần-gian và có nhiều tín đồ nhất trần-gian, mà cụ dám xia xói như thế, cụ không sợ gì sao?

Tôi thường nghe dân « Lồng mao đỏ » (Hồng Mao) nói: « Mù như chuột chũi » (As blind as a mole) « mù như dơi » (as blind as a bat) « mù như loài bọ hung

bọ rầy » (as blind as beetle), chứ ít người nói mù như đá (as blind as stone). Hèn chi ở bên Algérie có một dãy núi tên là « Amour » (Djebel) nghĩa là dãy núi đá. Ấy, nếu CHAUCER nói « ái-tình mù như đá » thì cũng chỉ lý lẫn đấy.

Trong vở kịch « The poetaster » (Act IV ; Sc II), BEN JONSON cũng nói « Love is blind » (ái-tình mù quáng), rồi đại-kịch gia vĩ đại WILLIAM SHAKESPEARE cũng nhìn nhận: « ái-tình mù-quáng » (but love is blind), (the merchant of venice, Act II, Sc. VI).

Sau SHAKESPEARE có kịch gia COLLEY CIBBER (1671 - 1757), trong vở kịch « Woman is Wit » (Act I, Sc. I), CIBBER viết: « Love's a blind guide, and those that follow him too often lose their way » (ái-tình là một thằng dẫn đường mù; ai theo nó thường luôn bị lạc đường). Giời ơi, khổ quá; Đây là con người, ai lại không chạy theo ái-tình ông nhỉ? Ông nói vậy nghĩa là nhân loại đã đi lạc đường, lạc lối trong mấy nghìn thế kỷ nay rồi nhỉ? Khổ ghê đi.

Ở thế kỷ XVIII, văn hào ALEXANDER POPE, nguyên soái văn pháp cổ-diễn Anh, nhấn mạnh lần cuối cùng trong « January and May » như thế này: « Love is always blind » (ái-tình luôn luôn mù quáng).

Thật là « đồng thanh trong ứng », một chú gà gáy thì bầy

gà đều gây lại ; Một người nói ái-tình mù quáng, thì tất-cả rầm rập nói y hệt như vậy !

Chả trách có kẻ đã nói : Các đầu-óc vĩ-đại hay gặp nhau ! Theo ngu ý của tôi, ái-tình không mù, không quáng gì hết, tôi xin hỏi quý Ông 1 câu, một câu thôi : Nếu thần CUPIDON mù, tại sao hề mỗi lần thần giơng cung lên bắn, thì mũi tên vàng (1) đâm thủng ngay trái tim của người ấy.

Đó là hỏi léoắt chơi vui thôi, chớ ngày nay biết bao nhiêu người đánh chết chủ-trương của quý ông. Đánh đau nhất là triết gia Đức MAX SCHELER (1874-1928), ông cho rằng ái-tình không mù quáng, nhưng lại làm cho người ta sáng tỏ thêm nữa.

Tân kỳ nhất, lập dị nhất là nhà thơ SAMUEL BUTLER (theo tôi nhà thơ lập dị vì bởi trong văn học Anh có 2 ông tên là SAMUEL BUTLER, một là nhà văn, và một là nhà thơ : nhà văn sống ở thế kỷ XIX và là tác-giả « Ereuhon », nhà thơ sống ở thế kỷ XVII và là tác-giả « Hudibras »), trong thi phẩm trường giang đại hải Hudibras, nhà thơ SAMUEL BUTLER viết : « *Love is a boy* » (ái-tình là một đứa con nít) không

hiều nhà thơ muốn nói gì thế ?

Rồi ông viết tiếp :

« *Then spare the rod, and spoil the child* » (thương cho roi cho vọt) câu này đồng nghĩa với câu tục-ngữ Pháp « *Qui aime bien châtie bien* » hay câu tục-ngữ Việt « Yêu cho vọt, ghét cho chơi » hoặc thương con thì thương bằng roi, thương con đòi thì thương bằng cơm ». Mấy câu này đại-ý người ta không nên nuông chiều con quá mà làm hư con. SAMUEL BUTLER viết « *Love is a boy* » không ai hiểu nhà thơ muốn nói gì, nhưng rồi ông viết tiếp : « *Then spare the rod and, spoil the child* » à... tôi hiểu rồi đây, nhà thơ muốn bảo đại loại như vậy : « không nên nuông chiều ái-tình quá, vì ái-tình là một đứa con nít, nếu nuông chiều quá thì nó sẽ hư » ; có phải như thế không, các bạn thân-yêu ?

Nhà thơ đa sầu JOHN FORD. (1586-1639) trong vở kịch « *The broken heart* » (Act IV, Sc I), cũng cho ái-tình là một đứa con nít :

*Love feasts on toys,
For Cupid is a child*

(Ái-tình chơi đồ chơi thỏa thích vì CUPIDON là một đứa con nít).

Năm 1886, văn-sĩ JEROME K. JEROME cho xuất bản quyển « *Idle thoughts of an iddle fellow* » đọc hết cả tác-phẩm, hiện giờ tôi còn nhớ chỉ có một câu thôi, câu ấy là : « *Love is like the measles ; we all have to*

(1) Theo thi-hào La-Mã Ovide thì mũi tên của thần CUPIDON rất nhọn và bằng vàng. Shakespeare cũng bắt chước Ovide mà gọi là Mũi tên vàng, (how will she love when the rich golden shaft has touched her heart. — TWELFTH NIGHT).

go through it » ái-tình giống như bệnh sởi mà tất-cả chúng ta đều phải chịu qua bệnh ấy), theo tôi có lẽ Jerome đã bị bệnh sởi nhiều lần, nên nó ám ảnh, mới ví như thế.

Nhà thơ A.W. viết trong « Ode IX » (From divison's Rhapsody)

Love is a pleasant woe

(Ái-tình là một sự đau khổ thú ợt)

Vâng tôi xin tán đồng thi-sĩ A.W. quả là một người rất sành tâm-lý học. Các nhà tâm-lý học nói khoái lạc và đau-khổ thường thâm nhập lẫn nhau (*compénétration du plaisir et de la douleur*) ví-dụ ăn tiêu ợt: Cay, làm nghề viết văn: đau khổ, uống « ba-xi-đế »: Chát và đắng, nhưng chúng ta vẫn thích ăn tiêu ợt, thích theo nghiệp dĩ văn chương, thích uống ba-xi-đế. Ở đây cũng vậy, yêu là khổ, nhưng người ta cũng vẫn yêu, vì trong đau-khổ ấy vẫn có ẩn nấp sung sướng, a pleasant woe)

Thi-sĩ SEDLEY (1639-1701) nói ái-tình là một gánh nặng.

Love is a burden, which two hearts
When equally they bear the parts
With pleasure carry; but no one,
Alas, can bear it long alone.

(Ái-tình là một gánh nặng mà hai quả tim chịu mang một cách ỏi thú khi cả hai mang đồng đều nhau phần của mình, nhưng hỡi ời, không có người nào có thể mang nó lâu một mình.)

Nhà thơ THOMAS WATSON (1557-1592), trong « The passionate centurie of love (XVIII) » cho rằng ái-tình là một « lạc thú »:

Love is a sour delight

(Ái-tình là một - thứ chua chát)

Lạc-thú mà chua chát, nghĩa là yêu không khác gì uống La-ve, vì uống la-ve là một cái thú, nhưng một cái thú chua chát, ông THOMAS WATSON còn cho ái tình là một cái « chết còn sống » (A living death), một « biển nước mắt » (a sea of tears), một « cuộc phấn đấu không bao giờ ngừng » (an everlasting strike) và một « vết thương làm chết được » (a deadly wound) ;

Trong một thi phẩm trường thiên nổi tiếng thi-hào SPENCER (1552-1599) viết :

Love that two hearts makes one
(BK. II, can IV,)

(Ái-tình làm hai quả tim thành một).

Tôi nhớ một câu hát-hò của Dân quê Việt-Nam cũng nói như vậy :

Mình với ta tuy hai mà một

Ta với mình tuy một mà hai...

Hai quả tim mà biến thành một quả tim, quả thật thần ái-tình có nhiều phép nhiệm mầu kỳ-dị « bất khả tri luận » ;

Văn-hào WALTER SCOTT nói ái-tình biết « thỏ sáo » biết « cỡi ngựa », biết « nhảy đầm » :

In peace, love ternes the shepherd's reed ;

In war, he mounts the warrior's steed

In halls, in gay attire is seen

In hamlets, dances on the green...

(The lay of the last minstrel)

(Thời bình, ái-tình hòa điệu cùng ống sáo của mục phu-

Thời giặc, nó nhảy lên cỡi ngựa của
chính-phu,

Ở lâu đài, người ta thấy nó mặc
quần áo lòe loẹt

Ở xóm thôn, nó nhảy múa trên bãi cỏ)

Và sau cùng, ông nói ái-tình
là «trời»

For love is heaven, and heaven
is love.

(Vị Trời-tình là trời, và trời là ái-tình)

SIR HENRY WOTTON (1568-
1639, nói ái-tình là một «trường-
học» :

Love was but a school
To breed a fool

(A poem, written in his youth)

(Ái-tình chỉ là một trường học để tạo
ra một thằng điên).

Nhà văn COWLEY (1618-1667)
nói ái-tình không khác gì chim,
vì :

Love hath wings

(An Answer to an Invitation
to Cambridge, III)

(Ái-tình có cánh)

WASH định-nghĩa ái-tình rất
mới mẻ :

Love is a medley of endearments,
jars

Suspicious, quarrels, reconcile-
ments, wars.

(To his Book)

(Ái-tình là một sự tạp nhạp những
lời nói ngọt ngào, những tiếng
chát tai, những ngờ-ợc, những
sự cãi lộn, giằng hòa, chiến
tranh :)

thật là loạn xạ xà bì ;

BYRON cho rằng ái-tình chinh
phục tất-cả :

Love conquers all

(Childe Harold, can. II, Lx III)

nhưng rồi ông chép miệng than :

Alas ; the love of women ; it is
known

To be a lovely and a fearful thing
(Don Juan, II, 199)

(Hỡi ơi, yêu đàn bà ; ai cũng biết
là một việc mê-thích nhưng dễ sợ).

TENNYSON nói rằng ái-tình
thắng cả thần chết :

Love can vanquish death

(A dream of fair women)

Thi - sĩ kiêm Tu-sĩ GEORGE
HERBERT (1593-1633) định nghĩa
ái-tình là đời hơn hết :

Love's a man of war,
And can shoot from far

(Discipline)

Ái-tình là một chiếc tàu chiến
(hay một chiến sĩ) và có thể bắn
từ đằng xa.

Thật là một định nghĩa không
tiền tuyệt hậu về ái-tình.

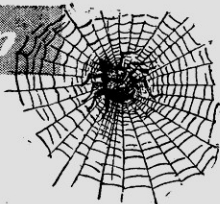
Đến đây tôi tưởng đã nói
chuyện nhiều về ái-tình lắm
rồi, như vậy cũng tạm đủ. Và
chợt tôi nhớ đến câu hỏi hách
hống của Đại kịch sĩ Pháp COR-
NEILLE ; « Ê thằng ranh con,
mì biết ái-tình là cái quái gì không
mà nói đến ái với ân ? » (Connais-
tu bien l'amour ; toi qui parles
d'aimer) ?

Thưa tiên-sinh, tôi chỉ biết sơ
sơ thôi ạ ; vì vậy tôi mới nhường
lời cho chư vị văn-sĩ nước Anh-
Cát-Lợi. Còn nếu nhắc đến các
Văn Thi sĩ Pháp, Đức, Tàu, Ý
nữa, nhất là Pháp, thì vô số kể !
Vậy thôi, tôi xin hạ bút nơi
đây.

Con nhện

NGƯỜI KHÁCH TRỢ
BÍ MẬT

NGUYỄN-TRẦN-GIANG



HẮC hẳn với nước Cộng Hòa Con Ong là một tổ-chức dân-chủ đẹp để nhất nhì trên thế - giới mà tôi khuyên các quốc gia yêu chuộng tự-do nên đánh điện công nhận gấp gáp sau khi đọc bài giới-thiệu của Ông Huỳnh Bội-Hoàng, nay tôi xin giới-thiệu nước Nhện Nhện là hình ảnh độc-nhất còn sót lại đến ngày nay của một lễ lối tổ chức rất... vô tổ chức.

Thật cũng chẳng có gì để đáng gọi là một « nước ». Các danh từ như hợp quần, chung sống, chia xẻ... không có trong ngôn - ngữ Nhện Nhện. Chúng sống hoàn toàn riêng rẽ theo đúng tinh-thần câu « Trời đất sinh ta ắt có ta và chỉ có biết ta ». Cũng không thể gọi là bộ-lạc, là nhóm hay là ổ nhện nhện (danh-từ này để chỉ một nơi rất đông-đúc và vui-vẻ — theo lời bác Cảnh sát). Loài nhện hay một con nhện, thế thôi. Cái bản-tính vừa cô-độc vừa

ngang-tàn ấy có lẽ do cuộc sống phiêu-lưu hồ-hải mà sinh ra. Loài nhện vốn hay ăn nhờ ở đậu. Đa số chúng ta là « nước hạn » của chúng. Mỗi giao hiếu lại càng chặt-chẽ hơn nữa đối với các văn-sĩ, thi - nhân, hay các cậu học-sinh, sinh-viên, vì ở nhà « các bậc chỉ biết trọng sự làm việc bằng tinh-thần » này, chúng được hoàn-toàn yên-đón cho đến khi họ sắp đón tiếp một người bạn gái đặc-biệt nào đó thì ôi thôi ! Cuộc đời du-mục cũng lắm cái đáng thương !

Giờ thì mời các bạn ngược mắt lên nào ! Bạn đã có một người thuê nhà : con Aranée (tên khoa-học của một giống nhện thông thường) đã lên vào phòng bạn tự khi nào ! Và « nàng » bắt đầu kiến-thiết.

LƯỚI NHỆN

Trước hết là việc xây dựng một cái « sườn » tức là cái lưới

nhện. Thường thường những cái sườn này rộng đến bốn tấc vuông mà con Aranéa lớn lắm cũng đến 1, 2 phân là cùng. Vì như con người chúng ta phải dựng một mình một cái sườn rộng 320 thước vuông. Thế mà nàng Aranéa liều yếu đào tơ quấn quật một ngày là đầu vào đấy. Tối đến, nàng chọn một nơi để ngủ mình. Vốn là người con gái rất nết-na, trước khi ngủ, nàng chẳng một dây tơ như dây điện - thoại. Khi cần, dây nàng rung lên và báo cho nàng biết mà đề-phòng tất cả mọi cuộc viếng thăm kém xây dựng có thể

Những dây tơ mà nhện giăng có một bộ bền-bĩ lớn hơn bất cứ loại tơ nào của loài người chúng ta. Ngày hôm sau Aranéa bắt đầu chăng những dây lan-hoa (rays). Những đường này được phân-phối cách nhau như tấm xe đạp, tuy không được đều đặn bằng. Tiếp đến là phần quan - trọng nhất của cái bầy (vi lưới nhện chỉ là một cái bầy): đó là hai đường xoáy tròn ốc đồng-tâm. Một đường ở trung-tâm lưới để làm lưới chắc chắn thêm. Trước khi chăng đường thứ hai (đường chính) Aranéa chăng một đường phụ có tính cách tạm thời để di-chuyển cho dễ dàng. Nhện chăng đường tròn ốc bao giờ cũng từ ngoài vào trong. Đi đến đâu, đường phụ (được dùng như cái dàn của thợ nề xây tường) sẽ bị phá đến đó. Xong đâu đấy, Aranéa lo bày biện cái « khuê-

phòng » ghê gớm của nàng. Nó vừa là chỗ nghỉ ngơi vừa là lò sát-sanh. Những giống sâu bọ nào không đủ sức chống cự lại Aranéa đều bị kéo lê vào phòng này, và « nàng » sẽ ung-dung nằm hút máu. Những con khác vóc vạc đáng nề hơn, không cho phép nàng dùng chiến-thuật trên thì nàng nhả tơ trói gò chúng lại, thanh-toán tại chỗ.

NẠN NHÂN ĐẦU TIÊN

Anh chàng châu chấu này mới liên-hoan ở đâu về mà đoảng góm ! Lại nhằm giữa cái mê-hồn trận chẳng - chịt ấy mà lao vào rồi ! Aranéa lao lại nhanh như chớp. Nhưng khoan, thận - trọng, nàng đứng cách con mồi một khoảng cách « chiến-thuật » để quan-sát. Anh chàng coi bộ không được dễ ưa chút nào. Cặp chân sau lồm-chồm những gai ấy so ra còn khỏe hơn bộ giò con cấn-guru chứ phải thường đâu. Aranéa nghĩ thầm : « Thăng tướng đó mà vùng-vẫy thì cái « bất-động-sân » của mình dám « bay » lắm. Phải ra tay gấp mới xong ».

Lập tức nàng xoay người lại, hướng cái vòi ở chót bụng về phía tên tử-tù nguy-hiêm rồi phóng ra một chất nhựa trắng như sữa. Aranéa dùng hai chân sau hất nhựa này phủ kín lên mình châu-chấu như một miếng băng, vừa quay nó đủ mọi phía như người ta trở con cừu trên

que nướng. Con châu - chấu tội nghiệp không nhúc-nhích được nữa. Bữa ăn (hay đúng hơn là: bữa hút máu, vì loài nhện chỉ thích hút máu tươi) đã sẵn-sàng! Khi Aranea buông con mồi ra thì cái xác rỗng không ấy rơi nhẹ nhàng như một mảy lông.

Những « khốe » làm ăn khốe

Có nhiều giống nhện khác nhau dùng những dụng-cụ rất đáng hoàng để săn bắt; tuy không được gọn - gàng nhưng thật kỳ-diệu. Giống magnificus (ở Úc Châu) thì dùng cần câu! Cần câu là một sợi tơ dài độ 5 cm, ở chót cần có một cục nhựa tròn. Con Magnificus mắc cần câu vào một cái chân trước rồi ngồi trên một cành cây, lẳng lặng chờ. Một con bướm nhỏ đánh hơi mùi thơm của nhện (như 1 cành hoa), lẳng văng lại. Chờ đến một khoảng cách thuận lợi, Magnificus giở cần lên khỏi đầu, quay tròn như mấy chú cao-bôi quăng lát-xô (lasso). Con bướm liệng qua liệng lại vài lần và cuối cùng bị tóm. Mấy anh học-sinh nào thích bắt ve sầu bằng mủ mít gần ở chót cây sào nên qua Úc để rút kinh-nghiem!»

Song không phải giống nhện nào cũng săn mồi bằng khí-giới do nhựa tiết ra. Có nhiều giống nhện chỉ trông cậy vào sự nhanh nhẹn và sự co dãn của cặp chân

để sinh-sống. Giống thứ nhấ rượt mồi chạy hết hơi. Giống thứ nhì rình - vật rồi thỉnh - linh nhảy bổ đến vỗ như hồ vỗ mồi. Tóm lại « chân làm hàm nhai » vậy. Giống nhện-sói (tiếng Pháp gọi là Araigée-loup) mà người ta thường thấy nhất là một loại Tarentule (1) rất nổi tiếng, chủ dùng noc độc để bắt mồi.

LÔNG MẸ

Con Lycosa (t giống Araigée-loup khác) có cái đặc-biệt là xenr bốn-phần làm mẹ rất là quan trọng, tuy cuộc tình duyên nhện-nhện chẳng có gì là thơ mộng cả. (đoạn sau tôi sẽ nói kỹ). Thường thì anh nhện đực so với chị nhện cái ví như đem một nửa, hay một phần tư Kim Trọng so với Tú Bà! Chàng nhện thì « như liễu như mai » còn nàng thì « đường đường một đấng nhữ nữ ». Khi cuộc tình duyên bắt phần cân lượng đó có dấu hiệu « cụ thể hóa » thì nàng cảm thấy anh nhện đực có hơi thừa. Nàng bèn giết phăng và chèn một bữa tí-tí. Sau đó ít lâu nàng đan một cái túi bằng tơ, buộc chặt vào dưới bụng để đựng trứng. Và từ đó nàng không hề rời cái túi ra nửa bước. Nàng sẵn-sàng chiến-đấu như say máu để bảo vệ chúng và nếu mất chúng, nàng trở nên điên-cuồng thật sự.

Nhà nguyên-ngũ học Bonnet có lần bắt được một con Lycosa đang mang bọc trứng. Ông ném nó vào một ổ kiến sư-tử (hay quen gọi là cục : fourmi-lion). Thút kinh, nàng ta ba chân bốn cẳng định chuồn nhưng mấy con cục đã cắn chặt lấy cái túi. Dừng co một chỗ, cái túi rời khỏi bụng mẹ. Thay vì lợi dụng cơ hội để thoát thân, nàng lại cố gắng níu lấy cái túi đang bị lũ cục vùi dần dưới cát. Suýt nữa thì nàng cũng bị chôn sống luôn nếu ông Bonnet không can-thiệp đúng lúc và mang nàng lên. Nhưng ông vừa buông tay, nàng lại lao ngay vào ổ cục. Lần này ông Bonnet phải mang nàng ra thật xa.

Vào khoảng giữa tháng 9, cái bọc vỡ tung ra dưới sức xô-dẩy của gần 200 cậu bé nhện. Lycosa gỡ cái bọc ném đi. Nhưng lòng thương con không phải tới đó là hết. Đám nhện bé tí ấy chỉ có một ước vọng : được đi đó đây với mẹ chúng. Cái bọc vừa vỡ ra, đàn con văng ra tứ tán nhưng trê một phút, chúng ào-ào, nhất đê xung-phong trào lên lưng mẹ. Và cuộc hành-trình bắt đầu.

Ở nhà với « BỐ », biết ngày nào khôn

Có lẽ lũ nhện trẻ ranh đã chủ-trương tiến-bộ như vậy nên tuy cuộc hành-trình sẽ kéo dài đến sáu tháng và xiết bao lên thác

xuống ghềnh mà chúng cũng không sờn lòng. Chen-chúc trên lưng mẹ như hành khách ngồi trên mũi ô-tô-buýt ở lục tỉnh, chúng ung-dung ngao du sơn thủy. Và chiếc buýt thì vui đầu chạy đó chẳng kể đất trời gì. Có khi lại chui, tọt qua mấy cái bàn, bé tí-tí khiến hành - khách bị gạt ngã bở chông. Nhưng thường con Lycosa ngừng lại đằng hoàng, hành khách lục tục lên xe. Chỉ có điều là nếu Lycosa bằng lòng « mang nặng » một lần nữa lũ con nhung nhúc ấy mà không than thì một lời thì trái lại nàng cũng không làm gì để có cái ăn cho chúng cả. Thật ra thì chúng cũng chả cần ăn uống gì trong 6 tháng phiêu-lưu đó. Đôi khi mẹ chúng đụng đầu với một mẹ nhện khác. Biết chắc một cuộc chạm trán này lửa sẽ khó tránh, chúng xô nhau chạy tìm chỗ ẩn. Đến khi một trong hai bà đã đánh ngã địch thủ, cả hai đàn con lại tranh nhau lên lưng bà mẹ vừa thắng, ngồi chờ bà này chén hết máu kẻ tử thù rồi tiếp tục lên đường.

Hết sáu tháng, gia đình bắt đầu tan rã. Từ lúc đó bà từ mẫu chỉ chú-ý đến lũ con khi bà đói bụng. Vô phước đứa nào không nhanh chân thoát ly là chui tọt vào bụng bà. Nhưng hầu hết chúng đều biết rõ hiểm-họa đó. Như cùng nhau hội ý từ lâu, đến một buổi thỉnh - linh chúng hè nhau thực xuống xe, lủi ra thật xa rồi trào lên các ngọn cỏ.

Đến chót ngọn cỏ, chúng bay lên, hăm vào những sợi tơ trắng bay lơ lửng mà chúng ta quen gọi là tơ trời.

Một số khác chui tọt xuống đất, đào hầm để ở. Trước cửa hầm, chúng xây một cánh cửa chắc chắn đến nỗi không một con vật nào khác có thể mở ra được. Muốn bắt nhện, người ta phải dùng đến dao con chó mà nạy. Cái cửa đó làm bằng nhiều lớp tơ trộn với đất, có bản lề đáng-hoàng và chỉ mở từ phía trong ra ngoài thôi. Như vậy có nghĩa chỉ mình nhện là ra vào được

«tư thất» đó thôi. Công-trình này được hoàn-hảo đến nỗi không bao giờ cửa đó bị kẹt.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH :

Tarentule — Giống nhện to lớn, đặc-biệt ở vùng Tarente (miền nam nước Ý). Người ta thường tin rằng nọc giống nhện nhện này chích vào làm người ta buồn ngủ và u sầu lạ thường và có thể chết được. Tuy nhiên các nhà chuyên-môn đã chứng-minh rằng nọc chúng vô-hại đối với người, chỉ làm sưng chỗ bị chích một tí thôi.

* QUẢNG CÁO BỐ-LÃO !

Phong trào Thanh Niên Thiếu Nữ «tự-tử» tại Đô Thành một hồi bỗng trở nên rầm rộ. Các cô các cậu đua nhau lao đầu vào đường xe lửa, treo cổ lên xà nhà, uống dầu nóng, dầu hôi, át xít, có kẻ muốn chết một cách âm áp thì tắm ét xăng vào mình rồi đốt cháy như bó đuốc, lại có nhiều cặp trai gái đang yêu đương «da-diết» muốn cùng nhau «về cho mát mẻ» thì cột đá vào cổ rồi ôm rít lấy nhau nhảy tùm xuống sông, vãn vãn... và vãn vãn... Chín trăm phần nghìn các cuộc tự vẫn lẽ bởi vấn đề tình ái, và năm trăm phần nghìn vụ đã được cứu sống. Đây là 1 trong số nghìn vụ tự tử đã xảy ra, câu chuyện nhiệm một ý nghĩa khôi hài đặc biệt. Một chàng nọ thất tình, rất là lâm ly ai oán, bèn đi ra chợ chọn mua một sợi giây thừng thật bền chắc đem về bắt ghế cột giây lên xà nhà, đoạn y thò đầu vào vòng giây và đập đồ ghề. Vòng giây thắt lại, y nghệt cổ giãy dụa... bỗng sợi giây đứt «cái phụt» y rơi ngã lăn cù xuống đất. Anh chàng tự tử, dùng dùng nỗi giận, cầm sợi giây đứt chạy thẳng ra chợ và hăn học bảo người bán hàng :

— Bác thật là dở .. lưu manh, buôn bán đồ giả, giây thừng thế này dám cam đoan là tốt bền ? Tin lời quảng cáo của bác có ngày tôi bị té gáy cổ !

Q. B.



Hôm ấy trời rất đẹp. Trời đẹp nhưng thầy Mạnh - Kha thấy buồn - buồn. Ngồi trầm-tư trong nhà cô, bấm đốt ngón tay thầy thấy năm tháng trôi đi một cách lạ-lùng mau chóng mà đạo thánh vẫn mờ-mờ ảo-ảo. Nhìn xung quanh, phong cảnh vô cùng tiêu-sái: văn-miếu, cung-diện, đài-các nào đâu?

Đến ngày nay, con trẻ Trung-hoa không thấy học « minh minh, đức... thiên-tích thông-minh » v. v... Sách vở Trung-hoa không nói đến đại-lý mà toàn đi bàn cãi những chuyện đầu đầu... Trăm-hoa đua nở, hợp-tác-xã, chiến-tranh, hỏa-tiến Hercules, nghĩa là toàn những chuyện mà bậc Á-thánh không thể nào lý-hội được.

Khỏi trong đình trầm tỏa nhẹ, thầy Mạnh-Kha nghĩ bụng rằng: « Đến bây giờ, Thánh không là thiên-đạo ư? Chi-Thánh không

—Tập Bút của—
TRẦN-TƯỜNG-NIỆM

thề tiên tri ư? Thầy lắc đầu chán nản. Đầu nặng như chì, Thầy khẽ vuốt bộ râu bạc dài quá rốn. Thầy chợt nghĩ rằng phải.... « Hành thiên-lý độ » mới hiểu được cái lẽ trời, lòng người. Thầy mỉm cười với ý-kiến của mình rồi kêu tiểu-dồng, bình như là Lý-Thái-Bạch thì phải, thẳng lura để đi du lịch. Với sức hiểu biết quán-thông Thầy liền thẳng đường sang Thụy-sĩ vì Thầy hiểu rằng chỉ có ở đó mới dễ xin giấy nhập-cảnh, ở đó không có hầm chứa bom nguyên tử, không có các nhà chính-trị lỗi-lạc, không có lý-thuyết này, lý-thuyết khác.

Ngày hôm ấy trời đẹp.

Ngày hôm ấy, nhà đại hiền-triết Đông-phương cùng với tiểu đồng Lý-thái-Bạch du Thụy-sĩ. Trên lưng lura, bốn nghìn năm

văn-hiến đi theo nhà hiền-triết sang Tây-phương.

Trên trời một chiếc phi-cơ tối-tàn bay nhanh hơn gió.

Cũng ngày hôm ấy, đại nữ văn-hào Françoise Sagan cùng với đức lang quân, không biết nghĩ thế nào cũng lên đường sang Thụy-sĩ. Chiếc xe của họ chạy không hề luật-lệ cảnh-sát. Trời Ba-lê, cỏ vườn Luxembourg, các quán rượu ở Montparnasse lùi dần-dần, buồn và nặng dần-dần.

Thầy Mạnh-Kha chống gậy trúc, mặc áo xanh bạc màu. Chiếc áo xanh bạc này là của bạc từ mẫu may cho từ thuở Thầy còn bạch-diện, trước màu xanh Tư-mã bây giờ bạc đi vì năm tháng đi du-thuyết chư-hầu. Các chư-hầu phần nhiều ích-kỷ và hà-tiện mà Thầy thì nhiều tự-ái nên từ trước đến nay, Thầy chỉ có mỗi một chiếc áo ấy mà thôi. Thầy lững-thững từ phương Đông đi đến, chòm râu bạc bay phất phơ trước gió chiều, sau lưng là Lý-thái-Bach, một tay dặt lưã, một tay cấp một hồ rượu các. Dọc đường, không biết bao nhiêu là nam thanh nữ-tú, áo quần ngắn cũn-cồn tóc ngắn, thần-nhiên nhìn hai thầy trò. Thầy Mạnh-Kha hơi run nhưng cũng cố sức thần-nhiên liếc lại họ; duy Lý-Bach, thì-hướng nổi dậy, ngắm họ trân-trân.

Trên đại lộ hoàng-hôn, vợ chồng Françoise Sagan ung-dung

cắp tay nhau nhìn trời, nhìn đất, nhìn người bằng cặp mắt lơ-lơ. Nhà đại văn-hào của nước Anh sáng mặc chiếc tiê-y thêu hình một bộ đồ quần âm, và 1 tranh tổ-nữ. Vải áo, chỉ thêu màu sắc lẫn-lộn quân-tử tiêu-nhân. Một chiếc quần ngắn và một đôi giày mô vẹt che chở cho bộ-phận thân-thể có lẽ có nhiều ý-nghĩa của nàng. Xung quanh cặp vợ chồng ấy, không biết bao nhiêu là tài hoa son-trẻ.

Không biết là do tình-cờ, do hữu-duyên hay là những trí lớn thường hay gặp nhau mà bạc Á-thánh Đông-phương cùng với tiêu-dồng họ Lý chạm trán với đại nữ văn-sĩ ở một nơi phong cảnh rất hữu-tình: công-viên X với những chiếc ghế lập-thề, những bồn hoa lập-thề méo-mó bên hồ Léman xinh như mộng, với đám chiếc âu lượn vật-vờ, đám chiếc buồm trắng trôi nổi, đàn ca văng-vẳng: mambo, jazz...

Thầy Mạnh-Kha chấp tay cúi đầu:

— Lão phu xin kính chào các-hạ và phu-nhân. Xa-xôi từ ngàn dặm tới đây, được gặp quý vị thật là vạn-hạnh.

Françoise Sagan tươi cười, một nụ cười nào đó, thần-nhiên hay là xã-giao, đưa bàn tay ngà ngọc ra bắt lấy hai tay khô hạc của nhà hiền-triết:

— « Buồn ơi, chào ngươi ! »

Thầy Mạnh-Kha :

— Lão-phu nghe tiếng quý phu nhân từ lâu. Nhờ mấy thằng bé ở tề-quốc, lão phu biết được một phần nào các Kinh, Sách của phu nhân. Thật là lời-lời châu-ngọc hàng-hàng gấm thêu.

Sagan :

— Rất cảm ơn ông bạn ! Chiều nay có dạ hội, có luân-vũ, có Rock and Roll. Ông bạn và chú nhỏ đi dự với chúng tôi nhé ?

Thầy Mạnh-Kha :

— Đa-tạ phu - nhân. Lão-phu quá già yếu, gân cốt mỗi một nên xin kiếu (Lý-Bạch giết giải áo, Thầy Mạnh-Kha cứ lờ đi). Lão phu chỉ muốn hỏi phu nhân một điều :

Tại sao phu - nhân không đem cái lễ « nhân nghĩa » ra giấy đồ cho con trẻ, cho các nhà chính trị ? Lão-phu trộm nghĩ : từ thuở thiếu thời, tuy ngu dốt, lão phu cũng cố-gắng đọc được chừng dăm ba vạn cuốn sách của đức Thánh ; suy gẫm đã nhiều, lão-phu chỉ thấy rằng phải giấy đồ thiên hạ theo cái nguyên lý của kinh Dịch. Vì vậy, giấy người là phải chính tâm, tu thân... Lão phu có mang theo cuốn « Minh Tâm Bảo-Giám », xin phu-nhân thử xem...

Sagan xua tay :

— Cảm ơn ! Cảm ơn ! Tôi đã nghe qua, hay đấy chứ nhưng...

— Nhưng làm sao, xin phu-nhân cho lão-phu biết cao ý ?

— Đẳng kia trong tòa nhà chọc

giới ấy, ông có biết không ? Trong tòa nhà ấy có mấy lão to đầu đang lừa bịp nhau về bí-mật nguyên-tử. Phóng-xạ sạch, phóng-xạ bẩn, vệ-tinh...

Thầy Mạnh-Kha :

— Lão phu trộm nghĩ cần phải giảng thuyết cho các bậc ấy biết cái đạo Trời.

— Đạo Trời là cái gì ? Lối thói lảm.

Ông có thấy cặp thanh niên đang ôm hôn nhau trên cái banc xanh đỏ kia không ? Tôi biết rõ họ lắm. Họ yêu nhau một cách rất là một mối. Chàng đương loạn não vì nghiên-cứu phóng xạ đồng-vị, nàng học triết-học, mê thuyết của Freud. Ông có biết Freud không ? Freud là...

Thầy Mạnh-Kha :

— Freud tiên-sinh tuy rằng thông-thái nhưng mà...

— Không-gian này là của những xe Hoa-kỳ, những cuộc nghỉ hè, những bãi biển, những Wisky-soda. Thế giới này là thế-giới của màn ảnh đầy mình-tinh khêu gợi, ăn mặc hở hang, của những cô gái một mối nhưng lại làm bộ nhĩ-nhảnh, vừa nhảy múa vừa từ-từ cởi quần áo trước mặt đám khán-giả ngây-ngô, giả-tạo.

Thầy Mạnh-Kha vuốt râu thờ dãi :

— Lão phu nghĩ rằng « nhân chi sơ tính bản thiện »... ôi luân thường, đạo-lý !

Sagan :

— Cứ như vậy. Ông bạn thấy

thế nào ? Ông bạn tin-tưởng vào gì ? Tôi thấy mệt mỏi và chán nản ! Tương lai, đạo-đức ! Chỉ là chai rượu ướp lạnh, chỉ là những cái hôn. Rồi thì buồn và chán. Đón nhận lấy cái buồn và chán. Cuộc đời thật là vô-lý.

Thầy Mạnh-Kha :

— Thiết tưởng « Thiên-tử cho ra thiên tử, chư-hầu cho ra chư hầu, cha hiền con hiếu » thì....

— Ông nói đùa hay nói thật ? Đây là đâu ? Cái ông nói và những cái khác nữa chỉ là những âm thanh hỗn-loạn, không có đầu và không có gốc. Ông cứ nhìn lại cặp thanh-niên trên cái băng xanh đỏ kia...

Thầy Mạnh-Kha liếc vội rồi nhắm mắt lại.

Sagan :

— Cứ như thế mà sống. Nhìn cái building của các nhà bác-học nguyên-tử, tôi có cái ấn-tượng sợ-hãi rằng đó là nắm mồ của nhân-loại. Ngày mai hay ngày

mốt... À, ông bạn đi dự hội với chúng tôi chứ ? Cả chú nhỏ nữa. Đến giờ rồi mời ông bạn lên xe.

Lý-thái-Bạch :

— Ta đi, thầy. Con chưa được nếm mùi Wisky - soda. Không biết nó có ngon hơn bồ-đào-tửu của ta không ? Và các nàng vũ-nữ không biết có đẹp hơn người đẹp trong « Thanh-bình-diệu » của con hay không ?

Thầy Mạnh-Kha nói lớn đề lấp lời Lý-Bạch :

— Xin cảm-tạ phu-nhân và các-hạ. Thầy trò lão-phu xin kiếu...

Françoise Sagan và chồng lên xe. Một-trăm-mười cây-số một giờ.

.....

Thầy Mạnh-Kha run-rẩy mắng Lý-thái-Bạch :

— Người phải vấn tâm lại mới được. Về nhà hãy bay...

Gió đêm hồ Léman lạnh hơn bao giờ hết.

* SƯ TỬ VÀ THỎ

Thỏ và sư tử đến một tiệm ăn. Người chiêu-dãi-viên hỏi :

— Thưa quý ông dùng chi ?

Thỏ trả lời :

— Về phần tôi, ông cho vài củ cà-rốt.

Chiêu-dãi-viên hỏi :

— Còn về phần ông kia, một miếng bít-tết ?

Thỏ nói :

— Không, bạn tôi không dùng bít-tết đâu. Anh ấy chỉ muốn uống ly nước cam thôi.

— Tại sao ? Ông ấy không đói à ?

— Ông thử nghĩ, nếu bạn tôi đói, anh ấy đã làm thịt tôi rồi, tôi còn đâu mà đến tiệm ông giờ này ?



NON NƯỚC MIỀN NAM

★
của THÁI VĂN KIỂM

(Tiếp theo P. T. số 4)



Ở già nơi danh lam này, chúng ta lần đến Phan-rang, ngày xưa là Vương quốc Chăm Pandu-ranga, đã hai lần sai sứ sang Triều Tống năm 997, theo Mã Đoan Lâm, một sứ gia Trung quốc sống vào thế kỷ XIII

Tại phía bắc Phan Rang, trên quốc lộ số 1, còn thấy ba chiếc tháp Dong Pa Klan tục gọi là *Ba Tháp*, ở Hòa-Lai, xây theo lối kiến trúc Khmer (nay chỉ còn hai tháp). Còn ở phía tây, trên đường đi Đalat, trên đỉnh đồi Trầu (Chok Hala), vẫn còn những tháp Pô Klauư Garai tục gọi *Tháp Chăm* do vua *Chẽ-Măn* xây dựng.

Ở cửa biển, Ninh Chữ có dãy

cây bần (*Sonneratia Acida* L., *Punicacées*) là nơi thuyền ghe đậu núp bóng râm. Dưới thời Tây Sơn, có thủy sư đỏ - đỏc Ngổ-văn-Sở sai đồn tất cả những cây bần ấy, làm cho dân chúng bực mình mới thốt ra những câu chua chát :

*Mồ cha đưa đồn cây bần,
Không cho ghe đậu, ghe lần
ghe đi.*

Chúng ta tiến tới Cà Ná, một con đường núi đẹp như tranh, chạy ven biển, nước trong xanh như ngọc bích. Trước kia, Cà Ná là nơi thừa lương của các vua chúa Chăm, nay là ruộng muối mệnh mông hàng năm sản xuất tới 50.000 tấn.

Rồi ta tới Vĩnh-Hảo với suối nước có chất tô đả (carbonate de soude) bên cạnh có khu rừng

mai nở hoa bốn mùa, nơi du ngoạn xưa kia của vua *Chế-Mân* và *Huyền-Trần Công-Chúa*.

Vào khoản *Nha Me* (Ea Moemeh: nước ngọt) ta sẽ thấy một giòng suối có lẫn chất diêm đó là thứ nước thánh mà người Chăm hứng về để rửa các tượng đá cho trơn láng (eaux lustrales).

Trên phần đất Trung-Việt, chúng ta chỉ còn phải đi thăm nốt hai thành phố Phan-Ri và Phan-Thiết.

Phan-Ri (Parik) xưa là thủ phủ của phong ấp Tân Đà La (Pin To Lo) thuộc về phái Cây Cau (Clan de l'Aréquier) một quý tộc Chăm thường xung đột với phái Cây Dừa (Clan du Cocotier) ngự trị miền bắc. Nơi đó hiện nay vẫn còn những dòng dõi các vua Chăm.

Phan-Thiết (Manthit) tỉnh cuối cùng của miền Trung-Việt. Tỉnh này sáp nhập vào lãnh thổ Việt-Nam năm 1697 và ở Phố Hải (Pajai) còn có cái tháp cực Nam của Chiêm-Thành.

Đà-lạt - Cao nguyên Miền Nam

Trước khi rời khỏi miền Trung, ta cũng nên thăm qua miền Cao-Nguyên với những thành phố: *Đà-lạt* (Đa : sông ; Lạt : rừng thưa, tên một bộ lạc), *Banmê-thuot* (Ban : làng ; mê : cha - thuot : tên người), *Djiring* (Sáp ong) và nhiều làng với những

tên gọi có tiếp đầu ngữ Ea hay Da (nước, sông, như : Da Dung, Danhim, Dakto, Dakmil, chứng minh rằng đồng bào miền thượng luôn luôn tìm sông hỏi khe nguồn để lập ấp.

Đồng Nai - Bến Nghé

Bây giờ ta đã bước chân vào đất Nam-Việt mà trước đây không lâu, người ta còn gọi là *Nam-Kỳ* hay là Cochinchine. Theo nhà cổ học Emile Aymonier thì tên Cochinchine có lẽ do 3 chữ : *Cô Chiêm Thành* mà ra. Nhưng Marco Polo hồi thế kỷ XIII đã gọi nước Giao-Chỉ (Kiao Tche) bằng tên *Caugigu* (Giao Chỉ Quận). Tên này sang miệng người Mã-Lai biến thành *Kutchi* và người Nhật đọc là Kotechi. Nó là phần đầu của tên xứ *Nam-Việt* do người Bồ Đào Nha đặt ra : Cauchi-china. Phần thứ hai (china) thêm vào cốt để phân biệt xứ Kutchi chịu ảnh hưởng của Trung Hoa với xứ Kutchi của Ấn-Độ (Cochin).

Ta cũng nên nhắc lại là người Tây phương khi đặt chân lên xứ mình hồi thế kỷ XVI, XVII, đã gọi bằng tên Cochinchine hay Đàng-Trong tất cả giải đất từ sông *Gianh* (khoảng vĩ tuyến thứ 18 trở vào, đối với Đàng-Ngoài (Tonkin) là giải đất từ sông *Gianh* trở ra.

Lần đầu tiên tên Cochinchine được dùng trong hiệp ước 28-11-1787 công nhận sự đồng minh

giữa quốc-vương Pháp và quốc-vương Cochinchine, trong thế-thủ cũng như thế công. Xứ Cochinchine đã hoàn lại nước Việt-Nam độc-lập do sự biểu quyết của Quốc-Hội Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1949.

Người ta cũng gọi xứ này là *Đông-Nai* (đồng có nhiều nai). *Lộc - dã, Lộc - đồng* (cùng một nghĩa) hoặc *Nông-Nại*, là nơi mà người Việt mình đặt chân lần đầu tiên năm 1623. Sử chép rằng Chúa Sãi - Vươn Nguyễn-phúc-Nguyên (1613-1635) đã gả công-chúa Ngọc-Vạn lệnh ái thứ 2, cho vua Cao-Miên Chei Chetta II (1618-1626) từ Xiêm trở về lên ngôi báu và đóng đô tại *Oudong*. Nhờ sự giao hiếu ấy vua Cao-Miên mới cho phép người Việt di dân vào Nam-Bộ. Chúng ta đã đặt đầu cầu tại *Mô - Xoài* (gò trống xoài), gần *Bà-rịa* (nay là Phước - Lễ, tỉnh Phước-Tuy), đúng vào năm 1623. (Theo Claude Madrolle — Indochine du Sud, Paris 1926).

Cũng trong năm này, một phái đoàn ngoại-giao đã được cử sang Oudong đề thương - thuyết sự nhượng lại Sở Thuế quan Sài-Côn (En 1623, les vietnamiens envoyèrent une mission pour demander la cession de la Douane de Saigon — Histoire du Cambodge par M. Giteau, Paris 1957).

Về sau, đến đời vua Réam Thip Dei Chan (1642-1659, em vua trước, vị hoàng-hậu Việt-Nam nói trên đã xin vua Cao-Miên cho

phép người Việt được quyền khai thác xứ Biên-hòa năm 1658 (Theo Claude Madrolle).

Sở dĩ vua Cao-Miên đã giao hảo với nước ta và tự ý nhân nhượng một phần nào, là vì muốn cây thế lực của triều đình Huế để chế ngự ảnh hưởng của người Xiêm (Peut-être le souverain pensa-t-il que les princes de Hué pourraient contre-balancer l'influence des Siamois — M. Giteau).

Như vậy, chúng ta đã đến sinh cơ lập nghiệp, khai khẩn đất đai Nam-bộ là do sự thỏa thuận hoàn toàn của đôi bên, chứ tuyệt nhiên không phải là một sự xâm nhập. Lại nữa, nhờ uy-thế của chúng ta mà Cao-Miên đã đối phó hiệu quả với những tham vọng của nước Xiêm và bảo toàn được nền độc lập của mình.

Nói tóm lại, sự hiện diện của chúng ta từ hơn 300 năm nay tại Nam-Bộ rất là hợp tình, hợp lý và hợp pháp. Nói một cách khác, công cuộc Nam-tiến của tổ tiên ta là một sự kiện lịch-sử bất di dịch, nó hiển nhiên cũng như cuộc Tây tiến của người Âu-Châu tại Mỹ-quốc và cuộc Đông tiến của người Anh tại Úc-đại-Lợi.

★

Con sông *Đông-Nai* sẽ đưa ta đến tỉnh Biên Hòa (có nghĩa là Hòa Bình ở biên - cương), một trấn đã được sáp nhập vào nước ta năm 1658. Khoảng đất này xưa gọi là *Đông-phố*, đúng ra là *Giân phố*, vì hai chữ *Động* (東) và *Giân*

(**●**) viết hơi giống nhau. Về sau, nơi này đã được triều đình Huế giao cho bốn người Trung Hoa gốc Quảng tây di cư theo hai tướng Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình đến khai khẩn và lập nghiệp năm 1679 tại Cù-lao Phố, sau khi nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ.

Miền trên *Biên hòa* thì có *Hố Nai* (hố sập nai) *Trảng Bom* (Trảng là một cái đồi bằng phẳng và rộng rãi, plateau) có trồng nhiều cây chùm-bao lom, độc trạnh hành bom, sinh ra một thứ dầu gọi là chaulmougra, dùng để trị phong hủi. Phía dưới là nhà thương điên *Nguyễn văn Hoài*, tại đây một nhà bác-học đã quả-quyết với chúng tôi rằng trong một đời người, số giờ mà chúng ta điên cuồng cộng lại ít nhất cũng được vài năm!

Biên-hòa là quê hương của *Đỗ thành Nhân*, một trong « Gia-Định Tam-Hùng ». Hai người kia là *Võ Tánh* quê ở Gò công và *Nguyễn huỳnh Đức*, quê ở Tân-an.

Biên - hòa là xứ buri bồng ngon ngọt có tiếng, nên mới có câu ca dao :

*Thầy dề ngư, thiên biên nhạn
Cao khả xạ hề, dề khả diểu,
Chỉ kích nhơn tám bất khả
phòng*

*E san lòng lại dôi lòng,
Nhiều tay tham buri chẻ bồng
lầm anh.*

Chúng ta đi ngang qua trước ngọn núi *Chau Thới* cao 65 mét

trên có ngôi chùa *Hội Sơn*, được trùng tu vào đầu thế kỷ thứ 19, nhờ công đức sư *Khải Long* :

*Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,
Nghiêng chùa Châu Thới mới
sai lời nguyên t*

Rồi đến *Thủ Đức* với những hồ bơi nước suối, và những gói nem ngon lành. Chữ *Thủ* nhắc lại ngày xưa có những chức quan văn như thủ bạ, thủ hộ, lo về việc thuế má và nhơn thế bộ. Do đó mà có những địa danh như *Thủ Thiêm*, *Thủ Thừa*, *Thủ Ngũ*, v. v. . ., đề nhắc lại tên mấy ông thủ bạ, thủ hộ ngày trước. Miền *Thủ Đức* lại nhắc cho ta hai câu đối « treo dỏ » :

*Xứ Thủ Đức năm canh thức đủ
Kể cơ thần trở lại Cần Thơ.*

Có lẽ vì năm canh thức đủ mà có kẻ than thân trách phận tự mình sánh với cái nem *Thủ Đức* lột trần :

*Người ta năm chị bảy em,
Tôi dầy như thề chiếc nem lột
trần !*

Phía tay mặt ta là *Gó-Vấp*, xưa kia là một ngọn đồi trồng cây vấp (Kraik theo tiếng Chăm, Lim và Vấp theo tiếng Việt, Thiết lực mộc theo tiếng tàu, *Mesua ferrea* L.). Thứ cây này xưa kia được coi như thần mộc, yểm hộ cho dân tộc Chăm. Đã sử thuật lại rằng vào đời vua Chiêm cuối cùng là *Pô Romé* (1627-1651), vua này muốn vờ ý một ái-phi người Việt đã ra lệnh đẵn cây *Kraik* cổ thụ rợp bóng nơi vườn ngự uyển. Hơn một trăm thị vệ

lực lưỡng không sao hạ nổi vì vết riu mỗi lần bỏ xong thì khép lại ngay. Nhà vua tức giận cầm lấy riu hạ xuống một nhát. Tức thời một tiếng rên rỉ vang lên và cây gục xuống giữa một vũng máu. Và cũng từ đó, vận khí nước Chiêm suy dần cho đến ngày tàn tạ !

Bây giờ ta vào thành phố Saigon, nơi mà ba trăm năm về trước (1674) tiền đạo quân ta lần đầu tiên đã đặt chân tới, mang theo khẩu hiệu : « Tĩnh vi nông, động vi binh ». Quân ta không phải tự động mà đến, chính là do lời yêu cầu khẩn thiết của nhà đương cuộc hồi bấy giờ.

Họ khai khẩn đất đai với sức dẻo dai sẵn có, đào sông ngòi trong vùng đất thấp và đây đó khắp nơi, xây dựng thành trì kiên cố.

Một trong những công tác quân sự ấy do tướng Nguyễn Đức Đàm xây năm 1772, rồi đến thành trì Phan An xây năm 1790, kế đến là thành Gia-Định xây năm 1836. Những thành ấy, xây đắp với mấy vạn nhân công và bao nhiêu tài trí như đã ghi trong câu ngạn ngữ :

Dân đất Bắc

Đắp thành Nam :

Đông dũ là đông !

Sầu Tây với với !

Chúng ta đang ở trung tâm thành Saigon, thủ đô nước Việt-Nam tự do. Saigon (Sai : củ, gòn :

bông gòn) chuyển sang chữ nho thành Sai - Cồn (禁 根) là củ gòn, vì chữ nôm gòn viết là Cồn, như ông Trịnh Hoài Đức (1765-1825) đã ghi trong tác-phẩm « Gia-Định Thống Chí » mà hiện nay chúng ta còn một bản ra pháp-văn của ông Gabriel Aubaret (Histoire et description de la Basse-Cochinchine).

Theo một số người khác thì Saigon có lẽ do chữ *Đé Ngạn* đọc thành *Tai Ngạn* hay *Thây gon* theo giọng Quảng Đông hay *Tin gan* theo giọng Triều châu, dùng để chỉ thành phố do người Tàu lập nên năm 1778, sau khi họ phải rời bỏ Biên-Hoà vì chiến sự giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn, để nhờ sự bảo hộ của quân đội Chúa Nguyễn đóng tại Bến-Nghé.

Nguyên ủy xa hơn cả có lẽ là sự chuyển âm của một danh xưng tối cổ *Preikor*, có nghĩa là rừng gòn, một loại cây hiện nay còn trồng nhiều ở Thủ đô.

Theo ông Verdeille thì Saigon có thể là hai chữ nho : Tây Cống đọc chạnh ra, tên này ám chỉ rằng thành phố là phần đất xưa kia đã được các vị vua phía Tây cống hiến cho ta.

Ta nên lưu ý rằng tên Saigon chỉ được dùng trong các văn kiện của Pháp kể từ 1784 trở đi mà thôi (Nouvelles lettres édifiantes et curieuses, do Ad. Le-chère xuất-bản, năm 1821, quyển VII : Bản dịch một bức thư tiếng la tinh viết tại miền Nam kỳ Hạ,

do ông André Ton, ngày 1 tháng 7 năm 1784, trang 437-438-439).

Còn danh xưng của *Chợ lớn* mà người Tây đọc liền lại là *Cholon*, nó chỉ ngôi chợ xưa kia nằm trên địa điểm hiện tại của sở Buu-Điện Chợ Lớn kéo dài tới tận « Đại thế giới » cũ. Chợ này lập song song với *Chợ Nhỏ* hiện nay còn tồn tại với tên *Chợ-Thiếc* ở phía trường Đua Phú Thọ. Về sau, *Chợ Lớn* được dời tới *Chợ Lớn Mới* do nhà đại phú Quách - Đàm xây tặng. Tượng họ Quách vẫn còn ở giữa đình chợ *Bình-Tây*.

Theo thiêm ý thì tên Saigon bắt nguồn từ thời xa xưa, khi nó còn được gọi là *Preikor* (rừng gòn). Đến năm 1674, người Việt đến liền phiên âm nó một cách nôm na là *Sài-gòn* hoặc, dịch ra chữ nho là *Sài-Côn*.

Năm 1778, những người Trung Hoa đã được triều đình Huế cho định cư tại Biên Hòa từ 1679, phải rút lui xuống Sài gòn, họ liền phiên âm tên này bằng hai chữ mà họ đọc là *Tai Ngon* hay *Thầy gòn*, mà ta đọc là *Đê Ngạn*.

Rồi đến lượt người Tây phương đến, họ dùng chữ *La mã* đề ghi, địa danh *Sài Côn* hay *Tai Ngon* thành ra *Saigòn* từ năm 1784.

Như thế là sự biến đổi âm dạng của địa danh này đã tùy sự hiện diện liên tiếp của những người quốc tịch khác nhau.

Dẫu sao thì hồi xưa tên *Sài gòn* chỉ áp dụng cho khu vực *Chợ Lớn* hiện thời, còn chính *Sài gòn* bây giờ thì khi ấy là *Bến Nghé*, theo những lời ghi chú của *Trịnh Hoài Đức* và của các nhà hàng hải Âu-Mỹ nữa. Và lại, ngay trên bản đồ do ông *Trần Văn Học* vẽ ngày mùng 4 tháng chạp năm *Gia Long* thứ 14 (1815) còn ghi rành rành trên vùng *Chợ Lớn* hiện tại (chỗ nhà thương chợ Rẫy) ba chữ *Sài côn xứ*, khoảng gần *Cây Mai* và *Phước Lâm* (nay đổi là *Phú Lâm*).

Ông *Finlayson* trong cuốn « *Voyage du Bengale Chine et à la Cochinchine* » (1821-22) có xác định : « *Tại xứ Cochinchine có hai thành phố, mỗi thành phố đều rộng lớn như thủ đô nước Xiêm, một nữa xây cất tên gọi Bingeh (Bến Nghé) và một nữa cách đây chừng một hai dặm, tên gọi Saigon... Bingeh tiếp giáp một pháo đài mới lập được ít năm nay, theo nguyên tắc xây thành đắp lũy của Tây-phương.* »

Phái đoàn *Crawford*, do vị toàn quyền A h tại Ấn độ là *Huân tước Hastings* gửi đến gặp vua xứ *Cochinchine*, có ghi trong cuốn nhật ký « *Journal of an embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* », xuất bản năm 1828, xác nhận điều mà ta đã biết, nhờ ông *Finlayson*, về hai thành phố kề cận nhau là *Saigon* và *Benghe*.

(Còn nữa)

NGƯỜI VIỆT-NAM CÓ MÃY Giọng Cười?



VƯƠNG-HỒNG-SỂN

N-đề « Cười » tuy vậy mà bi-hiêm, các bạn ạ. Trong bộ « Đại Nam Quốc Âm Tự-Vị », ông HUỖNH-TỊNH-CỬA viết :

CƯỜI.— Cách há miệng, nhếch mép, hoặc trở ra tiếng, hoặc không có tiếng, đề tỏ sự vui hay một thâm ý gì ».

Hàng dưới, ông chưa thêm :

CƯỜI.— Cũng có nghĩa là « chê-bại ».



Truyện sách đều đầy-dẫy tiếng cười :

Bao - Tỷ cười : nghiệp Châu sụp đổ.

Tây-Thi cười : vua Ngô bại vong.

Cười như TRẦN ĐOÀN lúc Gàn-Đường, cười đến ngã lăn chiêng trên lưng lừa, vì giữa đời loạn ly, ông đã tốt phước thấy một lần hai vua được bà mẹ chạy giặc, gánh gợn lờn trong hai thúng :

Thúng bên này ông Khai-Quốc

Tống Thái-Tổ, Triệu Khuông-Dẫn,

Thúng bên kia, ông Thái-bình Thiên-tử : Tống Thái-Tôn, Triệu Khuông-Nghĩa.



« Tiếng thủy điện cười giã ra gặt,
« Mùi quyền môn, thắm rất nên
phải ».

(Cung-oản)

Xét ra, « sống phải có cười » còn vui, reo cười là thể gian thường tình. Đến như gặp đau khổ, mà cũng cười được, cái mới khó. Và càng đau khổ lắm lại càng phải cười nhiều.

Nay thử hỏi : « Người Việt có mấy giọng cười ? »

Và đây là những cười đã ghi chép trong sách vở :

Trong Kiều có câu :

« Lờn ngay đông mắt trong ngoài,
Kẻ chê bất nghĩa người cười vô nhân ».

Lục-Vân-Tiên đã có những câu :

« Tiên rằng ông quán cười ai ?
« Quán rằng : cười kẻ bất tài đồ thơ !
« Cười người Tôn Tẫn khôn lừa,
« Trước đã thấy máy chông giữa Bàng Quyên.
« Tiên rằng : Ông quán chó cười,
« Đấy đã nhớ đứng bảy người Trúc-Lâm ».

Tiếng cười có khi *bả-lả*, *phui-pha* : như cặp vợ chồng son trẻ, gấu-ó nhau cho đã, rồi tươi cười *bả-lả* sau khi cơn giận đã nguôi.

Tiếng cười có khi *bã-chã*, *bời-rời*, như cơn thối nhiều nức và ôi : Cười *bã-chã* như khi ông ăn chả bà ăn nem, cười để che lấp việc xấu, để che mặt cở.

Cười nói *bỏ-lỏ* *ba-la*, tỏ ra người tánh tình vui-vẻ, dễ dãi...

Cười *bỏ-lẻ* *bỏ-càng* như mấy gã cao-bồi chọc gãi.

Còn khi thì cười - cợt như trong câu :

« Khi khoe hạnh khi nét ngái,
« Khi ngăm ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa. (Kiều)

Có khi cười dài, là cười một hơi, hoặc có ý khinh-rẻ, hoặc là mừng-rỡ

« Chẳng hay ông quán cười chi ?
« Võ tay xuống chiếu một khi, cười dài (Lục-Vân-Tiên)

Cười hết giận là khi Huyệ-quan muốn tha Kiều, cho nên mở hơi :

« Cười rằng : đã thế thì nên,
« Mọc già hãy thử một thiên trình nghề. (Kiều).

Cười bắc cầu :

« Nghe lời vira ý gạt đầu :

« Cười rằng : tri-hộ trước sau
mấy người. (Kiều)

Cười đắc chí :

« Cười rằng cá nước duyên ưa,
« Nhớ lời nói những bao giờ hay không ? (Kiều).

Có khi cười giòn như người đánh bạc tốt số.

Có khi cười gằn, cười gượng, cười dần từng tiếng một, để ngân giọng thêm mỉa-mai (*rire jaune*).

Cười gượng : tuy cười làm vậy, mà sau tiếng cười, phong ba nổi dậy cũng không chừng.

« Sinh càng thâm-thiết bời-hời,

« Vội - vàng gượng nói gượng cười cho qua. (Kiều).

Có khi cười hi-hi, cười như rên ; khi hề-hề, hề-hề như dề già bo-he, như hề-đồng chọc gãi.

Cười hềnh-hệch như mụ cho vay cắt cò được con nợ rắng-rắc trả tiền...

Có khi trong tiếng cười xen tiếng *hiêm-độc* :

« Giận dẫu ra mặt thế thường,

« Cười nẩy mới thật khôn lường hiêm sâu. (Kiều).

Còn ai không biết giọng cười khi, là giọng cười ra dáng ngạo-nghễ :

« Khi mới để người dà khóc
chớ.

« Trần có vai sao chẳng cười
khì ! (Nguyễn Công Trứ)

Còn thiếu gì thứ cười, như :
cười kháy, cười khan, cười khanh-
khách, cười thanh - thách, cười
khanh-khách, cười khinh-khịch,
là những cười y như những
tiếng nhái. những nghĩ-thanh-
từ đã sẵn.

Cười khúc-khích như trong
câu thơ xưa vịnh người điếc :

« Cười khúc khích mình cười
chuyện một mình »,
hay là như trong câu « được
ích khúc-khích lại cười ».

Cười đến long óc, lộn ruột...

Cười là là cười cả tiếng mà
lạt - lẻo. .

Cười lằng-lơ là cười đến mất
lẽ-độ.

Cười lả-lúa là của bọn gái
làng chơi...

Ngoài ra còn cười mạn là cười
a-daa, (cười xin mẽ-đay, xin sở-
làm).

Còn cười mạn trớn, cười mìn
mép, hoặc cười nửa mép, cười
mủn-mủn, mủn-mủn, cười chúm-
chím, tằm-tằm (như cô gái được
mẹ hỏi muốn chồng hay chưa).

Cười mèo là một thứ cười
gần. . .

Còn cười miếng chi là cười
duyên (cười chúm-chím).

Làng dao-búa chế thêm thứ
« cười miếng chi cộp » là thứ
cười vô duyên như cộp mếu,
cười của hạng anh chị bị được

người sợ thì có mà thương thì
không... lại có thứ cười « muốn
đ... trong quần » của gái giang
hồ lả-lúa.

Có thứ cười nẻ bụng, cười nẻ
ruột, cũng có thứ cười nở, cười
nả là cười rộ lên, cốt làm cho
đối-phương mất thăng bằng, quên
chuyện vắn nạn mình đi.

Cười nụ như trong câu :

« Cũng trong một tiếng tơ đồng,
« Người ngoài cười nụ, người
trong khóc thầm (Kiều).

Cười nên sặc là cười lăm bất
phải tức nghẹn : khi ấy cơm
nước trong miệng, nuốt chưa
trôi; phải chạy ra theo đằng lỗ
mũi :

« Vỗ tay cười nên sặc, giặc-giã
« tợ hát chơi, gương linh ai nở
« giết ruồi, đạn ngọc bao dành
« bắn sể... »

(Tuồng hát bội « La Thông
tảo bắc »).

Cười cười nói nói như câu :

« Tiều-thor cười nói tỉnh say,
« Chử lan tiệc rượu lại bày
trò chơi. (Kiều)

« Cười cười nói nói ngọt ngào,
« Hỏi rằng : chàng ở chốn nào
lại chơi ? (Kiều)

Cười nòn ruột là cười lăm
bất nhột nòn trong ruột, khi ấy
muốn nín cười cũng chẳngặng
dừng.

Cười ngất ngất đến chết được
thì như trong truyện Tàu đã
kể: đời Đường, tướng Trình
Giáo-Kim lúc trở về già, đi ăn
tiệc cưới, rượu hừng chí, nhấc

lại thời liệt-oanh buổi nhỏ rồi vui thích quá, cười ngất-ngất đến hụt hơi mà chết. Con là Thiết-Ngư sanh bình lỗ mãng như cha, thấy làm vậy bụng mặt khóc ngất-ngất rồi cũng tắt thở theo cha, để lại cho đời một chuyện hư thiệt không tương nhưng làm giai-thoại « Tiểu tử Trinh Giáo-Kim, Khấp tử Trinh Thiết-Ngư » là vậy.

Qua đời Tống, tướng tài Mông Cô là Ngột Truật, thất cơ bị tướng quân của Nhạc Phi là Ngư Cao đè dưới đất cỡi trên lưng: Ngột Truật giận quá uất khí xông lên rồi chết, Ngư Cao khoái chí quá cũng cười phá lên đến ngã người trên mình Ngột Truật mà nín thở luôn, đây lại là một giai thoại khác, ngờ vực không kém chuyện trên.

Các từ-diễn đều ghi « cười ngất », « cười ngượng », và « cười ngật cười nghẹo ». Trong Nam còn thêm « cười ngắc-ngà ngắc nghễ ».

Lục-Vân-Tiên có câu :

« Hai người lại gặp hai người,
« Đều vào một quán vui cười
ngà nghiêng ».

Việt-ngữ mới có thêm câu « cười ngoại-giao » như thằng con cao bồi o-bế mẹ xin tiền đi Tây trốn chui quân chui lính.

Cười ngón ngoén, cười lòn-lén là cái cười của anh chồng bất nhơn vừa nường xong số lương tháng trong sông bài hoặc cười như thằng cha sợ vợ vừa nói chuyện với gái sề, nay về nhà

giả bộ môn-trơn với « má bù trề » để che tội ăn vụng cơm thiu ngoài chái lơn !

Cười nhạo là cười chế :

« ... Quan làm sao được kẻ chế người cười. (Quan Âm Thị-Kính).

Cười nhoen vừa thấy rằng hột bắp là cái bí-mật của mỹ-nhân.

Còn cười nhạt, cười nhợt, trong Nam lại nói « cười lạt » là cười thiếu ý-vị đậm-dà của một người giả-dối.

Ngoài ra còn :

Cười om, cười om-sòm.

Cười phẩn cợt sợn :

« Những là cười phẩn cợt sợn,
« Đền khuya chung bóng, trắng
tròn sánh vai. (Kiều)

Cười phỏ : cười nịnh ;

Cười reo, rộ ; cười hắc-hắc ;

Cười rudi : cười nhạt - nhẽo, có ý giả-dối siểm nịnh, gần như cười mon.

Cười ra nước mắt nước mũi : « khóc hồ người cười ra nước mắt ».

Cười rả rả, cười hả hả.

Cười rề là mỉm miệng không dám cười lớn, chẳng để tiếng cười lại rề ra.

Cười the-thế như mù cốt mù đồng.

Khi thì :

« Khi ấp mạn ôm đào gác
nguyệt,

« Lúc cười sương cợt tuyết đèn
phong (Cung-Oán).

« Thôi cười nọ lại nhả mây
liều.

« *Ghẹo hoa kia lại giễu gót sen* ».
(Cung-Quán)

Cười sần-sắc. — Tỷ-dụ : *Tiếng cười sần-sắc* trong màng, khiến không một ai ngủ được.

Cười thâm : cười ngầm trong bụng :

« *Mỉm miệng cười thâm với nước non* » (Yên Đổ).

Cười tằm-tím : mồn-mỉn ;

Cười tít-toát, tít-toét ;

Cười tràn : bordée de rire ;
cười một tràng pháo nổ

Cười trầy-trúa ;

Cười tướng, cười lão là trong điệu hát bội, cười có oai khí nhà tướng, có điệu già quan lão.

Cười xòa : nín không đặng phải há miệng cười : cười cho qua việc, cho đỡ mắc cỡ.

Cười vạy khốe mướn trong nghề ca-kịch... vân-vân....

✱

Nay kể các thành-ngữ trong ấy có dùng tiếng « cười » thì :

Buồn cười là không nhin cười được. Buồn vì bị người ta cù mà nhột, rồi không nhin cười được, thành ra « cù buồn quá ». (Mất tiếng cười !) Lại cũng có nghĩa là « muốn cười ». (Buồn mửa : muốn mửa).

Cả cười là cười lớn tiếng !

« *Cùng nhau trong mặt cả cười,*

« *Dan tay về chốn hiền mai*
tự tình. » (Kiều)

Còn cười là trong câu :

« *Trước sau nào thấy bóng người,*

« *Hoa đào năm ngoái còn cười*
gió đông » (Kiều)

Cù không cười là ăn nói vô duyên, dẫu chọc nhột cũng không cười. Cũng có nghĩa là người có tánh nghiêm nghị, dẫu chọc mấy cũng không cười.

« *Ngảnh đi chợt nói chợt cười,*
« *Cáo say chàng đã tỉnh bắt*
lãng ra ». (Kiều)

Vô duyên chưa nói đã cười.

Chuyện dễ tức cười.

Người hay cười là người nhạy miệng dễ dãi.

« *Hoa cười ngọc thốt đoan*
trang.

« *Mấy thua nước tóc tuyết*
nhường màu da ». (Kiều)

« *Vườn thượng-uyên hoa cười*
với nắng ;

« *Lối đi về ai chẳng chiều*
ong ». (C.O.)

Lửa cười là lửa reo vui : (đề trên lửa, nước sôi, Cao-Miên rằng « nước khóc : tức khôm », Việt-Nam gọi « nước kêu ầm », Pháp vẫn cho rằng « nước hát » (l'eau chante dans la bouilloire).

Mỉn cười : nhếch môi cười không cho thấy rằng :

« *Đứa đại hay cười cả tiếng,*

« *Người khôn mĩn miệng cười*
môi ».

Mua cười như trong câu :

« *Giá thử ngay khi trước. Liều-*
« *Dương cách trở, duyên chàng*
« *Kim dừng dở việc ma chay, quan*
« *lại công bằng, án viên-ngoại*

« tỏ ngay tình oan uổng ; thì đâu
 « đến nỗi son phấn mấy năm lưu
 « lạc, đem thân cho thiên-hạ mua
 « cười ; mà chắc biên- thủy một
 « cỏi nghinh-ngang, ai xui được
 « anh hùng côi giáp »... »

(Bài tựa truyện Kiều của Chu Mạnh Trinh do Đoàn Quỳ dịch).

Muốn cười : Thăng đó nói chuyện nghe vô duyên quá, muốn cười mà không sao cười được.

Miệng cười :

Thiếp dù vụng chắng hay suy,
 Đã dơ bụng nghĩ lại bìa miệng
 cười » (Kiều)

Nực cười : bắt phải cười.

« Lại còn bưng bít giấu quanh
 « Làm chi những thói trẻ ranh
 nực cười » (Kiều)

« Nực cười châu-chấu chống xe,
 « Tưởng rằng chấu ngã ai dè
 xe nghiêngg.

(Chuyện Lý Thường Kiệt)

Nói cười : và nói và cười :

« Bề ngoài thơn-thớt nói cười
 « Mà trong nham hiểm giết
 người không dao. (Kiều)

« Buồng đào khuya sớm thành-
 thời,

« Ra vào một mực nói cười
 như không. (Kiều)

« Mấy phen cười nói tỉnh say,
 « Tóc tơ bất động mấy may sự
 tỉnh. (Kiều)

Nín cười là không dám cười.

GIÁO-SƯ BỬU-HỘI

**Tổng - Giám - Đốc Trung-
 Ương Nguyên-tử-lực Việt-
 Nam.**

Tổng-thống. Ngô-dinh-Diệm
 vừa tiến-cử Giáo-sư Bửu Hội
 làm Tổng - Giám - Đốc Trung-
 Tâm Nguyên-tử-lực Việt-nam
 tại Đà-lạt.

Nhân dịp này, tạp-chi PHỒ-
 THÔNG xin trân-trọng chào
 mừng nhà Đại Bác-học Việt-
 Nam và tin-tưởng rằng ông sẽ
 thành-công rực-rỡ trong việc
 thực-hiện chương trình xữ-
 dụng Nguyên-tử-lực vào công-
 tác Hòa-bình, và lừng cao uy-
 tín của nước Cộng-Hòa Việt-
 Nam đối với các cường-quốc
 nguyên-tử quốc-lẽ.

N. V.

Ngậm cười như trong câu :

« Chệ dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín suối hãy còn
 thơm lây » (Kiều)

Ngửa mặt cười dãi thi như lúc
 Tào Tháo thua xiềng-liềng trận
 Xích - Bích, vừa thoát khỏi tay
 lợi-hại Trương Phi, đứng trước
 Huê Dung đại lộ và tiểu lộ, dám
 chề Khổng-Minh sơ-sốt, đợi khi
 gặp tướng Quan Công mới hết
 cười (xem Tam Quốc).

Ôm bụng mà cười thì trong hát
 bội đã có câu :

« Thẽ sự đoán như xuân mộng,
 « Nhân tình nhẹ tựa thu vân,
 « Cẩn rằng cười, cười cũng khó
 khăn,
 « Ôm bụng chịu, chịu càng vui
 sướng...

(Tuồng Tiết Cương chống
 búa)

Phì cười là không nhịn cười
 được phải bật cười, phải xi ra,
 phải cười xòa (tiếng trong Nam).

Trận cười. —

« Biết bao bướm lả ong lơ,
 « Cuộc say đầy tháng trận cười
 suốt đêm ». (Kiều).
 « Thúc Sinh quen thói bốc rời,
 « Trăm nghìn đồ một trận cười
 như không ». (Kiều).

Trò cười. —

« Trước cho bỏ ghét những
 người,
 « Sau cho để một trò cười về
 sau » (Kiều).

Thơ cười : Lại còn có cái cười
 sắc-súa như cô Diệu-Huyền (Thi-
 sĩ Nguyễn-Vỹ) cười trong tập
 « Thơ Di-dễm » :

.....
 Hả hà ha ! Hả hà ha !
 Nước Non nghiêng ngã cười ta
 với mình !
 Đường xa muốn nẻo gặp ghềnh,
 Mả-mồ muốn thuở cười mình
 với ta !
 Hả hà ha ! Hả hà ha !
 Mực sầu dốc cạn, chảy ra Thơ
 cười !

.....
 (Diệu Huyền)

★

Cười ba tháng chẳng ai cười
 ba năm.

Cười bằng con mắt.

Cười cợt bỡn, cười nỏ, cười
 lả-lơi (đến quá lố).

Cười đến vãi nước mắt, đến
 đứt ruột.

Cười híp mắt lại.

Cười hở mười cái răng.

Cười lẫn cười lộn,

Cười như cọp mèo.

Cười như đười-ươi (lười-ươi)

Cười như ngựa cười.

Cười như cô gái sứt môi, một
 lần cười là đúng với câu « cười
 méo miệng ».

Cười như nắc-nẻ (nắc - nẻ là
 loại thảo có hoa đẹp, sinh ra
 trái bằng hột lạc lớn, trong có
 nhiều hột nhỏ, khi chín nở tung
 ra, gọi là cây móng tay, hoặc
 cây nở, hoặc cây nắc-nẻ, Pháp
 gọi « Balsamine » cũng dùng làm
 thuốc chữa bệnh tức ngực.)

Cười như ri-ám.

Cười người chớ khá cười lâu,
 Cười người hôm trước hôm sau
 người cười (ca-đạo).

Cười nên tiếng khóc.

Có khi vui chuyện mua cười
 Khi vui muốn khóc buồn lên
 lại cười (Ng-Cống-Trứ).

.....

Con người có miệng có môi.

Khi buồn thì khóc, khi vui thì
 cười.

Những cái cười vô vị.

Cười mà làm cho người ta thêm đau khổ thì hẳn không nên. Cười khả ố như trong dưỡng-đường, thấy người tàn-tật đã không thương-xót lại bày làm chuyện vô căn-cứ, bệnh ít nói nhiều, đau nhẹ hồ năng, cố ý làm cho bệnh nhân thêm sợ hãi đề xúm nhau cười. Ra đường nghe lọt vào tai người ấy vào nhà hàng cơm tây mà đột ăn những bánh bô bánh oam, phở tai và bún nước lèo, tuy chuyện trớ trêu thật, nhưng suy ra người kia đáng thương hơn đáng cười. Mà kể làm sao xiết những chuyện không đáng cười trên đời này: chi đàn bà đề tang xấu-xi, kẻ làm nạn bối-rối, người trẻ xe bộ tịch bần-khoăn, con ở dưng em vi đường tron-trợt té đồ gánh nước nằm đo đất dưng bốn giò, bà già sạm chơn té bò càng, kẻ mạnh há hiếp người yếu, con nít gấu ó cẩu xé xà-nhầu với nhau, người tuổi-tác tàn-tật đi đứng cà-xi cà-nan, người ngọng-ngheù đót-đát, kẻ dị-tướng dị-hình, những người vô phước nói lỡ lời, làm lỡ bộ, v. v., mỗi mỗi đều có thể bị cười. Nhưng xin đừng cười, và những ai cười lúc ấy thì ta được phép cười lại họ. Con Rồng cháu Tiên phải có những cười tinh-vi, thấu-đạo hơn, ít nữa là có nhàn-đạo. Nên tránh những cái gọi là «lầy lắt

cười» và không nên cười khi không phải chỗ.

KẾT LUẬN. = Sở dĩ loài người hơn các giống động vật cũng do nhiều duyên cớ, cái cười là một. Kla như nổi giận gầm hét thì uy thì có hùm và sư-tử; biết buồn rầu biết sa nước mắt trước mặt đồ-tể là con bò con trâu. Linh hơn nữa vì biết cười, duy ngựa và chó, nhưng vẫn cười chưa đủ giọng !

Đời, theo quan - niệm người Việt, đã được ví như một xâu chuỗi ngọc, vẫn dài tùy căn số kiếp,—không một ai giống ai,—nhưng xâu nào như xâu nào, đều có hạt tốt hạt xấu lẫn-lộn, trong-trẻo là ngày vui, đục-tối là ngày buồn, lâu lâu điểm xuyết những cười thâm-thúy là những hạt ngọc quý của Tạo-hóa riêng dành cho những ai tốt số nối dài xâu chuỗi Thọ.

Cười là món thuốc trường sanh, không tốn tiền mua.

Sống dai và biết giá-trị của cái cười, có chăng là bọn từng đau khổ nhiều.

Thuở nay, chưa thấy nước nào nặn pho tượng «Cười» cho thấu thoát lột hết ý muốn của Trời già. Họa chăng tượng Di-Lạc của Á-Đông có chút hồn-nhiên đặc-thể !

VƯƠNG-HỒNG-SÈN



BYRON



*« Weary of love, devoured with spleen.
I rest, a perfect Timon, at nineteen »*

Lord Byrod

« Mòn vì sầu, mối vì yêu.
Mười chín tuổi đã rất nhiều bi quan »



TA-KÝ và CAO-HUY-THUẦN



RONG số các thi sĩ
lãng mạn của Anh
— và của cả thế
giới nữa — không
ai có một đời sống
sôi nổi, nghệ - sĩ
như Byron. Cuộc đời của By-
ron là cuộc đời của Ai-Tinh, của
Giang-Hổ và của Tội Lỗi Người
đương thời đã tôn sùng Byron
như một thần tượng rồi lại khinh
bĩ, tránh xa, chàng như tránh xa
một người nguy hiểm. Đất Anh
không dung nổi con người bất
mạng, sống bất chấp dư - luận,
bất cần luân lý đó. Byron phải
lang thang khắp xứ người và
chết ở một nơi xa quê hương
ngàn vạn dặm. Dù sao cuộc sống
phóng dăng ấy cũng đã tạo nên
những vần thơ tuyệt diệu vô giá
trên thi - đàn của nước Anh và
của cả nhân loại.

Thuở thiếu thời

Byron sinh ngày 22 tháng giêng
năm 1788 tại Luân-Đôn trong một

gia đình giòng dõi quý tộc. Ông
thân sinh Byron là một sĩ quan
trong quân đội. Trước khi lấy
mẹ chàng, ông đã có một đời vợ
và sinh được một người con gái:
cô Augusta (1783). Khi Byron lên
2 tuổi thì cha chàng qua đời. Mẹ
Byron đem chàng về ở Tô cách
Lan, quê hương của bà. Cô Au-
gusta thì được đưa về ở với bà
ngoại.

Từ khi sinh ra, Byron đã bị tật
nơi chân phải khiến chàng hơi bị
thọt. Byron rất đau khổ vì tật
đó, mặc dù thật ra nó chẳng
có gì quan trọng đối với một
thanh niên đẹp trai như chàng.

Lúc nhỏ học ở Harrow, Byron
tỏ ra chậm chạp và cứng đầu
nhưng đã có những nét đặc biệt
khiến ông hiệu trưởng phải thốt:
« Byron có tài, và sau này sẽ làm
về vang cho giòng họ ». Ngay từ
nhỏ Byron đã đọc sách. Chàng
đọc hầu hết các tác giả, từ Chau-
cer (1340—1400) cho đến 'Chur-
chill (1731—1764).

Năm 15 tuổi, Byron đã nếm hương-vị ái tình. Chàng yêu say đắm một thiếu nữ có họ với chàng và hơn chàng hai tuổi: cô Mary Chaworth. Mặc dù đã hứa hôn, cô này cũng thích thú trước sự say mê ngây thơ của cậu bé mười lăm và cho đó là một trò tiêu-khiến thú vị! Về sau khi bị ruồng bỏ, Byron cảm thấy « cô đơn trên một đại dương mênh mông, mênh mông » (alone, on a wide, wide sea) Chàng khóc lên: « kỷ-niệm ời! Xin đừng dày vò ta nữa » (Ah, Memory, torture me no more). Mười ba năm sau, chàng vẫn còn tưởng nhớ đến nàng qua những vần thơ đắm đuối trong bài « Giấc mộng » (The Dream).

Một năm sau khi Mary Chaworth lấy chồng, Byron gặp lại Augusta, người chị cùng cha, khác mẹ. Có người che chở, săn sóc, Byron sung sướng vô cùng và khi chàng tỏ tình âu yếm, Augusta cũng không từ-chối. Mặc dù sau này họ phải xa nhau, Augusta vẫn là người mà Byron yêu hơn hết.

Sau đó Byron vào trường Trinity College ở Cambridge năm 17 tuổi và ba năm sau, chàng tốt nghiệp. Chàng tiếp tục đọc sách và làm thơ. Năm 19 tuổi, chàng xuất-bản một tập thơ nhỏ với nhan-đề « Hours of Idleness ». (Những lúc nhàn rỗi). Rất ít bài có giá trị, nhưng người ta đã chú ý đến những câu do một chàng thanh niên chưa đến 20 tuổi viết, như:

« Weary of love, devoured with spleen,
I rest, a perfect Timon, at nineteen ».

(Một mối vì tình yêu, dày vò bởi sầu thảm.
Tôi đắm ra yếm thế ở cái tuổi mười chín.)

CUỘC SỐNG GIANG HỒ. (Tập Childe Harold I và II)

Đã lâu chàng muốn viếng các xứ miền Địa-trung hải mà chàng hằng mơ ước nên đến mùa hè năm 1809 chàng vượt biển đến Bồ-đào-Nha và giang-hồ trong 2 năm. Cuộc du lịch rất nên thơ này được tả lại trong hai đoạn đầu của tập Childe Harold's Pilgrimage. Byron đi ngựa qua Bồ-đào-Nha và Tây-ban-Nha, rồi từ eo Gibraltar chàng đi thuyền đến đảo Malte. Một chuyện tình duyên lưu gót chàng ở đây trót tháng. Chàng lại tiếp tục đi Albanie, qua Hy-Lạp, ở lại kinh thành Nhã-Điền (Athènes) trong 10 tuần. Lại một chuyện yêu đương. Ý trung-nhân bây giờ là một cô gái xinh đẹp, ngây thơ, con của bà chủ trọ. Khi rời Athènes, chàng viết một bài thơ từ-tạ nhan đề là « Maid of Athens » Có thiếu nữ thành Nhã-Điền):

« Maid of Athens, ere we part,
Give, oh give me my heart! »
(Hỡi cô thiếu nữ thành Nhã-Điền, trước khi từ giã nơi đây,
Hãy trả lại, nàng ơi! trả lại quả tim cho ta.)

Sau đó chàng qua Thổ-nhĩ-Kỳ rồi trở về Anh. Khi về thì mẹ

chàng đã mất, mất thành linh khiến chàng không được trông mặt mẹ lúc lâm chung.

Vinh-quang và Nhục-nhã

Về Luân-Đôn, chàng cho xuất bản hai đoạn đầu trong tập thơ Childe Harold và chỉ trong một ngày thôi, danh chàng đã nổi như cồn. Cả giới văn-hóa Luân-Đôn xôn xao vì ngạc nhiên và thán phục. Có nhiều người thú thực rằng họ nghiêng ngấu tập Childe Harold với tất cả say sưa. Thư ngợi khen bay về tấp tắp. Nhưng giới tôn sùng Byron nhất vẫn là giới phụ-nữ vì chàng nổi tiếng đẹp trai như Phan-An, Tống-Ngọc và vì chàng ít nói giữa đám đông khiến người ta cho rằng chàng bị cô đơn hay âu-sầu và đắm mình trong những tư-tượng cao xa. Các bà, các cô tìm mọi cách để chinh-phục chàng. Người đeo đuổi Byron « dai » nhất là bà phu-nhân tóc vàng Caroline Lamb. (Bà này về sau có viết quyển tiểu-thuyết Glenawon nói về tình yêu giữa hai người). Nhưng Byron lại ruồng bỏ Caroline Lamb để theo bà Oxford tuy bà ta hơn chàng trên 21 tuổi !

Những cuộc tình duyên ngắn ngủi không xóa nhòa được hình ảnh Augusta. Gần 8 năm, hai người không gặp nhau. Trong thời gian đó nàng lấy chồng và sống một cuộc đời không hạnh-phúc. Vốn giàu tình-cảm nên khao khát tình thương, Augusta lên Luân-Đôn và tìm đến thăm

Byron. Hai người rơi vào Tội lỗi, và có được một đứa con, Medora Leigh.

Trong suốt giai đoạn sôi nổi này, chàng viết 4 tập thơ (1813-1814): *The Giaour*, *The Bride of Abydos*, *The Corsair* và *Lara*. Byron có một sức sáng tạo vô cùng dồi dào, mãnh liệt. Chàng viết tập *The Corsair* chỉ trong 10 ngày trong lúc tản bộ ban đêm trên con đường Albemarle. Về tập *Lara*, chàng bảo : « Tôi viết *Lara* trong lúc thay áo quần sau những buổi khiêu-vũ. . . ». Tập *The Bride of Abydos* hoàn thành trong 4 ngày. Byron phải viết đề tự giải thoát mình và chàng phải viết nhiều vì cảm thấy không giải thoát không được.

Những tập thơ này còn được hoan nghênh hơn cả tập Childe Harold. 14.000 tập *The Corsair* bán hết trong một ngày. Byron đã khiến cho hàng ngàn người chưa bao giờ đọc thơ nay đắm ra mê say thơ chàng. Byron được xem là « người làm thức-tỉnh nguồn thi - cảm » (*awaker of poetic sense*). Bấy lâu thơ nước Anh bị gò bó trong khuôn khổ chật hẹp của một hòn đảo, bây giờ Byron mang lại những cảnh - trí mới, màu sắc mới, không khí mới của cả lục - địa Âu-Châu. Ái tình được tả sâu sắc hơn, cuồng nhiệt hơn; và những nhân - vật của Byron thường tự-phụ và âu-sầu.

Cuộc tình duyên với Augusta đã để lại cho chàng dư vị đắng

cay của tội-lỗi. Trong vở kịch thơ Manfred (1817) Byron có nhắc đến cuộc tình duyên ngang trái này.

Manfred gây nên tội lỗi, ngày đêm bị hối - hận dày vò. Chàng tìm quên lãng trong truy-lạc, nhưng chỉ chuốc thêm chán ngán. Chàng khinh mình và khinh cả nhân-loại. Chàng gọi hồn người chết, Astarte, nạn - nhân của chàng : « Tôi yêu nàng - và đã làm hại nàng ! » và chàng cầu khẩn nàng nói cho mình hay rằng mặc dù hai người yêu nhau bằng tình yêu tội-lỗi nhứt, nàng không bị trừng phạt và không khinh bỉ chàng. Nhưng chàng thất vọng : nàng không trả lời. Đây là một đoạn trong vở kịch :

Manfred : Hỡi hươu, thêm một lời nữa — nàng có tha thứ cho tôi không ?

Astarte : Từ biệt !

Manfred : Ta có gặp nhau nữa chăng ?

Astarte : Từ biệt !

Manfred : Nói cho anh một lời, em ! Nói rằng em yêu anh.

Astarte : Manfred ! (nàng biết mất).

Manfred muốn quên, quên hết. Một ông thầy tu cố-gắng làm cho chàng biết hối - hận lại và một con quỷ sứ dọa chàng những hình phạt ở chốn địa-ngục nhưng chàng bất cần vì tin rằng chết là hết.

Ta thấy hai thái-độ trái ngược giữa Faust của Goethe tìm lại Hạnh-phúc bằng cách phụng-sự nhân - loại, và Manfred của

Byron chỉ muốn tìm Lãng-Quên trong cái chết.



Byron nghĩ rằng có thể tự cứu đời mình bằng cách lập gia-đình với một cô gái ngây-thơ. Vì vậy chàng cầu-hôn cô Anna Isabella Milbank, nhỏ hơn chàng 4 tuổi. Vì tiếng tăm không tốt của chàng nên nàng từ chối. Nhưng Byron van xin nàng hãy cứu lấy đời chàng, nếu không, chàng sẽ rơi vào vực thẳm. Có phải vì muốn cứu-vớt một người tài hoa ra khỏi bùn nhơ mà nàng nhận lời cầu hôn chăng ? Cái đó không ai biết ; chỉ biết rằng cuộc hôn-nhân mang lại sự đau khổ cho hai người. Đến khi có con (Augusta Ada) tỉnh tỉnh Byron lại càng hung dữ và vô luân. Vợ chàng phải bỏ con về ở nhà cha mẹ và xin ly-dị.

Dư luận phần uất và khinh-bĩ chàng. Tại những nơi mà trước đây chàng được tôn-sùng, bây giờ chàng lại bị hắt hủi, xa lánh. Khi thấy chàng, có bà ngắt đi, có bà rời khỏi gian phòng. Byron rất tủi nhục vì thấy mình làm nhơ bẩn giòng họ quý tộc của mình. Nhưng càng đau-khổ, thơ chàng càng đi đến chỗ tuyệt luân.

Cho rằng « đất Anh không thích hợp với mình », Byron lìa quê-hương, làm một chuyến đi không hẹn ngày về. Chàng đi Ostend vào năm 1816 và bắt đầu « mang quả tim rướm máu của mình lang thang khắp Âu-châu ».

(Còn nữa)

THÂN-ĐÔNG



Minh ơi!

của DIỆU-HUYỀN

Tú trông thấy một tập báo tranh-ảnh của Ấn-độ vừa gửi qua cho ông Tú, liền xé băng, mở ra coi. Bà không biết chữ Anh, nhưng thích xem hình. Lật mấy trang đầu, bà thấy hình một chú bé da đen chạc 6 tuổi đứng đánh đòn giữa một đám đông người nghe say-mê. Bà liền gọi chồng:

— Minh ơi!

Ông Tú đang ngồi nường miếng bánh mì trên lò điện, không muốn trả lời. Bà Tú lại gọi:

— Minh ơi!...

Ông chăm chú cầm đôi đũa lật

qua lật lại hai khúc bánh mì cũ đã xé làm đôi, chỉ sợ nó cháy. Bà lại gọi oang-oang:

— Minh ơi!

— Ơi rồi! Gớm! Cái gì Minh gọi nhặng lên thế, hả?

— Cái thằng nhỏ đang làm gì đây, Minh? Giăng cho em nghe chút nào!

— Cháy cái khúc bánh mì đây nè!

— Nó cháy thầy kệ nó mà! Lại giăng mấy câu ăng-lê này cho em nghe đã, có được không?

— Nó đang nóng vào đến ruột rồi, để anh...

— Em cũng đang nóng cả ruột đây nè. Lại đây mau lên đã, Minh!

Ông Tú hay chiu vợ, thấy vợ nhổng - nhẻo quá, cũng bỏ khúc bánh mì trên lò điện, chạy đến gần bà Tú:

— Đâu nào? Cái gì đâu nào?

— Nè.

— Ôi! Cái này hả? ... Cậu bé Siddranana 5 tuổi đánh đòn thật hay. Một vị thần-đồng Ấn-độ đó chớ có gì lạ!

— 5 tuổi đã biết chơi đòn thật hay mà không lạ sao, Minh? Nước Việt-Nam làm gì có được thần đồng như vậy.

— Thế là Minh quên lịch-sử Việt Nam rồi đó! Đời Hùng-Vương thứ 6, nước mình cũng đã có Thần-đồng! Chú bé ở làng Phù-Đổng đòi con ngựa sắt để cỡi đi đánh giặc Ân đó! Minh nhớ không?

— Ờ nhỉ! Chuyện Phù-đồng Thiên-Vương đó hả Minh?

— Phải. Từ xưa đến nay, trong Lịch-sử loài người còn hiếm gì chuyện Thần-đồng, còn nhiều bậc thần-thánh tỷ-hon tài giỏi bằng mấy cậu bé 5 tuổi Siddranana cơ chứ! Hiện nay Ấn-độ có một nhà Bác-học tài-giỏi lừng-danh thế-giới là Srinî Ramanujan. Minh biết không, ông ta lúc 14 tuổi là một cậu bé nhà-quê đói-đặc cán mai chẳng biết chữ A chữ B, thế rồi bỗng dưng một hôm cậu đi Calcutta bắt được một quyển sách bằng tiếng ăng-lê của một ông kỹ-sư làm rớt trên vỉa đường. Cậu lấy về học một mình. Chỉ trong một năm không những cậu giỏi tiếng ăng-lê mà giỏi cả

môn toán-học, nhờ đó mà cậu trở nên một nhà toán-học vĩ-đại nhất thế-giới hiện nay.

— Học gì mau dữ vậy?

— Thế mới là Thần-đồng! Chứ cứ như Minh thi Trung-học đệ-nhứt cấp hai lần đều rớt toán!

— Minh ngạo em hả?

— Nếu anh kể hết cho mình nghe những vị Thần - đồng trên thế-giới từ xưa đến nay thì Minh còn ngán nữa! Nhưng đề anh đi nường bánh mì đã!

— Thôi!

Bà Tú níu quần ông đứng lại.

— Minh kể hết cho em nghe, rồi em mới cho Minh đi.

— Này nhé, nhạc-sĩ Haendel đặt ra các bản nhạc tuyệt hay hồi 11 tuổi, nhạc-sĩ Mozart hồi 4 tuổi, nhạc-sĩ Haydn hồi 6 tuổi. Nói về nhạc-sĩ Mozart, cũng nhờ ông Bố là tay nhạc-sĩ tập cho con đòn từ hồi 3 tuổi, lên 4 tuổi là Mozart đã viết nhạc và đánh nhạc nổi danh. Họa-sĩ Thierry Vaubourgoin, vẽ tranh bán kiếm tiền hồi 11 tuổi, những bức tranh có kém gì Đại Họa-sĩ Van Gogh! Nhà Triết-học Anh John Stuart Mill học chữ Hy Lạp hồi 3 tuổi, viết sách về kinh tế học hồi 11 tuổi. Macaulay viết một quyển « Lịch-sử Nhân-Loại » hồi 7 tuổi. Văn-sĩ Pháp, Pascal, viết sách khoa học về môn âm-thanh hồi 12 tuổi. Quận-tước du Malne, con của vua Louis XIV với bà tình-nhân của vua là bà de Montespan, mới có 7

tuổi đã làm thơ. Nữ-sĩ Scudéry vợ góa của Thi-sĩ Scudéry, và sau đổi tên là Bà de Maintenon, cũng là tình-nhân của Louis XIV có viết một quyển sách trong đó có đăng mấy bài thơ của Thi sĩ 7 tuổi, con vua. Anh còn nhớ vài đoạn thơ của Thi-sĩ tý hon, Minh muốn nghe, anh đọc cho nghe?

— Minh đọc và giảng em nghe.

Ne pensez pas, Messieurs les

Beaux Esprits

Que je veuille, par mes écrits,

Prendre un jour place au temple

de Mémoire.

Savez-vous de qui je suis fils ?

Il me faut bien une autre gloire

Et des lauriers d'un plus grand

prix!

v. v...

— Minh dịch ra thơ Việt cho em nghe đi.

— Ối thôi! Anh đâu phải là Thi-sĩ mà bắt anh dịch Thơ Tây ra Thơ ta?

— Minh cứ dịch đại cho em hiểu thôi mà.

Thi đại khái là thế này:

« Thừa các ngài, tôi làm thơ,

« Đâu phải mong sẽ có tên trên

Đền thờ!

« Tôi là con của giòng vương-

giả,

« Nhưng tôi muốn một Vinh-

quang cao-cả,

« Hơn một danh-vọng ồm-ò!

Đại-khái ý-nghĩa bài thơ của quận-tước du Maine, Thi-sĩ 7 tuổi, con của Louis XIV, là như thế đó.

— Mới có 7 tuổi mà đã làm thơ kiểu-kỳ nhỉ!

— Thơ không có tuổi, Minh ơi! kịch-sĩ Corneille của Pháp, đã viết trong tuồng *Le Cid*:

... Pour les âmes bien nées,

La valeur n'attend pas le nombre des années.

(Với những tâm hồn siêu-thoát, Giá-trị không chờ tuổi tác).

Cũng như Victor Hugo đã làm thơ hồi 8 tuổi. Mạc-dĩnh-Chi đã đối đáp văn sách hồi 10 tuổi. Lê quý Đôn làm thơ Đường-luật hồi 9 tuổi, Minou Drouet, cô bé Thi-sĩ Pháp đã xuất bản tập thơ hồi 8 tuổi, làm sôi nổi các giới văn-nghe sĩ Thế-giới mấy năm trước đây. Nước Thụy - điển cũng có Nữ Thi-sĩ thần-dồng hồi năm trước, là cô bé Gudrun Jacobsson, 11 tuổi, với những câu thơ lạ-lùng:

Biển như con rắn to-lát,

Để tròng sao trên bãi cát,

Và đây là một biển sao

Từ hố sâu của muôn thuở lao-xao.

Anh cũng biết một Thi-sĩ Việt nam, hồi 7 tuổi. Một hôm ông Bố đến nhà một ông quan lớn đánh Tờ-tôm, có dẫn cậu đi theo. Trong sông bài có ông quan lớn, bà quan lớn, và ba bốn người nữa. Đến lúc ông lớn bị một lối phạt gọi là « đầu gà ». Bà lớn đã nghe tiếng cậu bé 7 tuổi biết làm thơ và đối đáp lanh lợi, liền ra cho cậu câu đối: « Đầu gà Ông lớn », biểu cậu đối mau. Cậu Thi-sĩ tí hon liền ứng-khâu đối ngay: « Đít vịt Bà to », khiến

cả sông bãi cười rồ lên! Còn Minh có biết chuyện hồi xưa Đức Không-Tử đi chu-du nước Tàu, đang ngồi trong xe, bỗng có một cậu bé con ra đứng giữa đường. Đức Không-Tử biểu cậu tránh xe. Cậu liền đáp: «Xe tránh người chớ sao người tránh xe?». Cậu bé láu cá ấy tên là Hạng Thác sau nổi tiếng là một văn-học uyên thâm của nước Tàu. Những đứa trẻ sớm thông-minh như thế đều là thần đồng cả đó.

— Nhưng em không hiểu sao lại có những đứa bé tài hoa lại lạc quá sớm như thế, Minh nhỉ?

— Anh chỉ trả lời cho Minh biết rằng mùa hè năm 1954 tại Hội-nghị Nguyên-tử Genève, một nhà Bác-học có trình bày một cảnh hoa ơ-i-dê trắng được chiếu phóng-xạ nguyên-tử, bỗng dưng nở ra hoa ơ-i-dê đỏ. Sự biến cải các tế-bào thảo-mộc, khoa-học gọi là *Mutation*; là nguyên-nhân giảng-giải được các tài hoa sớm nở trong các tế-bào của tâm-hồn non nớt. Một bác học Anh, tên là Ernest Rock Carling có đứng dậy nói trong hội nghị ấy: «Người ta có thể hy vọng rồi đây sự biến cải nguyên tử sẽ có thể, một phần nào gây được ảnh hưởng tâm-ký tuyệt diệu, là sản-xuất các trẻ nit thần đồng.

Bà Tú tùm tùm cười:

— Đời nguyên-tử, nói toàn chuyện nguyên tử!

— Giáo-sư W. Russell ở Đại học đường Oak Ridge, cũng đã

quả quyết rằng trong 50.000 đứa trẻ nit hiện giờ, có thể nhờ phóng xạ nguyên-tử mà biến cải được 1 đứa trẻ thần-dồng. Hôm nọ anh đọc quyển *Genetics of genius* của Louis Terman, nghiên-cứu về vấn-đề phát-sinh các trẻ thần-dồng, thấy có nói rằng từ năm 1910 đến nay, có một số đồng trẻ nit trên thế-giới từ 10 đến 15 tuổi đã phát-triển tâm-hồn một cách lạ-lùng: 10 tuổi bắt đầu vào học các lớp trung-học, 15 tuổi đã đỗ tú-tài. Còn Bác-sĩ Sidney Pressy thì đang thực-hiện một chương-trình giáo-huấn đặc-biệt để có thể «sản xuất» một số trẻ nit thần-dồng là 300.000 em mỗi năm!

— Nghĩa là khoa-học nguyên-tử sẽ sản-xuất con nit thần-dồng như các hàng-hóa kỹ-nghệ vậy sao?

—Ừ. Nhất là trong số các em có tật. Có tật, tức là phải có tài. Và người ta đã huấn-luyện được nhiều em bị câm và bị điếc mới 7, 8 tuổi đã trở nên đại nhạc-sĩ, những em bị đui mù ngay từ lúc sơ sinh đã trở nên những nhà họa-sĩ tài ba lúc lên 10. Về môn thể-thao, người ta đã thấy nhiều kết-quả không ngờ, như em bé Bobby Jones, 14 tuổi, đã đánh cờ rất giỏi, em Barbara Scott, 15 tuổi, đã là vô-địch thế-giới về môn đi tuyết. Thấy như vậy, thì một Nữ Thi-sĩ Minou Drouet của Pháp, hay Jacobsson của Thụy-Điển, mới 8 tuổi, đã xuất bản những bài thơ tuyệt-tác,

cũng không còn là lạ nữa... Minh thấy không? Đầu phải như bọn mình đã to xác rồi mà chưa làm được chút gì hay giỏi hơn thiên hạ, thì thật quá lỗi-thời! Coi chừng kéo đến khi mình sinh ra được đứa con, nó sẽ nằm trong nôi mà ngậm thơ tự-ro cho tụi mình nghe đa!

Bà Tú khoái chí, nhoeùn một nụ cười rất duyên-dáng. Bổng đứng Bà nói ông Tú:

— Cái mùi gì khét khét, mình he?

Ông Tú quay lại cái lò điện đang cháy đồ phục:

— Thôi thế là hai miếng bánh mì của anh cháy ra than hết rồi! Bà Tú âu-yếm kể môi mình lên môi chồng:

— Mặc kệ nó, mình!

DIỆU-HUYỀN

(Trích trong tập nhật-ký của Y)

* DÂN-CHỦ TRONG MỘT NƯỚC VĂN-MINH!

Tất cả những ai đã đi viếng Anh quốc đều có dịp chứng kiến cảnh các diễn giả đứng diễn thuyết trên những cái ghế thật cao ở ngoài phố Luân-Đôn tại vùng Hyde-Park.

Một trong những anh diễn giả ấy công kích dữ-dội chính phủ Hoàng Gia là đã làm cho nền kinh tế Liên-Hiệp-Anh kiệt quệ. Với một giọng hùng-hồn ông nói tiếp:

— Những nhà lãnh đạo chánh phủ đã làm cho chúng ta khổ sở vậy chúng ta phải đốt hạ-ngiệp-viện và phá-hủy điện Buckingham.

Dân chúng tụ lại nghe, đông đến nỗi làm cản trở hết cả mọi sự lưu thông. Bực mình một cảnh sát viên chạy lại hô to:

— Xin quý ông hãy lưu thông! Đây những ông nào muốn đốt hạ nghị viện hãy đi về phía bên phải, và quý vị nào muốn phá hủy điện Buckingham hãy đi về phía bên trái.

* ANH CỦA CHỒNG TÔI

Chồng vừa mới mất, bà vợ lại tái giá với em chồng.

Bữa nọ có một ông khách đến viếng. Ông này rất lấy làm lạ, khi được một bà xinh-xắn và tươi-cười tiếp trong một phòng có treo ảnh chồng cũ.

Lúng-túng bà liền nói:

— Bức ảnh mà ông đang nhìn đây là ảnh của chồng tôi, người mới mất cách đây độ hai tháng.

* BÀI HỌC NỊNH ĐÀM.

Chuyến xe lửa Saigon Mytho đông nghẹt khách. Một chàng ăn mặc bánh-bao được hân-hạnh đứng gần một bà nhan-sắc mền-mòi. Bên cạnh bà, 1 em bé đang ngồi đọc sách hình. Chàng nọ muốn nịnh đầm, bảo em bé:

— Em hãy nhường lại chỗ này cho tôi. Đây tôi cho em 10 \$

Em bé lấy 10 \$ bỏ vào túi và đi chỗ khác.

Khoái chí, anh ta liền niền nở mời bà nọ tọa xuống chỗ trống. Khi ngồi xong, bà diễm nhiên kêu cậu bé:

— Tào, Ông cho con 10 \$, sao con không cảm ơn ông, con?



TÌM HIỂU SƠ-LƯỢC VỀ PHÂN-TỬ VÀ NGUYÊN-TỬ



(Tiếp theo P.T. số 4)



NHUNG các khoa-học gia cận-đại đưa ra một giả-thuyết mới đánh đổ giả-thuyết trên, cho rằng nguyên-tử có thể

phân - đoạn được, nghĩa là nguyên-tử không phải là nhỏ nhất như chúng ta tưởng. Nó cũng được cấu-tạo bởi những yếu-tố riêng của nó và những yếu-tố này đã được các khoa-học-gia nghiên-cứu một cách tinh-xác.

Trước tiên người ta thấy nguyên-tử được cấu-tạo bởi các yếu-tố của nó, như một thái-dương-hệ thu hẹp lại (thái-dương-hệ là hệ thống mặt trời: (système solaire). Vậy các yếu-tố cấu-tạo không dính liền nhau.

Trong thái-dương-hệ, mặt trời cố định, có các vị hành-tinh cách nhau rất xa vận-hành chung quanh mặt trời, những đường quỹ-đạo riêng của chúng trong không-gian. Người ta hỏi tại sao nó không rớt hay xáo-trộn mà

cứ quay mãi trên không được? Sở dĩ như thế là bởi giữa các vị tinh-tử có một sức hút lẫn nhau mà chúng ta thường gọi là sức hấp-dẫn. Vì vậy mà hệ-thống mặt trời không bao giờ tan rã.

Hệ-thống của một nguyên-tử cũng thế. Các nhà khoa-học cho rằng nó có hình cầu giống như viên đạn, chính giữa là một cái nhân (ví như mặt trời) chung quanh cái nhân là những âm-điện-tử vận hành (ví như các vị hành-tinh). Như thế người ta chia nó ra làm hai phần chính: vỏ và nhân. Âm-điện-tử chứa

âm-điện là lớp vỏ ngoài, vận hành chung quanh một phần nữa ở

NGUYỄN-CÔNG-AN

(Giáo-sư — Cần-thơ)

bên trong mà người ta thường gọi là nhân-tử. Nhân-tử này không bao giờ lay chuyển và là nòng-cốt của nguyên-tử cũng như mặt trời trong thái-dương-hệ bao la vậy. Nhân-tử lại gồm hai bộ phận cốt-yếu là dương-điện-tử chứa đầy dương-điện và trung-hòa-tử

(hay trung-tính-tử) không chứa điện. Các âm-diện-tử vận hành chung quanh nhân-tử với một tốc độ kinh-khủng như là che-chỡ nguyên-tử để chống đỡ với những nguyên-tử chung quanh nó vậy. Chúng chạy quanh nhân tử càng mau nếu chúng càng gần cái hạch trung-tâm. Và khi quay nhanh quá, một vài âm-diện-tử có thể quá trơn văng luôn ra ngoài đường quỹ-đạo của mình rồi rớt vào một hệ-thống của một nguyên-tử khác. Thật thế, các âm-diện-tử có thể bay thoát ra từ những nguyên-tử kim loại như hơi nước và có thể được phân tích ra bằng nhiều phương pháp. Sở dĩ người ta gọi chúng là âm-diện-tử vì chúng chứa toàn âm-diện. Đây là tính chất đặc biệt của chúng, và như trên chúng ta đã biết thì chúng rời khỏi các nguyên-tử một cách dễ-dàng. Nếu có nhiều âm-diện-tử thì những âm-diện-tử này sẽ sắp thành hàng trên đường quỹ-đạo của chúng. Những đường quỹ-đạo này cách biệt nên không bao giờ các âm-diện-tử va chạm vào nhau.

Như trên đã nói, các phần-tử cấu-tạo thành nguyên-tử không rời rã là vì nó có tính-chất của một thái-dương-hệ, nghĩa là giữa các điện-tử và các hạch nguyên-tử có một năng-lực hấp-dẫn, hút nhau rất mạnh.

Các nhà bác-học còn cho biết kết quả một khảo cứu tinh-vi nữa là do được trọng-lượng và nhận biết sức hơi điện của âm-diện-

tử và dương-diện-tử. Nhờ vậy người ta biết được dương-diện-tử là một cơ quan dẫn hơi điện nóng (dương-diện) còn âm-diện-tử là một cơ quan dẫn hơi điện nguội (âm-diện) mà sức dẫn điện của hai cơ quan trên bằng nhau, nói cách khác là trong nguyên-tử có bao nhiêu đơn-vị tích điện dương thì có bấy nhiêu đơn-vị tích điện-âm mặc dù giữa âm-diện-tử và dương-diện tử có khác nhau về kích thước và trọng-lượng. Nói về dương-diện-tử người ta nghĩ ngay rằng đó là phần đặc biệt nhất của nguyên-tử về trọng-lượng. Thật thế, trọng-lượng của dương-diện-tử choán gần hết trọng-lượng nguyên-tử nguyên của nó và so sánh tương đối với âm-diện-tử nặng hơn 2.000 lần và chính nó khó phân tách khỏi nguyên-tử hơn âm-diện-tử nhiều. Vậy trọng-lượng nguyên-tử không chia đều cho từng thể tích của nguyên-tử mà tập trung vào trong nhân-tử. Nguyên-tử của các nguyên-tố (đơn chất) khác nhau bởi vì các số âm-diện tử, dương-diện-tử và trung-hoa-tử không đều nhau. Nhưng người ta biết chắc rằng trong mỗi nguyên-tố số dương-diện-tử luôn luôn bằng số âm-diện-tử và giống với số hiệu của nguyên-tử. Thí dụ như một nguyên-tử Uranium có 92 dương-diện-tử vậy nó cũng có 92 âm-diện-tử và đeo số 92. Còn một nguyên-tử khinh-khi (nguyên-tử đơn giản nhất) chỉ có một dương-

điện-tử, vậy nó chỉ có một âm-điện-tử thôi và vì thế nên đeo số 1 (nên nhớ rằng khinh-khi thường không có trung-hòa-tử).

Ngoài ra các yếu-tố cấu-tạo thành nguyên-tử kể trên đều có thể đếm được. Như người ta được biết nguyên-tử khinh-khi thông thường có một âm-điện-tử, một dương-điện-tử và không có trung-hòa-tử nào; một nguyên-tử khinh-khi nặng (2) (hydrogène lourd = deutérium) có một âm-điện-tử, một dương-điện-tử và một trung - hòa - tử; một nguyên-tử hélium có hai âm-điện-tử, 2 dương-điện-tử và 2 trung-hòa-tử; một nguyên - tử Uranium có 92 âm-điện-tử, 92 dương-điện-tử và 143 trung-hòa-tử, v... v...

Cuộc khám phá trong lòng nguyên-tử đã dẫn người ta tìm ra nguyên tắc chế tạo bom nguyên-tử.

Nói về nguyên tắc chế tạo bom nguyên-tử, ở đây chúng ta chỉ tìm hiểu đại cương thôi.

Ông Albert Einstein đoán rằng trong nguyên-tử có chứa một động lực vô cùng mạnh mẽ và có dịp sẽ phát ra một cách kinh-khủng.

Thật thế, điều nhận xét của ông A. Einstein rất đúng mà chúng ta sẽ biết lần lượt như dưới đây:

Trước hết chúng ta được biết theo luật âm-dương thì âm, dương hòa-hợp nghĩa là có thể hút nhau. Dương không bao

giờ gặp dương, âm không bao giờ gặp âm nghĩa là gặp nhau là chúng lánh xa nhau ngay. Luật âm⁺ dương ở đây khác hẳn với luật âm dương trong khoa toán - học. Trong khoa toán-học âm có thể đi chung với âm, dương có thể đi chung với dương, hay âm dương gì cũng hòa-hợp nhau được để đưa ra những kết quả chính xác. Sở dĩ nói rõ như thế là để chúng ta không lầm lẫn về hai chữ âm dương.

Sau khi đã rõ luật âm dương chúng ta thấy rằng dương không thể ở chung với dương được, âm đối với âm cũng thế. Nhưng lại thấy một điều mâu-thuân với luật trên là trong nhân-tử (còn gọi là cái hạch hay nhân nguyên tử) các dương-điện-tử lại ở chung với nhau được mặc dù chúng có số tích-điện bằng nhau và vì thế chắc chắn rằng chúng đẩy nhau rất mạnh.

Có thể ví hai dương-điện-tử như hai đầu của một lò-xo, bao giờ cũng cách xa nhau và muốn gần nhau thì cần phải có một sức ép lại từ bên ngoài. Vậy về việc những dương-điện-tử trong nhân-tử ở chung với nhau được chúng ta phải đương-nhiên công nhận có một sức từ bên ngoài mạnh hơn sức ép vào. Sức bên ngoài phải mạnh hơn sức bên trong để giữ chúng lại cũng như sức ép lò-xo của tay chúng ta phải lớn hơn sức nó đẩy ngược lại vậy. Khi ép hai đầu lò-xo lại gần nhau, nếu vì một lý-do

nào tay chúng ta không có sức nữa thì lập tức lo - xo sẽ bùng nổ và rất mạnh. Các dương-điện-tử trong nhân-tử cũng thế, khi sức ép bên ngoài yếu hơn sức ép bên trong thì nhân-tử sẽ nổ tung lên vì các dương-điện-tử sẽ phân - ly nhau một cách rất mạnh-mẽ.

Nói về bom nguyên - tử, có nhiên chúng ta phải nói đến nguyên-tử Uranium.

Như trên chúng ta đã biết thì mặc dù các dương-điện-tử ở chung với nhau trong nhân-tử nhưng thực ra chúng chỉ chực lăm-le có dịp là phân-ly nhau ngay. Biết được nguyên-lắc đó, các khoa-học-gia bèn tìm cách phá vỡ nhân-tử để giải-thoát chúng.

Và muốn phân-tán một nhân-tử nguyên-tử Uranium, người ta dùng phương - pháp phóng-xạ như tạo dựa vào nguyên-tắc phóng xạ thiên-nhiên, và muốn như thế người ta phải dùng đến những máy tối-tàn để bắn một trung-hòa-tử chạy chậm-chậm (vì theo các nhà khoa-học tốc-độ của trung-hòa-tử càng chậm thì càng dễ trúng hơn) vào nhân - tử nguyên-tử Uranium để đánh phá, nhân-tử sẽ vỡ ra làm hai phần có trọng-lượng gần bằng nhau, bay ngược chiều với một tốc-độ vô cùng lớn-lao và lúc ấy là lúc phát-sinh ra một động - lực rất mạnh.

Trong khi nhân-tử Uranium bị vỡ hai, trung-hòa-tử sẽ thoát ra

làm phóng - xạ mới. Ba trung - hòa-tử này lại bắn vào ba nhân-tử gần bên làm chúng vỡ đi và để cho thoát ra chín trung-hòa-tử mới để làm phóng - xạ mới nữa, dùng tiếp tục bắn phá các nhân tử gần đó, và cứ thế mãi. Chúng ta có thể làm một con toán nhỏ và tính như sau để thấy sự bành-trướng mạnh - mẽ của năng lực nguyên-tử. Lần thứ nhất để thoát ra ba trung-hòa-tử, lần thứ nhì $3 \times 3 = 9$, lần thứ ba $9 \times 3 = 27$, lần thứ sáu $213 \times 3 = 639$, lần thứ tám $1.917 \times 3 = 5.751$, lần thứ mười $17.253 \times 3 = 51.759$ v. v... và cứ như thế chỉ trong một phần ngàn của giây đồng hồ cũng đủ cho sự phân tán lớn-lao một khối những nhân tử của Uranium.

Những điều khảo-sát trên bắt-buộc chúng ta phải nhìn - nhận sức mạnh của nguyên-tử.

Các nhà bác học cho rằng sự đồ vỡ nhân-tử phát minh nguyên-tử-lực là do sự đồ vỡ nhân-tử nguyên tử plutonium (một đồng-vị nguyên-tố của Uranium nghĩa là người ta dùng Uranium để chế ra plutonium rồi dùng plutonium để chế ra bom nguyên-tử) Chúng ta sẽ hiểu nguyên-tắc chế-tạo ra chất plutonium.

Uranium thiên-nhiên có 3 đồng vị là U-238, U-235 và U-234. Nếu một nguyên-tử U-235 bị một trung-hòa-tử bắn vào thì nhân-tử của nó sẽ dễ bị vỡ. Trái lại nhân-tử của chất U-238 có khi hút mất trung-hòa-tử mà không vỡ. Từ chất U-238 người ta có

thề chế ra chất neptunium (mang số 93) do nhà thông-thái Mỹ là Mac-Millan tìm ra vào năm 1940. Nếu neptunium phân-tán thì sẽ sinh ra plutonium.

Chất plutonium (mang số 94) dễ vỡ và là một nguyên - chất khác với Uranium.

Ngoài chất plutonium cũng có chất U-235 dễ vỡ, người ta chế nó tách ra khỏi U-238.

Các lý-thuyết về nguyên - tử trên rất đúng. Một bằng-cớ cụ thể làm cho chúng ta tin thật là trái bom thí-nghiệm lần đầu tiên ở Alamogordo vào ngày 16/7/1945 (?), trái thứ hai ném tại Quảng - Đảo (Hiroshima) đều được chế-tạo bằng chất U-235 và trái thứ ba ném ở Trường - Kỳ (Nagasaki) được chế - tạo bằng chất plutonium.

★ THẤT VỌNG

Một cô thư-ký khá đẹp giúp việc được gán một tháng tại một sở nọ. Một hôm, nhằm ngày thứ 7, ông giám đốc hỏi cô thư ký:

— Chiều nay cô có rãnh không?

Mỉm cười, cô thư ký vội vàng trả lời:

— Dạ thưa ông, chiều nay em rãnh.

Ông giám đốc nói tiếp:

— Tốt lắm, cô hãy rán đánh máy cho xong xấp tài-liệu này!

HẢI-PHƯƠNG

DANH NGÔN

★ Sách vở làm cho chúng ta vui nhiều và chính người đời làm cho chúng ta đau thương khổ ải nhất.

J. JONBERT

★ Đạo đức luân-lý là một cái cây, rễ ở trên trời mà hoa và trái đưa hương thơm ngào ngạt.

LAMENNAIS

★ Thuốc hay đắng miệng nhưng lợi ích cho sự chữa bệnh. Lời nói thẳng thường chướng tai nhưng rất lợi ích cho việc làm.

KHÔNG-TỬ

★ Tôi không sợ những người phản đối tôi mà chỉ sợ những người không đồng ý với tôi mà lại hèn nhát đến nỗi không dám nói ra.

NAPOLÉON

HỒ-KIỀU-PHƯƠNG sưu-lưu



NHỮNG THỦY TỞ

các nghề thủ công

Việt-Nam

* Ba anh em mồ-côi cha mẹ, thủy-tở NGHỀ KIM-HOÀN



Ở LÝ NAM ĐẾ
(Tây lịch 547) ở
làng Định Công
(huyện Thanh Trì,
phủ Thường Tín,
tỉnh Hà Đông, Bắc

Việt) có ba anh em nhà kia mồ-côi cả cha mẹ, nhưng cả ba đều tinh khôn, khéo léo. Người thứ nhất là Trần Hòa; thứ đến là Trần Diên và Trần Diên.

Nước ta thuở ấy thường bị quân Nam Chiếu quấy nhiễu. Ba anh em họ Trần đều có ruộng nương của cha mẹ để lại rất nhiều, song họ cũng muốn bán đi cho hết, tìm cách lánh nạn sang Tàu và luôn thể học lấy một nghề để kiếm ăn.

Qua bao nhiêu ngày gian nan khổ sở, trèo đèo, vượt suối, họ mới sang được biên giới; nhưng trước khi sang đất lạ, qua một khu rừng rậm thì bị một bọn cướp chặn đường bóc lột, khiến cho ba anh em chạy tán loạn

mỗi người một nơi, hành lý mang theo đều mất cả.

Người anh cả sang nước Tùy; hai em chạy sang nước Tấn. Hai em học được nghề làm vàng, còn anh thì tập việc trong nhà người thợ bạc.

Ba năm sau, Trần Hòa trở về làng, mong rằng được gặp hai em, nhưng hỏi thăm thì ai cũng đều nói có lẽ bị giặc cướp giết mất rồi. Người anh khóc lóc thảm thiết và để tang hai em.

Năm năm trôi đi, một hôm, trong lúc chàng đang ngồi trên ngưỡng cửa, buồn nhớ những

việc đã qua, chợt thấy hai người lạ, khăn gói bước vào, hồi lâu mới

nhận ra chính là hai em. Cả ba anh em đều ôm nhau mà khóc, vái tạ ơn trời, phật đã ban cho họ cái vui xum họp.

Họ liền mở một cửa hàng bạc, lấy hiệu là « KIM HOÀN », và dạy thêm cho nhiều người ở trong làng biết nghề nữa.

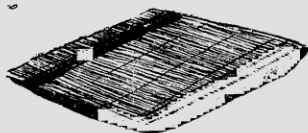
Nhà vua nghe tin, cho triệu cả ba anh em họ Trần vào triều, và truyền cho làm rất nhiều đồ nữ trang và bảo vật cho Hoàng thất.

của
HOÀNG LAN

Nghề kim hoàn ở nước ta bắt đầu có từ thời ấy.

*** Ông Trạng - Nguyễn
PHẠM - ĐÔN, Khâm - sứ
Việt - Nam tại Trung-
Quốc, là thủy-tổ
NGHỀ DỆT CHIẾU**

Người chế ra chiếu cói đầu tiên ở nước ta tên là PHẠM ĐÔN, quê ở làng Thanh Nhân, huyện Kim Anh, tỉnh Bắc Ninh, sống dưới thời Lê (niên hiệu Thiên Phúc, Tây lịch 981-1006). Ông là người thông minh nổi



tiếng học giỏi, đỗ Trạng-Nguyên, nên đã có lần được cử sang sứ nước Tàu.

Một ngày kia, khi qua làng Ngọc Hồ (thuộc phủ Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây) ông thấy dân làng hầu hết đều làm nghề đan chiếu cói. Ông nhận ra đó là sinh kế duy nhất của dân làng, vì quanh vùng hoa lợi chỉ có một thứ cói. Ông nghĩ ngay rằng nghề này có thể nuôi sống cho nhiều gia đình ở quê-hương, nên ông lần la xin học nghề. Chỉ trong

ba hôm, ông đã trở nên một người thợ đan chiếu cói giỏi.

Khi trở về nước, ông tường trình mọi việc với vua, rồi xin từ quan trở về làng.

Về đến quê, ông mải công tìm kiếm mà không chỗ nào thấy bãi cói, khiến ông đến thất vọng. Mãi sau, khi lần mò sang vùng duyên hải tỉnh Nam Định, thì may thay, trước mặt ông hiện ra không biết bao nhiêu là bãi đất hoang, bùn lầy nước đọng. Trên bãi, cói mọc cao quá đầu người chung quanh lơ thơ vài xóm nhà với một số ít người chuyên nghề đánh cá. Ông lần la đến

xóm dân chài mới chuyện, và sau cùng bảo họ rằng: « Các người có muốn ta dạy cho biết phép biến những sợi cói vô dụng kia thành những món vàng không? Họ xúm xít quanh ông, và ai nghe nói cũng đều ngạc

nhien, và yêu cầu ông nói rõ cho họ hiểu. Ông bèn lưu lại ở xóm chài ấy, dạy cho mọi người biết cách lấy cói dệt chiếu.

Làng ấy là làng Hải-Thiện. Dân làng hiểu ngay sự lợi hại của nghề mới, bỏ việc đi đánh cá ngoài khơi, và xúm nhau lại chuyên làm cái nghề mới học. Kể đi cắt cói về phơi khô; người lấy sợi đan lại theo cách thức chỉ bảo của ông Trạng họ Trần. Không bao lâu, cả làng

lãi Thiện trở nên giàu có nổi tiếng nhất vùng.

Khi ông Trần Đôn mất đi, dân làng Hải-Thiện đều nhớ ơn ông, đề tang và làm lễ rất linh đình. Ông được phong làm Lễ - Bộ thượng thư, và đến nay dân làng còn hương khói.



* Sự cù KHÔNG-LỖ thủy-tử NGHỀ ĐÚC ĐỒNG

Theo sách « Bắc Ninh Chi », nước ta biết nghề đúc đồng từ đời Trần Thái Tông (1226).

Thời ấy ở chùa Phả Lại, huyện Quế Dương, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, có một nhà sư trụ trì, pháp danh là KHÔNG LỖ đạo học rất cao siêu. Ông nghĩ cách nặn ra những khuôn mẫu bằng đất, rồi lấy đồng vụn đúc nên những đồ tự khí nhỏ nhỏ, hay những kiềng khăn để thờ cúng trong chùa.



Ông lại dạy thêm cho hai chú tiểu là Phạm quốc Tài, người làng Đề Kiêu gần Sĩ Yên

Loai, và Trần Lạc người làng Đông Mai huyện Văn Giang.

Sau, ba thầy trò chế ra những nồi đồng lớn, mà xưa nay chỉ làm bằng đất, rồi dần dần lại đúc được cả một quả chuông

lớn, cùng những pho tượng Phật, lư đỉnh v.v... Dân gian liền bảo nhau học lấy, và chế ra những đồ thiết dụng hàng ngày.

Dù bây giờ nghề đúc đồng đã tiến bộ, người ta vẫn coi hai làng Đề Kiêu và Đông Mai là nơi khởi tổ ra nghề đúc đồng và tôn đức Kì ông LỖ, và hai học trò của ngài là thủy tổ.



* Ông Khâm sứ PHÙNG KHẮC - KHOAN, người đầu tiên đem bắp ngô từ bên Tàu về trồng trên đất Việt-Nam.

Đời Lê Kinh Tông (1600) ông Phùng Khắc Khoan, tức Trạng Bùng được cử sang sứ Tàu.

Trong những ngày sống nơi quê người, đất khách, những lúc nhàn rỗi, ông thường thơ thẩn rong chơi đây đó. Một hôm, đi đến một làng kia, ông trông thấy rất nhiều người thợ đang quay những sợi tơ bằng những cái máy rất tinh xảo để dệt thành tấm lụa rất óng mượt và nổi cát nhỏ. Ông bèn ở lại vùng đó ít lâu để học lấy nghề, và phác ngẫm ra trên giấy kiểu máy dệt.

Khi trở về, qua một cánh đồng rộng, ông ngạc nhiên thấy những cây cỏ rất lạ, chưa từng có bao giờ ở nước nhà. Thì ra đó là những cây vừng và bắp ngô. Ông muốn mua về mang về nước trồng, mà không được, vì

có lệnh cấm không cho mang một thứ hoa quả, cây cối nào ra khỏi nước Tàu.

Đến cửa ải Nam Quan, ông bị khám xét rất cẩn thận, đến đôi mắt ông cời cả quần áo ra để khám. Ông cũng bằng lòng, nhưng



khi cời quần áo, đứng sau một bức bình phong, ông đã nhanh giấu được mấy hột ngô và mấy hột vừng vào hậu môn. Khi bọn lính khám xét quần áo của ông, thấy trong túi đựng đầy ngô và vừng, bèn đồ ra hết, nhưng không ngờ được đến mưu mẹo của ông.

Sang đến địa giới nước nhà, ông mới móc ngô và vừng ra, gói vào giấy cẩn thận. Về đến làng, ông đem trồng, hết sức trông nom săn sóc. Chẳng bao

lâu cây mọc lên xanh tốt, và được trồng lan ra khắp xóm làng, và dần dần khắp nước, thành một món ăn rất bổ ích cho dân ta. Ngày nay, theo lệ cổ người ta không dám cúng lễ bằng vừng và ngô, vì họ cho cách « nhập cảng » hai thứ đó của ông Trạng không lấy gì làm tinh khiết.

Còn thứ lượt mà ông Trạng học được cách dệt thì chỉ truyền lại cho dân làng thôi. Người làng trở nên giàu có cũng chỉ vì lượt Bùng! và cho đến nay, làng Phùng Xá, huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây hãy còn đền thờ ông Phùng Khắc Khoan để tỏ dấu ghi ơn.

*** Thủy - tử NGHỀ LÀM ĐỒ GỐM: Ông TRƯƠNG-TRỌNG-ÁI**

Nghề làm đồ gốm xuất hiện từ đời TRIỆU ĐA khởi thủy là một người thợ khách tên Hoàng Quang Hưng, gốc từ làng Thắm Hương theo một quan Thái thú sang ta làm ăn.



Ông ngạc nhiên khi thấy những lọ, hũ của ta thô lỗ xù xì không đẹp mắt. Ông bèn hỏi một vài

người làm thế nào mà chưa được nước ăn để dành lâu. Mọi người đều trả lời là đã có ao làng, cho đến ăn uống, tắm, giặt cũng đều lấy nước ao cả.

Ông ta cười xòa cho là thô lỗ quá, và ông tự giới thiệu mình có thể chế ra được những chum vại to lớn, đẹp để có thể dùng chứa nước ăn được dùng trong hàng tháng.

Hồi ấy, nước ta có một người tên là TRƯƠNG TRỌNG ÁI quản làng Đẩu Khê, tổng Kim Độ, huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương thấy thế bèn ăn cần rước mời ông về nhà để xin ông truyền dạy nghề cho.

Ông vui lòng nhận lời. Về đến nhà, ông sai đắp một cái lò thật lớn ở giữa vườn, rồi nhào đất, lọc đất, làm khung gỗ, bàn đập,

chân quay... Sau ba tháng đã cho được vào lò nung mấy chục chum vại, kết quả rất tốt đẹp.

Ông Trương Trọng Ái hết sức mừng rỡ, và cảm ơn người Thầy Tàu, đưa tặng 20 nén vàng.

Từ đó ông Ái chỉ chuyên nghề làm đồ gốm, không mấy chốc trở nên đại cự phú. Khi ông mất đi, các con lại nổi nghiệp, chẳng bao lâu, khắp làng đã đầy những lò gốm.

Sau này, con cháu của Trương Trọng Ái đem nghề làm đồ gốm sang làng Thổ Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh, khiến cho làng này từ đấy trở nên phồn thịnh.

Ở làng Thổ Hà hiện nay hãy còn hai ngôi đền thờ Hoàng Quang Hưng và Trương Trọng Ái.

(Còn nữa)

★ CẠT - PỐT - TAN.

Sau khi giảng qua các danh nhân Pháp của thế-kỷ thứ 17, thầy liền gọi :

— Mân, trò hãy kể cho tôi hai Văn-hào lỗi lạc của Pháp ở thế-kỷ 17.

Vì « bạn » nói chuyện nên trả lời chẳng được, bỗng nghe một trò nhắc : « DESCARTES — PASCAL »

Mân lanh lẹ đáp : « Thưa Cạt-pốt-tan ạ ! »

Giáo sư : ? ? ?

★ SÚT BÁNH XE.

Sau chuyện « Trung-du » về có vài bạn đến thăm, Thiệu bèn ba hoa :

— Các anh biết không ? .. Trong lúc chuyển xe đang ngon trớn trên con đường đèo bỗng tôi giật mình vì một bánh xe của tôi sút ra và văng tuốt xuống hố...

— Thế thì chết mất còn gì ?

— Nhưng khi tôi coi lại, thì là bánh « xơ cua » !

TÔ-KIỀU-PHƯƠNG

Sầu

Lữ' -

Thú'



Màn chiều thả xuống Cao-Nguyên,
Sương mờ rơi phủ một miền núi non.
Hoàng-hôn khơi mảnh tâm buồn,
Mây đi trăm ngả gọi hồn cổ hương.
Vi-vu gió gọi thê-lương,
Xót thân nhận lẽ tha-phương lạc loài.
Chuông chùa xa vắng tiếng khơi.
Kiếp sầu lữ thú, sầu ơi là sầu !
Cõi lòng ai chất thương đau !
Bấy lâu hoen ó hạt châu khăn hồng.
Chiều nay ngồi tựa bên sông,
Lừng lơ giọng hát thả giòng tâm-tư.
Hỏi lòng sao tỉnh lại mơ !
Mơ trong mộng đẹp, bây giờ còn đâu ?
Bao giờ vui được u-sầu,
Đề tình non nước, đượm màu nước non.
Sầu dâng, dâng ngập lòng son,
Cô lâu là kiếp hầy còn vấn-vương.
Cõi sầu sầu tự muôn phương
Chén sầu rót mãi, thêm hương vị sầu.

Nhật-Thủy



★ NGUYỄN HIẾN LÊ dịch ★

G. K. Chesterton là một danh sĩ hiện đại của Anh, sanh ở Luân-Đôn năm 1874 và mất năm 1936. Ông viết nhiều loại : tiểu thuyết, tiểu sử, cáo luận, phê bình, và thỉnh thoảng làm thơ. Ngọn bút phê bình của ông rất sắc bén ; lý luận của ông vừa tài tình vừa chặt-chẽ, đôi khi có vẻ ngược đời. Những tác-phẩm chính của ông là : Dickens, The Victorian Age in Literature (tiểu sử, phê bình) ; The Napoleon of Notting Hill, The Innocence of Father Brown (tiểu thuyết) ; All things considered (Cáo luận) ; Poems (thơ).

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một tùy-bút ngắn của ông dễ đọc-giả thưởng thức giọng văn hóm hỉnh cùng những tư-tưởng ngược đời mà sâu sắc của ông.



Một học tức gần như phát điên khi hay tin rằng châu thành Luân-Đôn bị ngập trong lúc tôi vắng mặt, nằm

sông ở một nơi nhà quê. Tôi biết chắc khu Battersea của tôi được các ngọn nước đổ đến rất nhiều. Tôi cần phải thừa ngay rằng khi chưa ngập thì khu Battersea cũng là một nơi đẹp

nhất trong châu thành rồi. Bây giờ lại thêm cái đẹp rực rỡ của làn nước mênh mông thì quả thực là không còn phong cảnh nào sánh kịp. Battersea lúc này khác gì Venice. Chiếc ghe chèo thịt của nhà hàng thịt chắc tiến trong những đường hẻm nước gọn bạc, một cách êm đềm lạ lùng, y như những tam bản ở Venice. Người bán rau chở cải lại góc đường Latchmere chắc là nghiêng mình trên mái chèo một cách mềm mại vô song như các anh chèo đò ở Venice. Không có gì nên thơ hoàn toàn bằng một bãi đảo, mà khi một khu đất bị ngập thì nó thành một quần đảo.

Một vài người cho rằng nhìn nước hoặc lửa một cách lãng mạn như vậy, có phần không thiết thực. Nhưng xét kỹ thì nhìn các sự bất tiện một cách lãng mạn, vẫn hoàn toàn thiết thực như mọi lối nhận xét khác. Người yêu đời cho một sự bất tiện là một cơ hội để vui thích, cũng có lý như nhà viết báo gắt gỏng, cho đó là một cơ để cầu nhau, mà có phần lại nhiều tình cảm hơn nhà viết báo nữa. Những nỗi khổ như bị xử tử ở pháp trường hay bị nhừ rãng mới là những nỗi khổ xác thực. Người ta phải rán chịu nó, chứ không thể cho nó là vui được. Nhưng xét ra thì có phải ai ai cũng nhừ rãng đâu; mà bị xử tử thì lâu lắm trong bọn chúng ta mới có một người. Còn hầu hết những điều bất tiện nó làm cho đàn ông thì chải rửa, đàn bà thì

rên la, thực ra đều do tình cảm hoặc tưởng tượng cả, nghĩa là hoàn toàn do óc của ta. Ví dụ ta thường thấy các ông các bà phàn nàn phải đi bách bộ ở sân ga, hoặc phải đứng đợi ở bến xe. Nhưng bạn có bao giờ thấy một đứa nhỏ phàn nàn như vậy không? Đối với nó, ở trong ga xe lửa là được ở trong một cái động tiên đầy bí mật, hoặc ở trong một lâu đài đầy thú nên thơ. Nó cho ánh đèn đỏ và đèn xanh để làm dấu hiệu chẳng khác chi một mặt trời hoặc mặt trăng mới. Và khi cái cây ngang ở cột đèn hết nhiên hạ xuống để ra hiệu, thì nó tưởng như một ông vua cao lớn hạ cái gậy xuống để ra lệnh cho một đoàn xe rít lên và khởi hành. Chính tôi cũng giống trẻ em về điểm đó. . . . Những giờ vui nhất của tôi là ở trạm xe Clapham. Lúc này, chắc chỗ đó cũng ở dưới nước rồi. Đã nhiều lần ở trạm xe ấy, tôi chăm chú nhìn mọi vật, như bị thôi miên, đến nỗi giá nước có dâng lên đến bụng, tôi cũng không hay. Nhưng, như trên kia tôi đã nói, chúng ta xét những việc bất tiện như vậy đều theo tình cảm của ta hết. Bạn có thể áp dụng lời của tôi vào mọi điều mà ai ai cũng cho là bất tiện, có hại cho đời sống.

Chẳng hạn, người nào cũng cho rằng phải bắt đuôi cái nón của mình là một điều chẳng vui chút nào cả. Tại sao đối với những người có thú tự và tu hành thì như vậy lại là khó chịu? Chạy

đâu phải là một việc khó chịu ? Cũng không phải vì chạy rồi hóa mệt, mà người ta khó chịu. Thì cũng những người đó, khi đi săn hoặc tập thể thao, còn chạy nhanh hơn vậy nhiều chứ ! Họ đã nhiều lần chạy đuổi một trái banh bằng da chẳng đẹp để gì, mà sao lại hăng hái hơn là chạy đuổi một cái nón đẹp bằng tơ ? Người ta cho rằng chạy theo cái nón của mình là mất thể diện, nghĩa là lỗ bịch, là làm trò cười. Kề ra, chạy theo cái nón cũng buồn cười thật, nhưng hầu hết những việc người ta làm đều buồn cười cả, như việc ăn chẳng hạn. Mà những việc tức cười nhất lại chính là những việc đáng làm nhất, như là việc trai gái yêu nhau. Một người đuổi theo cái nón có gì đáng tức cười bằng một ông chồng đuổi theo bà vợ đâu ?

Nếu người ta cho đuổi theo cái nón là một việc rất tự-nhiên thì người ta có thể chạy bắt nó một cách rất hăng hái, dùng mánh và vui-vẻ vô cùng nữa. Người ta có thể tự coi mình là một thợ săn vui vẻ đuổi một dã thú, vì chắc chắn không có một con vật nào hoang dã hơn là cái nón. Tôi gần muốn tin rằng sau này, sự đi săn nón trong những ngày gió lớn sẽ là một lối thể-thao của hạng thượng lưu. Một buổi sáng có gió, các ông các bà sẽ hội họp trên một khu đất cao, rồi một nhà chuyên môn sẽ cho họ biết đã liệng một cái nón ở trong một bụi rậm nào đó. Có

lẽ người ta sẽ dùng một tiếng nhà nghề gì khác để chỉ các bụi rậm. Bạn nên nhận rằng trong lối chơi ấy, thể thao và nhân đạo được hòa hợp một cách hoàn toàn nhất, vì người đi săn thấy mình đã không làm cho một vật gì phải đau khổ, mà lại còn làm cho khán giả vui thích nữa, một nỗi vui lâu bền, rộn-ràng. Lần trước, khi tôi thấy một ông già sang trọng đuổi bắt cái nón của ông ta trong một công viên lớn, tôi bảo ông ta rằng một tấm lòng tốt như ông, tất phải khoan khoái lắm, vì mỗi cử chỉ, mỗi dáng điệu của ông đã làm cho những người xúm lại coi được một nỗi vui rất hồn nhiên.

Nguyên tắc tôi nói đó cũng có thể áp dụng vào mọi điều khó chịu ở trong nhà. Một người sang trọng thường tưởng tượng rồi thấy mình rất bức mình khi phải vớt một con ruồi ở trong ly sữa hoặc một cái mảnh nút bắt ở trong ly rượu. Nhưng nếu người đó nghĩ đến lòng hạn kiêu nhẫn của một ngư phủ ngồi bên một cái ao tù thì tất sẽ thấy tâm hồn mình vui-vẻ và thư-thái. Tôi biết nhiều người đậu óc tàn tiến lắm chứ mà đem trời đất thành thần ra rủa chỉ vì gặp một sự bực mình nào đó, chẳng hạn khi thấy chiếc ngăn kéo mắc kẹt kéo ra không nổi. Nhất là một ông bạn của tôi cho sự đó là tức lộn ruột lên được. Lần nào cái ngăn kéo của ông mắc kẹt thì ông cũng rủa « Trềng đéc ơi ! » Thực là có văn có vẻ. Tôi chỉ cho ông

ta rằng sự khó chịu đó thực ra chỉ là chủ quan và tương đối : ta thấy nó khó chịu vì ta cho rằng ngăn kéo thì phải luôn luôn mở ra được dễ dàng.

✓ Tôi khuyên : « Nếu anh thử tưởng tượng là đương giằng co với một kẻ thù mạnh-mẽ nó áp bức anh, thì anh sẽ thấy hăng hái tranh đấu lên chứ không khó chịu nữa. Anh tưởng tượng rằng anh đương kéo lên cạ một chiếc tam bản, hay kéo một người bạn trượt chân té xuống một cái hang ở núi Alpes rên. Hoặc anh tưởng tượng anh là một đứa nhỏ đương thì kéo dây giữa hai phe Pháp và Anh ». Khuyên xong rồi, tôi bỏ mặc ông ta, và tôi chắc rằng lời khuyên của tôi rất hiệu quả. Tôi chắc rằng mỗi ngày, ông ta nắm quả nắm ở ngăn kéo, mặt đỏ bừng, mắt sáng rỡ, hăng hái phấn đấu, la hét đề tự khuyến khích và tưởng chừng như ở chung quanh có tiếng vỗ tay hoan hô đầy trời.

Cho nên tôi nghĩ rằng dù châu thành Luân Đôn có bị ngập thì cũng có thể là một sự vui nên thơ. Nghĩ như vậy không phải tài hoàn toàn tưởng tượng hoặc khó tin đâu. Thực ra thì lụt chẳng qua chỉ bất tiện một chút thôi, mà như tôi đã nói, sự bất tiện chỉ là một phương diện, phương diện đó là một phương diện ngẫu nhiên, nghèo tương tượng của một tình thế cực nên thơ. Một sự bất tiện, cho nó là một sự tự nhiên vô hại thì nó là một sự tinh cở. Một sự tinh cở, cho nó là có hại, thì nó là một sự bất tiện. Làn nước bao bọc các nhà và tiệm ở Luân-Đôn, nếu có làm hư hại đôi chút thì cũng làm tăng cái đẹp mê người, lạ lùng, cổ hữu của các nhà và tiệm đó. Một giáo-sĩ đạo Đa-Tô ở La-Mã đã nói : « Rượu dùng với cái gì cũng tốt, chỉ trừ với nước ». Theo nguyên tắc đó, ta cũng có thể nói : « Nước đối với cái gì cũng tốt, chỉ trừ với rượu ».

★ SỢ BẠN CHẾT.

Ở Cần-Thơ, vào một buổi trưa hè nắng gắt, gần bờ sông. Tuấn kêu Long :

— Coi chừng ! Mày không biết lội, đừng lên thuyền kiểu ấy, nguy hiểm lắm ! Nếu mày té xuống nước thì sao ?

Long cười :

— Mày khỏi cần lo. Cảm ơn mày nhiều !

Tuấn nói tiếp :

— Nếu té, mày có thể bị chết chìm.

Long quả quyết :

— Chuyện ấy không khi nào có. Tao hiểu cách lên thuyền quá mà mậy !

Tuấn chán-nản nói :

— Thôi được rồi ! Mày hãy trao cho tao cái đồng hồ và sợi giây chèo của mày đi. Lỡ mày có chết chìm, thì tao giữ làm vật kỷ-niệm !



CỦA
L. È
NGỌC
TRỤ

Giảng-viên
trường
Đại-học
Văn khoa



(Tiếp theo P. T. số 4)



Ề SAU, hai cha
d'Adran và J. L.
Taberd chỉnh-dồn
lại lối viết. Ông J.
L. Taberd có xuất-
bản tại Serampore

(Ấn-Độ) hai bộ tự-vị *Diction-
naire Annamitico. Latinum* và
Dictionnaire Latino Annamiticum,
lối chữ ấy thông-dụng đến bây
giờ. Mấy tự-vị của các ông
J. L. Taberd, J. Simon Theurel
(Ninh - Phú 1897); Génibrel
(1898) Paulus Huỳnh Tịnh Của
(1895-1896), P. Trương-Vĩnh-Kỷ
(1900), dùng để hiểu nghĩa mỗi
tiếng, chứ chẳng giúp ích nhiều
về phương-diện ngữ-học, như
quyền tự-vị của cổ De Rhodes.

Đến thế-kỷ XIX, nhưn khảo-
cứu các dân-tộc Đông Nam Á,
các học-giả Tây-Phương mới
nhận ra sự quan-hệ thân-tộc xa
gần của các loại-ngữ miền này,
và bàn-cãi về nguồn gốc tiếng

Việt. J. R. Logan (1850) nhận
thấy tiếng Việt có thân-tộc với
tiếng Môn; Keane (1830) đánh
đổ thuyết ấy, cho rằng tiếng Môn
không có âm-điệu, bằng-trăm
như tiếng Việt. Song Forbes
(1881), Kuhn (1883), Himly (1886)
lại đồng ý thiên tiếng Việt về
loại tiếng Pégouan hoặc tiếng
Môn - Mên. Abel Des Michels
(1887) không nhìn - nhận rằng
tiếng Việt chuyển-lai từ tiếng
Trung-Hoa, nó chỉ mượn danh-
từ Hán-Việt mà thôi. Thiếu-tướng
FREDI, táo-bạo hơn, cho tiếng
Việt là « mẹ của một số tiếng
nói » dẫn giải trong hai quyển
L'Annamite, mère des langues
(1892), *Annamites et Extrême-
Occidentaux. — Recherches sur
les origines des langues* (1894).
Henri Maspéro thời cho tiếng
Việt thuộc tiếng Thái; cổ Sau-
vignet, trái lại, cho thuộc về
tiếng Ấn-Độ Mã-Lai. Ông Przy-

Iuski sắp tiếng Việt vào loại tiếng Úc-Á (langue austroasiatique). Nhiều thuyết khác nhau, chưa quyết-định được; điều chắc-chắn là tiếng Việt ngày nay là « kết-quả của sự hỗn-hợp trại lẫn của nhiều thứ tiếng khác nhau. »

Trường Bác - Cổ Viễn - Đông thành-lập năm 1900 xúc-tiến việc khảo-cứu ngôn-ngữ, phong-tục, văn-hóa và lịch-sử của các dân-tộc ở bán-đảo Đông-Dương. Tiếng Việt được các nhà Đông-phương ngữ-học khảo-cứu có phương-pháp hơn, nhờ tài-liệu thâu-thập tại chỗ, như các học-giả *Chéron* (cours d'annamite), *Léopold Cadière* (Phonétique annamite). — *Dialecte du Haut-Annam* (1902); *Dialecte du Bas-Annam* (1911); *Monographie de la semi-voyelle labiale en annamite et en sino-annamite* (BEFEO 1908—1910), *Henri Maspero* (những sách đã kể trên về sự khảo-cứu tiếng Trung-Hoa), *Souvigniet* (*Les origines de la langue annamite*), *Dubois* (*Quốc-ngữ et mécanisme des sons de la langue annamite. — Etude phonétique* (1904), A.G. *Haudricourt* (*Initiation à la linguistique*). Hai học-giả trú - danh Việt-Nam, ông *P. Trương Vĩnh Ký* (tác-phẩm về ngữ-học không thấy xuất-bản) và ông *Nguyễn-văn-Tổ* (*L'argot annamite de Hanoi*), cũng có khảo về tiếng Việt, nhưng một cách lẻ-tẻ rời-rạc-cuộc. Các khảo-cứu viết bằng Pháp-ngữ vẫn tiếp-tục. Gần đây, đáng đề-ý có quyển *Précis de langue vietnamienne* (1948) của *P. Francastel*, quyển *Le parler vietnamien.* —

Sa structure phonologique et morphologique fonctionnelle (1948) của Cha *Lê-văn-Lý*. *André-G. Haudricourt.* — *Les origines des tons en vietnamien* (Journal asiatique année 1954, fasc 1, pp 69-82).

Học-giả Việt-Nam cũng có gia-tâm khảo - cứu, nhưng phần nhiều viết những bài báo lẻ-tẻ hoặc những sách về văn-phạm, tài-liệu phần nhiều mượn của những sách Pháp.

Những sách chuyên về ngữ-học rất ít, có quyển *Học tiếng Nam* (1938) của ông *Trần-Cảnh-Hảo*, quyển *Ca-dao toán-học* (1950) của ông *Đào-Trọng-Đủ*, quyển *Chữ và Văn Việt khoa-học* (1950) và bài *Ngôn-ngữ-học* (tập Kỷ-yếu Hội Khuyến-Học, 1953) của ông *Nguyễn-Bạt-Tụy*.

Đồng thời, chữ quốc-ngữ cũng được nhiều học-giả đề-nghị cải-cách cho giản-tiện trong việc ấn-loát và đánh-điện-tin.

Khoa ngữ-học Việt-Nam ngày nay được giảng-dạy tại Trường Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn, và hồi tháng chạp 1956. Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục có triệu-tập một *Hội-Nghị thống-nhất ngôn-ngữ*. Ấy là triệu-chứng đáng mừng cho văn-khoa nước nhà.

Tiếng Việt dưới chánh-thể Việt-Nam Cộng-Hòa là thừa-ngữ chánh-thức, một phương tiện hiệu-quả nhất trong sự phát-triển văn-hóa Việt-Nam thì sự khảo-cứu tiếng Việt càng cần-thiết đề-đề-cao tinh-thần dân-tộc về phương-diện ngôn-ngữ văn-tự, đề-tiếng nói, chữ viết được điều-chế và uất-tri.



Tùy bút của Cô BẠCH-YẾN



Ô xướng - ngôn - viên
vừa đọc xong kết
quả của lô số trúng
độc-đắc xong, tôi
vội ngã mình lên
chiếc ghế cạnh bàn

tôi. Bao nhiêu hy-vọng của tôi khi
mua hai tám vé số vừa rồi thế là
đã tiêu tan theo gió! Tiếng hát
của nhạc-sĩ Trần văn-Trạch lại cất
lên bên tai tôi: « ... Kiến - thiết
Quốc-Gia giúp đồng bào ta, mua
lấy cái nhà giàu sang mấy hồi... »
Tôi thấy bực mình đến tắt vội máy
phát thanh đi. Giàu sang đâu
chưa thấy mà đã thấy mất 20\$ để
mua 2 tám vé số rồi! Đã trật mãi
nhưng mỗi kỳ ra số tôi lại
thích mua. Có lẽ mọi người cũng
như tôi đều thích mua vé số
chăng? Vì ai mua vé số cũng có
ý nghĩ rằng chỉ trong chốc lát
may ra sẽ trở thành triệu phú!
Chỉ bỏ ra 10\$ thôi để mua một
cái hy-vọng lán lạp, thì thử hỏi ai
lại không thích chứ! Nói thế
không phải chê người Việt-Nam
mình ham làm giàu mới đua nhau

mua vé số. Lịch-sử xổ số đã bắt
đầu có giữa thế-kỷ XVII kia lận
mà! Chính nước Ý đã bày ra cuộc
chơi này trước nhất, và dần dần
lan cả Âu Châu qua Á Đông, rồi
sang Việt-Nam, chẳng khác nào
dịch « Hu-la-húp » hiện nay đang
bành-trướng mạnh mẽ vậy. Cuộc
xổ-số đầu tiên có từ năm 1653,
do nhà Ngân-hàng Ý tên là Lo-
renza Tonti đề nghị với Thượng-
Thư Mazarin mở một cuộc chơi
hụi theo kiểu xổ-số, do đó người
Pháp có chữ Tontine là chơi hụi
(lấy tên của Lorenza Tonti).

Năm 1661 vua Louis XIV có
tỏ chức một cuộc xổ số để lấy
tiền bỏ vào quỹ Quốc Gia, khi
nghe kết quả thì lô độc-đắc lại
về tay bà Seudéry, tình-nhân
của vua! Lại một lần bà tình-nhân
thứ hai của vua là Bà De Mon-
tespan mở cuộc xổ-số riêng, giá
mỗi vé là một đồng louis, không
đề chính nhà vua lại trúng độc-
đắc. Dư-luận rất xôn - xao cho
rằng triều đình bày ra các cuộc
xổ số ấy để lừa gạt dân-chúng.

Nữ sĩ De Sévigné liền rêu-rao là cuộc xổ số ăn gian.

Vua Louis XIV thấy vậy mới lấy số tiền trúng số của ông mà cho vào hội phúc-thiện để khỏi mang tiếng. Mùa đông năm 1709 trời rét ghê gớm, dân chúng Pháp bị chết rét hàng ngàn người nằm la liệt các đường phố. Nhà vua bèn tổ chức ra cuộc xổ số để lấy tiền chôn người chết và giúp đỡ các người nghèo có đủ phương tiện để mua y phục mà mặc. Hiện nay nhiều nhà thờ lớn của Pháp, Anh, Đức, Ý thành lập từ thế kỷ thứ 17 cũng đều do tiền xổ số mà ra cả. Năm 1798 Chánh - phủ cách mạng Pháp cấm xổ-số, nhưng vì ngân quỹ hết tiền, chính - phủ cách-mạng lại phải mở cuộc xổ-số, mỗi tháng 3 kỳ, nhờ đó mới có tiền để mua khí-giới đánh giặc với các nước quân-chủ Âu Châu. Hoàng Đế Napoléon lên ngôi, ngân quỹ không được dồi dào nên ngài tổ chức các cuộc xổ số để lấy tiền đãi cho dân chúng nhậu nhẹt say sưa. Do đó thi-sĩ Des-préaux làm một bài thơ ca hát lưu truyền khắp nước Pháp:

Vive, vive Napoléon !

Qui nous baille

De la volaille !

Du pain, du vin à foison :

Vive, vive Napoléon !

v...v...

Xin tạm d[-]ch:

Nữ-phá-luân muốn năm, muốn năm !

Ngài cho mình ăn thả dăng,

Vịt, ngỗng, gà đầy bàn !

Rượu, bánh, trái đầy mâm !

Nữ phá-luân muốn năm, muốn năm !

v...v...

Sau Napoléon bị truất ngôi, dòng họ Bourbons lên tái vị, vua Louis XVIII cũng bắt chước mở xổ số rầm-rộ để có tiền thết đãi dân chúng, lại một dịp cho một vài ca sĩ làm bài hát theo kiểu trên đề... ca-tụng xổ số và nhà Vua cho ăn nhậu !

Văn-sĩ trứ danh Alexandre Dumas fils gặp lúc túng tiền quá liền viết một tập sách con-con đề tựa là « *Lịch-sử xổ số từ đầu đến cuối* », giá mỗi quyển là 1 các bạc, ông cho đem bán trong một dịp xổ số đang thịnh hành, thu được khá nhiều tiền. Nhờ đó, nhà lán trả được một ít nợ, còn bao nhiêu thì sắm nữ trang cho người yêu. Nhưng ông xài tiền thế nào không biết, để rồi lại mắc nợ nhiều hơn xưa ! Bạn ông là văn-sĩ Joseph de Maistre tức cười về vụ ấy có viết : *Les biens et les maux sont une loterie !* » (Chuyện may và chuyện rủi đều là cuộc xổ số) !

Hiện nay, bên Paris chúng ta còn trông thấy điện Panthéon nguy nga, đồ sộ, trên một tiền có khắc 6 chữ lớn : « *Aux Grands Hommes, la Patrie reconnaissante* » (Tổ Quốc biết ơn các bậc vĩ nhân) dùng để thờ các bậc anh hùng của Pháp, cũng là do tiền xổ số mà xây dựng vào năm 1784. Mỗi vé số này lúc đầu chỉ bán có hai các, sau vì quá đắt

nên tăng lên 4 xu mỗi vé. Bên nước Việt-Nam ta cũng vì bán quá chạy nên lại có nạn đầu cơ, bởi thế nên mỗi khi muốn mua vé số tôi lại phải đi tìm khắp Saigon may ra mới mua được vài vé. Mỗi đến hôm nay là ngày nghe kết quả đem ra dò thì bị trật mất hai số. Nếu không thì tôi đã trúng độc đắc rồi.

Lúc vừa mua hai tám vé số tôi cũng đã xây đắp bao nhiêu lâu đài trong mộng. Nếu may mắn được « Thần tài » đến viếng, lô độc đắc về tay tôi, thì, ôi thôi ! sung sướng biết chừng nào ! Khi ấy, bỗng nhiên tôi sẽ trở thành một nhà triệu phú mà ai ai cũng đều ước mong. Bao nhiêu người

sẽ kính trọng tôi, quỳ-lạy bên tôi vì tôi biết rằng ở trên xã-hội này rất nhiều người chỉ biết trọng đồng tiền, vì tiền mà con người ta giết hại lẫn nhau, xâu xé lẫn nhau, xem thường nhân nghĩa, danh dự, một khi sức mạnh của Kim-Tiền làm mờ ám lương tâm. Nếu hôm nay tôi được may mắn trúng độc-đắc, may-mắn hay rủi ro, biết đâu một ngày kia kẻ cướp sẽ đến viếng tôi mà không « báo tin » cho tôi biết trước ! Nhưng thôi, ca sĩ Trần-vân Trạch đã rêu rao « Mua Số Quốc Gia giúp đồng bào ta » ! thế nên tôi không thấy buồn nữa. Nhưng tôi cũng viết nên bài này đề an ủi những tám vé số vô duyên !

✱ BỮA ĐÓ CÓ TÔI A !

Quan Tòa hỏi nhân chứng : Có phải tên Giáp này đêm đó đến nhà ông Ất lấy trộm không ?

Nhân chứng : Bầm đúng như vậy, chính nó là 1 thằng ăn trộm.

Quan Tòa : Sao anh biết đúng như vậy ?

Nhân chứng : Dạ bầm... đêm đó có cả tôi cũng đi ăn trộm vé số nó Ạ !

✱ DANH-NGÔN

Ngày nào anh còn phong lưu sung-sướng anh còn đông bạn-bè, nhưng ngày nào cực-khổ, anh sẽ tro-troi quạnh-hiu.

(Donec eris felix multos numerabis amicos, tempora fuerint nubila, solus eris...)

OVIDE (Thi-sĩ La-Tinh) trước Thiên-Chúa.

Bần-cư nào thị vô nhưn vấn

Phủ tại thâm sơn hữu khách lâm.

(Danh-ngôn Tàu)

(Nghèo ở nơi thành thị đông-dúc, chẳng ai hỏi han,

Giàu ở chốn núi sâu, có khách tìm đến)



PHỤ - NỮ

THỂ DỤC

Cô TUYẾT NGÀ

(Tiếp theo P. T. số 3)



trước các bạn đã tập phần đầu của bài tập mềm dẻo thân thể. Sau 15 hôm tập, tôi chắc các bạn cũng đã thông thạo lắm rồi. Giờ đây chúng ta hãy tập sang phần chót. Phần này hơi khó, tôi mong rằng các bạn sẽ cố gắng và can đảm hơn.

Đứng thẳng, hai tay đưa lên khỏi đầu, hai chân dang ra xa. Ngồi xuống, chân trái thẳng, chân phải xếp lại (xem hình I). Nghiêng nửa thân sang bên trái. Đứng lên trở về chỗ cũ; tiếp tục tập nhưng chân phải lại thẳng và chân trái xếp lại, nghiêng người sang bên phải.

Chú ý : Nửa thân trên lúc nào cũng giữ thật thẳng.



(Hình I)



(Hình II)

Nằm sấp, hai tay và hai chân chống cho người không đụng đất. Hai đầu gối thay phiên đưa lên đụng ngực. (Xem hình II)

Chú ý : Trong lúc tập, toàn thân phải thật thẳng, lưng không được cong.



(Hình III)

Đứng, hai đầu gối vum lại, hai tay đưa thẳng lên cao.

Sựm chân xuống vừa hạ hai tay xuống cạnh sườn. (Xem hình III).

Chú ý : Thân lúc nào cũng thẳng; hai đầu gối lúc nào cũng vum lại.



(Hình IV)

Đứng, hai chân thay phiên quây thành một vòng càng lớn và càng cao càng tốt. (Xem hình IV).

Chú ý : Thân và chân lúc nào cũng vẫn thẳng.



(Hình V)

Chân mặt trái sang trái đoạn đưa mạnh sang mặt, càng cao càng tốt. Chân lúc nào cũng vẫn thẳng. (Xem hình V).



(Hình VI)

Quỳ gối một chân, chân kia thẳng sang một bên (xem hình VI). Đưa chân thẳng lên cao và hạ xuống. Đến khi mỏi thì đổi chân. Thân lúc nào cũng vẫn thẳng.



(Hình VII)

Nằm sấp (xem hình VII), hai chân thay phiên đưa ngược lên cao (càng cao càng tốt). Người lúc nào cũng giữ thẳng.



(Hình VIII)

Đứng chân trước chân sau, hai tay đưa lên khỏi đầu.

Xếp chân trước lại vừa đánh mạnh 2 tay ra sau; ưỡng bụng tới trước và chân sau vẫn giữ thẳng. (Xem hình VIII).

Trở về chỗ cũ, xoay người lại và tiếp tục đổi chân tập.



(Hình IX)

Đứng chân trước chân sau, 2 bàn tay để sau ót, (Xem hình IX)

Xếp chân trước lại vừa úp người tới trước đoạn giữa người ra sau.

Trở về chỗ cũ và đổi chân để tiếp tục tập. (còn nữa)

✱ MIAO-MIAO...

Bà De Saint-Palais, chủ-tịch phòng Triển-lãm Mèo vừa mở tại Paris, có tuyên bố: "Một con mèo thông-minh vừa-vừa cũng có thể hiểu được 700 tiếng của người ta nói".

CON MÈO

của HOÀNG THẮNG



ON nghĩ gì mà ngăn người ra thế?; mẹ Tý dịu dàng hỏi con.

— Con nghĩ nhiều thứ lắm mẹ à.

Nhìn đứa con lên bảy, gầy yếu xanh xao, chỉ có đôi mắt là tinh anh, thông minh rồi lại nhìn bữa cơm nghèo nàn tro đĩa cá khô, người mẹ rơm rớm nước mắt, lầm bầm trong miệng: « nó giống bố nó quá! »

Bà rầu rầu nói với con:

— Thôi ăn cơm lệ lên con, đừng nghĩ ngợi nữa.

Dù mẹ bảo nhưng Tý không nghĩ sao được. Hằng ngày đi học qua căn nhà hai tầng đẹp đẽ, sang trọng, Tý vẫn thường được nom thấy một con mèo

tam thể nằm cõm vào tay một bà già đạo mạo ngồi trên sập gụ. Con mèo đẹp làm sao! Đôi mắt của nó xanh biếc như lá chuối non và trong như thủy tinh vậy. Những đốm lông đen, vàng loang lổ trên màu trắng như bông gòn. Tý đứng ngẩn ra nhìn không chớp mắt. Con mèo đã đẹp lại được chiều chuộng. Cứ mỗi lần bà già vuốt nhẹ tay trên lưng, nó lại lim dim đôi mắt rồi kêu meo meo có vẻ thích thú.

— Miu con đói rồi ư?

Thế là người ở lại mang lên cho Miu một con cá nục rím khô, nằm lạnh lẽo trên chiếc đĩa trắng viền chỉ xanh.

Giọng nói của bà già lại âu yếm:

— Miu ăn nữa không con.

Thế là con mèo lại lim dim đôi mắt, chiếc lưỡi màu hồng hồng liếm nhanh quanh mép rồi mê đầu vào lòng bà già, rên gừ gừ như người bị lên cơn hen.

... Tý lầm bầm trong miệng: « Con mèo được ăn sang quá, hơn cả thức ăn nhà mình. »

Một ý tưởng hần học muốn trả thù được nỡ nhanh trong óc Tý — có lẽ vì ghen —. Và nhanh nốt miếng cơm, Tý phác vội chương trình hành động. Nó sẽ tìm một cái túi vải dầy rồi chờ cơ hội con mèo chạy ra đường là nó sẽ chụp luôn mang về nhà.



— À mày không ăn hả ?

Tý giận dữ ấn đầu con mèo vào trong chiếc bát mẻ lóng chổng nước rau và cơm nguội : Con mèo run lên bần bật, lông nó dính nhớp và bần thiu, chiếc đuôi ngo ngoáy trên nền đất ẩm.

Đã ba hôm nay Tý bắt tên tù của mình ăn khổ sở nhưng con vật nhất định tuyệt thực làm reo. Bực mình Tý muốn hét vào tai con mèo để bảo cho nó hiểu rằng không phải ai cũng giàu có như bà già chủ cũ của nó để mua những con cá ngon lành đặt trên chiếc đĩa trắng đẹp để cho nó ăn.

— Thôi được, thật là mày làm khổ tao, đồ con vật nhà giàu.

... Bà chủ căn nhà hai tầng đang ngồi ủ rũ trên sập gu chọt giật mình khi nhìn thấy một đứa bé con nhón nhác bước vào nhà, nơi tay xách một chiếc túi vải dầy nặng trĩu.

Đứa nhỏ rụt rè nói :

— Tôi mang đến trả bà con mèo.

« Con mèo », bà già thốt kêu lên một tiếng reo mừng. Bà rối rít bảo cậu bé :

— Vào đây con, quý hóa quá. Thật ta có ý dâng báo tìm kiếm cũng hay. Con đáng được ta thưởng tiền.

Mãi thờ tay vào trong túi vải để lôi con mèo ra, bà đã không nhìn thấy khuôn mặt đỏ ửng của Tý và bà cũng không biết Tý đang nghĩ « Được thưởng ? Mình bắt mèo của bà ấy mà cũng được thưởng ư ? »

Chợt bà già kêu lên :

— Trời ! Miu sao con gầy và bần thiu thế ? Quay vào trong kêu người nhà lấy bánh cho Tý ăn, bà móc túi lấy tiền đưa cho nó :

— Đây con cầm lấy tiền mà tiêu. Nhớ mang về gửi mẹ con giữ cho không lại rơi mất. Con đáng mền lắm.

Nhìn nắm giấy bạc Tý run lên. 500 đồng. Nhiều quá ! Nó nghĩ đến bộ mặt tươi tỉnh của mẹ nó khi nó đưa tiền về. Mẹ nó sẽ mua vài may quần áo cho nó và mua cả đôi giày nữa. Phải rồi, đôi giày mới mà nó đã hằng mong ước từ lâu.

Chợt con mèo nhảy lên lòng nó ngồi, dơ chân quào quào chiếc bánh nó đang cầm ở tay như muốn chiếm đoạt. Chợt nhớ ra bà già vội hỏi :

— À, con bắt được Miu của ta ở đâu thế ?

Tý cúi nhìn con Mèo, con vật cũng ngược đôi hòn bi ve xanh trong suốt lên nhìn nó, rồi rụi đầu vào tay nó. Con mèo không hề thù hằn kẻ đã giam mình,

cũng như cho mình ăn uống khổ sở. Tý lại ngước nhìn bà già rồi cúi nhìn nắm giấy bạc vẫn còn ở trong tay bà.

Niềm hối hận tràn dâng, thế là nó òa lên khóc và kể hết.

Khi Tý mạnh dạn ngưỡng đầu lên, nó nhìn thấy bà già cũng âu yếm nhìn nó. Bà không giận nó chút nào hết.

— Con có biết tại sao ta quý con mèo không? Chỉ vì ta không có con cái, ta đã già rồi...

Bà ngưng lời, nhủu mày nghĩ ngợi rồi đột nhiên kéo Tý vào lòng, xoa đầu nó rồi tiếp:

— Con cứ giữ lấy tiền... rồi ngày ngày con cứ đến đây chơi. Con muốn gì ta sẽ mua cho.

Con mèo như hiểu biết cũng liếm vôi tay nó như bằng lòng tiếp nhận một người bạn mới. Tý run lên vì sung sướng chạy vôi về nhà đề khoe với mẹ quên cả chào bà già quá tốt với nó. Con mèo tam thể cũng vút nhảy xuống đất, lanh lẹ chạy theo nó.

Nhìn bóng Tý thoát ra ngoài cửa, bà già lẩm bầm, đôi mắt bừng sáng:

— Ta phải hỏi mẹ nó để xin nó làm con nuôi mới được.

THẦY GIÁO MẦY ĐIÊN RỒI !

Vào giờ viết-văn thầy giáo hỏi các học trò :

— Cái kết quả tốt đẹp nhất mà người ta thu được là cái gì ?
Thằng Tèo giơ tay xin trả lời. Thầy giáo liền khen :

— Giỏi đấy ! chỉ có một mình trò biết, vậy trò hãy trả lời đi.

Tèo nói :

— Dạ thưa thầy, là quả tim phụ-nữ.

Tức giận thầy giáo quát :

— Mày thật là một đứa mất dạy ! Mày hãy chép câu trả lời của mày 100 lần và đưa cho ba mày ký tên rồi đem đến cho thầy.

Ngày sau, thằng Tèo đến trường với một nét mặt buồn. Thầy giáo hỏi:

— Sao trò ? Ba trò có ký tên chưa ?

Trò chầm rãi trả lời :

— Dạ thưa thầy có.

Thầy giáo hỏi tiếp :

— Ba trò có nói gì không ?

Trò trả lời :

— Dạ thưa thầy ba em nói : « Thầy giáo mầy điên rồi ! »

HẢI-PHƯƠNG



BÁNH BÔNG ĐÀ

Vật liệu :

- 1 trái dừa khô,
- 4 cái bột gà, bỏ lòng đỏ, lấy lòng trắng;
- 4 grs đường cát trắng thứ thiệt khô,
- 2 grs bột mì,
- (nửa cắt bạc xúc) đường thơm.

Cách làm :

Dừa nạo cho nhẹ tay, đừng để mạnh, sợ to bánh không ngon, bỏ lớp mặt lấy lớp trong, đừng nạo sát rồi vỏ đen màu bánh sẽ xấu đi.

Vắt nhẹ tay ; cho bột nước cốt ra rồi để lên thớt bằm cho nhỏ, xong rồi lấy mâm, hoặc khay, tải ra phơi nắng cho thiệt khô.

Lấy 4 lòng trắng trứng gà

MÓN ĂN

PHỞ-THÔNG

Bà THƯỜNG LẠC

đánh cho nổi bông ; để đường vô đánh nữa, chừng nổi cứng, nhiều lên dĩa mà không chạy chừng là được, rồi để đường thơm vô.

Dừa phơi khô nói trên, trộn với 2 grs bột mì cho đều ; (để khô vậy trộn vô).

Thùng nướng để than cho đều, chừng đều lửa ; lấy vĩ thoa mỡ sướt sướt ; (bột mì xác dừa) trộn vô bột gà đường đánh nổi, nhẹ nhẹ tay, coi đều, lấy muỗng múc để vô vĩ, độ trang tay cái, phải cách nhau xa xa, vì chừng bánh nở lớn ra sẽ dính lại.

Lửa vừa thôi, nếu già lửa, bánh sẽ nứt mặt, chín áp, dai chớ không giòn ; màu bánh không vàng tự nhiên nó sậm coi không đẹp.

Bánh, chín lấy ra, để một chút sẽ cay, còn nóng quá cay nó sụp hết.

Đề vô hộp thiết, hay là đề trong keo, cho kín gió, chớ đề hộp giấy, bánh sẽ mềm đi.

* YÊU và MÊ

Thi-Sĩ Pháp Marcel Aymé nói : « Mê người đàn bà thì dễ, yêu họ thì khó ». (On peut toujours adorer une femme. Il est moins facile de l'aimer).



ĐỌC CHỖ CỦA BORIS PASTERNAK

*
PHẠM CÔNG THIÊN

* **C** TRONG PHỒ-THÔNG số 2, bạn TÔ THUYỀN có giới - thiệu khá đầy-dủ về PASTERNAK, trộm nghĩ tôi khỏi phải giới-thiệu lại nhà văn Nga - Số ấy nữa. Ai mà không biết, sỡ dĩ PASTERNAK được Hàn-lâm-viện Thụy-diễn trao tặng giải quốc-tế Nobel phần lớn cũng nhờ tác-phẩm văn xuôi Bác-sĩ Zhivago; song, bộ môn đã làm ngôi sao PASTERNAK chiếu chói lọi khắp vòm trời văn nghệ Liên-Sô lại chính là thi-ca. Lần đầu tiên chấp-chững viết văn, PASTERNAK nổi danh lừng-lẫy là nhờ một tập thơ, tức thi-phẩm « Chết tôi cuộc đời ». Ngày nay, hầu hết nhân-dân Nga-sô đều thuộc lòng thơ ông. Ai có nghiên-cứu kỹ về nền văn-học Nga từ nguyên-thủy đến hiện kim đều đồng-ý, công-nhận rằng những thi-hào vĩ-dại nhất của Nga

là **POUCHKINE, LERMONTOV, BLOK, MAÏAKOVSKY, ESSENINE** và **PASTERNAK**. Có thể nói đứng sau **POUCHKINE, BLOK, MAÏAKOVSKY** là **PASTERNAK**. Chẳng những là một văn-văn-gia đại-tài, **PASTERNAK** thường được nhận là thi-hào vĩ-dại nhất của Liên-Sô hiện đang còn sống (*PASTERNAK est considéré par beaucoup, à l'étranger, comme le plus grand poète Soviétique vivant.* — Benjamin GORI ELY, *Littérature russe Soviétique*, NRF, 1956, trang 1546).

Một điều lạ giữa cao-trào văn-học vô sản, **PASTERNAK** là một nhà thơ trữ-tình chủ-trương lãng-mạng và tôn-sùng cá-nhân chủ-nghĩa như **SVÉTLOV, KAZINE, MANDELSTAMM** hay Anna **AKHMATOVA**. Thơ-văn ông có một tính-chất độc-đáo trong nền văn-học vô sản Nga-Sô, ông chủ-trương thi ca thuần-tuỳ (*« L'unique tâche de l'art est d'être accomplie brillamment »* **PASTERNAK**, Cité par **EHRMARD**); **PASTERNAK** là một con người cô - độc trong làng văn - Nga-Sô, vì lẽ đó mà chính quyền Cộng-Sản Nga-Sô chống lại ông.

Thơ ông thường khó hiểu, tối tăm vì những lối ẩn-dụ, mặc dù dụng-ngữ và cú-pháp ông rất giản-dị.

Dưới đây tôi xin trích-dịch vài vần thơ chọn lọc của **PASTERNAK** để độc-giả có một khái niệm về thơ của một người chiếm giải Nobel văn chương 1958, một người Nga can-sấm nhất hiện nay đã dám đứng lên vì SỰ-THẬT, giữa quân tàn-bạo độc-tài, như một **CHARLES DE GAULLE** của thời 1940 hay một **MINDSZENTY** của Hạng-gia-lợi oai hùng.

Tất cả các học-gia uyên-bác về văn-học và ngôn-ngữ Nga đều đồng-ý rằng hầu-hết những thi-phẩm của **PASTERNAK** đều khó hiểu và không thể nào dịch ra một ngôn-ngữ khác được (*« intraduisible »*). Với cái vốn liếng Nga-ngữ nhỏ-nhỏ của 4-5 năm trời mò-mẫm tự học trong sách vở, tôi cũng tự-lượng được sức mình, song tôi cũng hết sức cố-gắng tạm dịch ra Việt văn để độc-giả **PHỔ-THÔNG** tạm có một ý-niệm về thơ **PASTERNAK** kịp ngay lúc này, lúc mà cả thế-giới đang xao-động về *« PASTERNAK »* (*Pasternak Case*).

Сон

Мне снилась осень в полусвете стёкла;
Друзья и ты в их шутовской гурь;
И, как с небес добивший крови сокол,
Спускалось сердце на руку к тебе.

Но время шло и старилось, и плзло,
И паволокой рамы серебра,
Заря из сада отдавала стёкла.
Кровавыми слезами Сентября.

Но время шло и старилось. И рылти,
Как лёд, трещал и таял кресел шёлк;
Вдруг, убогая, закуталась ты и стисла,
И сон, как отзвук колокола, смолк.

Я пробудился. Бел, как осень, тёмно
Рассвет, и ветер, удаляясь, кёс,
Как за возом бегущий дождь соловьи,
Трижды бегущих по небу берёз.

MỘNG

Tôi mộng mùa thu tranh tối tranh sáng của cửa kính,
Nhưng bạn của tôi và em trong bọn chúng kỳ cục,
Và, giống như chim ưng của bầu trời tìm kiếm máu,
Quả tim tôi chỉ nhảy thọt một cái thì đã vồ tới em,

Song thời gian đã già đi, song thời gian có vẻ diếc
Và những con mắt lang-thang của nó làm mạ bạc cửa sổ kính
Bình minh ở khu vườn đang lên và làm cháy ở cửa sổ tôi
Nước mắt và máu của những buổi sáng tháng chín

Song thời gian đã già đi. Và dịu-dàng, tơ lụa
Kêu rảng rắc dưới đáy ghế bành như nước đá tan chảy ;
Song thành linh tiếng ồn-ào của mi đình chỉ, mi sầy chân,
Và mộng của tôi nín lặng, như tiếng đồng vọng của chuông.

Tôi thức giấc rồi. Ủ-ê như mùa thu.
Ngày mọc lên và gió chạy trốn mang theo
Một trận mưa rơm rạ như thể theo sau một cái xe,
Một bọn cây phong nhầy vọt lên trời.



ẢNH ĐÈN

do

U6 DỊCH RA VIỆT-VĂN
B VI-HUYỀN-ĐẮC

TIỂU THUYẾT TRUNG-HOÀ
c ủa T Ừ - V U

Đ. (Tiếp theo P. T. số 4)

IV

Dầy vào phòng giam, và sau khi cánh cửa sắt đóng sập lại, ở sau lưng tôi, tôi vấp, ngã lăn quay ra mặt đất. Lúc ấy, tôi mới rõ, trong này có nhiều người cùng bị một số-phận như tôi, và tôi đã vấp chân vào họ, vì họ nằm ngời, ngồn ngang cả ở mặt đất.

Trong phòng, tôi như bưng lấy mắt, nên tôi chẳng rõ, ở chung quanh tôi, có những gì? Tôi chỉ nghe thấy những lời thống mạ của họ, và chỉ biết nín khe. Tôi bèn cố sờ lân và đem hết nhãn-lực ra, để tìm lấy một chỗ ngồi. Thì ra, trên mặt đất, có trải rơm. Dần dần, tôi trông thấy rõ hơn, nên tôi để mắt điềm khắp nơi xem họ may có gặp được một nào quen chàng.

Bỗng, tôi bất chợt thấy một cặp mắt trắng dã nhìn tôi trừng trừng, chẳng hề lay động, y như cặp mắt lộn tròng của một cái xác chết vậy. Người có cặp mắt đó ngồi tựa vào bờ tường, hai chân duỗi thẳng, một dãi, hốc hác, đầu

bù-sù, tóc màu ro xám, với hai vành tai chuột đẹp, nhọn.

Đôi mắt người đó vẫn cứ nhìn tôi; còn tôi, tôi như bị thôi-miên vậy. Cố hết sức, tôi cũng không thể nhận-thức người đó còn sống hay đã chết rồi.

Tôi cũng không hiểu tại sao, tôi bị cặp mắt ấy lôi cuốn và bắt tôi bỏ mau theo chân tường để đến bên người ấy. Tôi giơ tay đề vào ngực hân thì thấy hân còn thoai thóp thở, nhưng toàn thân lạnh giá như băng. Lòng trắc-ân thúc đẩy tôi, không cho tôi nỡ bỏ qua, và đề mặc hân với số-phận của hân. Hân còn sống mà! Tôi bèn sốc hân dậy và đặt hân nằm bằng-phẳng trên làn rơm, rồi tôi cời chiếc áo phủ ngoài của tôi ra, và đắp lên người hân. Hốt nhiên, hân rên-rỉ nói: « Có phải... anh mới vào đây... đấy, phải không?... » Hân chỉ thốt ra có câu hỏi đó thôi, đoạn, hân nhắm mắt lại, ngủ thiếp đi một cách an-tường.

Tôi cũng chẳng hé răng đáp lời hân và tôi lại ngồi tựa vào bức tường, chính ngay cái chỗ của hân, hồi nãy.

Thế rồi, dần dần, mũi tôi quen

vớ mùi hôi-thúi, nhưng, khí lạnh ở dưới đất bốc lên, luồn vào xương sống tôi và cứ thế, lan dần ra khắp người tôi. Tôi có cảm-giác là tôi sắp sửa bị chết cồng đến nơi chứ chẳng không !

,Trời ơi ! cái áo ngự-hàn kia của tôi, tôi bỗng thấy, tôi cần nó quá ; nếu tôi không mau mau lột nó ở thân người đó lại, mà đem nó đắp cho chính tôi, thì thề nào tôi cũng phải chết, vì giá-lạnh !

Nhưng, tôi vẫn không hề nhúc-nhích. Mãi sau, tôi ghé xuống lỗ mũi hần, để xem, xem hần có còn thở đều, hay không ? Lúc ấy, tôi cơ hồ như mong đợi cho hần tắt thở, hần chết quách đi, để tôi có thể lấy lại chiếc áo ấm của tôi. Nhất-định, nếu hần chết, tôi có đặc-quyền lột lấy chiếc áo phủ của tôi, chứ !

Đây, quả là một phiên thử thách, một cái kinh nghiệm, đối với lương-tâm và lòng trắc-ân của tôi. Cái áo ngự-hàn ấy thuộc quyền sở hữu của tôi, kia mà, tại sao, tôi lại đem nó đắp lên mình kẻ kia ? Đã thế, hiện thời, tôi bị rét cồng đến cực-điểm, mà tôi vẫn không chịu lấy lại chiếc áo của tôi. Tôi không dám tin rằng, tôi có một linh-hồn cao-quý và lương-thiện, vì, vừa đây, tôi chẳng mong đợi cho kẻ kia chết tốt đi, là gì ?

Có một điều cực-kỳ éo-le, là hần chẳng hề chết nghèo đi cho, hần được cái áo ngự-hàn ấm-áp của tôi, hần đương đánh một giấc ngủ vô cùng yên-ôn ngon-lành !

Cái tâm-trạng của tôi trong lúc này, thật là khó liệu-giải. Tôi thấy hần ngủ ngon, tôi không đành tâm lột cái áo ấm kia mà làm cho hần kinh-tĩnh ; tôi lại không muốn chịu chết cồng, để cho hần chiếm chiếc áo của tôi, và tôi lại mong cho hần chết.

Một đàng khác, tại sao tôi không tố-cáo La-hình-Lụy với quan quân Nhật, để họ rõ ngay chỗ trọ của hần, vì, tôi còn lạ gì nữa, La-hình-Lụy đương ăn-nấu ở nhà Đinh-mỵ-Quyền. Ừ, đã vậy sao tôi lại không nói ra ngay, có phải, tôi tức khặc được thả ra, không còn hồ-nghĩ gì cả. Nghĩ cũng thật là kỳ-quái ! Cứ cung - chiêu phất đi, có phải, khỏi bị giam - cầm, tù hãm không ? Sao tôi lại chịu như vậy kia ? Mà, tôi tự vấn-tâm, có lẽ cũng chẳng phải hành-động của tôi do cái bản-ngã cao-quý của tôi, hoặc do lòng yêu-nước chân-thành của tôi. Nếu quả như vậy, thì sao tôi lại cứ cho cái việc tôi bị bắt bớ này là một nỗi oan-khuất, vì lẽ ra, tôi phải lấy thế làm một cái vinh-dự, mới phải chứ. Nếu quả như vậy, thì sao tôi lại cứ mong cho La-hình-Lụy bị bắt luôn đi, trong khi tôi ngồi ở chốn ngục tối này. Biết đâu, hần bị thộp ngực, thì sáng sớm mai, người ta sẽ thả tôi ra. Thiệt tình, tôi chỉ mong hần bị quân Nhật cầm-tróc nhưng, tự tôi cáo-giác hần, thì không đời nào, tôi làm như vậy, cũng y như tôi ước-ao cái gã nằm ở dưới chân tôi kia, chết nghèo đi, và hần chết, không phải

tại tôi lột cái áo ấm, hắt đương
đáp.

Nếu La-hình-Lụy bị bắt, và nhân
thế, quân Nhật tha tôi, có phải
ngghiêm-nhiên tôi trở thành một
người anh-hùng-trung-dũng không ?
Hoặc giả, cái gã nằm co kia, tự
hắt, thờ ra hơi thở cuối cùng, có
phải tôi sẽ đàng-hoàng trở thành
một thiện nhân mà không phải
chịu rét khổ nữa. Đó, cái tâm-lý
vụ-kỳ đáng si của những kẻ có
một tâm hồn yếu-đuối trước sự
khô ải, là thế đó

Tôi có ngờ đâu, cái nguyên-
nhân của ngần ấy sự tủi-hỗ, sự
trái-ngược, là do sự ảm-đạm mà
ra cả. Nguyên-do, cái luồng ánh-
sáng mờ-ào của chiếc đèn gần
trên trần, đã ra sức phấn-đấu, để
có lọt qua cái làn lưới sắt bọc ở
ngoài cái phẫn, nhưng, tro bụi đã
bám dày đặc, cho đến nỗi, mấy
tia sáng đó ngấp ngoài, như hơi
thở của một kẻ bị người ta chặn
lấy cổ họng. Tôi chăm - chú đề
mắt nhìn mãi cái ánh đèn yếu-ớt
đó, rồi bỗng tôi liên - tưởng tới
cái tối hôm mà Mỵ-Quên cùng
tôi, chúng tôi sánh vai nhau, ngồi
trên thềm cỏ non, dưới ánh trăng
lu-mờ. Trời giá lạnh thấu xương,
mà đêm đã khuya lắm. Tôi mới
cởi áo phủ ngoài, hai tay âu-yếm
khoác lên vai người yêu, trong
khi tôi bị rét run lên ; nhưng tôi
cố giữ một thái-độ thản-nhiên,
mạnh bạo, khô g cỏi sự ngliêm-
hàn vào đầu cả, và tôi, lòng tự
nhủ lòng, mình phải là người
đứng ra, chịu đựng tất cả những

tai-tương, khổ nạn, để che chở cho
nàng, thì mình mới đáng một là
mình !

Nhưng, hốt-nhiên tôi lại nghĩ :
ừ, mình tự đem thân ra làm cái
bình-phong để cứu giúp họ, liệu
ai là người biết công cho mình ?
Không, chẳng việc gì mà mình
phải thí-thân mình, để làm một
việc mà họ có đòi xin ở mình
đâu ! Không, tôi nhất định đem
cái địa-chỉ của La hình Lụy, tố.
cáo với quân nhân Nhật-bản. Tôi
phải thu-hồi lại sự tự-do của tôi
chứ.

Với cái đà suy tưởng đó, tôi có
thề, tức-khắc lột lại, cái áo ấm
của tôi.

Nhân đấy, tôi đề mắt nhìn, gã
ta đang nằm sóng-sượt ở kia, ôi
bỗng phát giác ra bức cửa sổ ở
trên tường, có sáu thanh sắt làm
chấn-song ; mấy cái chấn-song
này lộ ra được, là vì, ngoài kia,
trời đã bắt đầu là mờ sáng. Thì
ra, tôi đã nhường cái áo của tôi
cho gã, suốt cả một đêm trường
lạnh giá. Bây giờ, trời đã sáng rõ,
tôi phải thu-hồi tấm áo của tôi.
Nhưng không, tôi phải nóng chờ
để cho sáng thiệt tỏ cho tất cả
mọi người ở đây, nhận thấy rõ
ràng, tôi đã ẻ cái áo của tôi, để
cứu sống gã chết công, còn sống
năm kia.

Cái đám người nằm ngòn-ngang
kia cộng có bảy kẻ, có vẻ học-
sinh, vào lối mười sáu, mười bảy
gì đó, họ nằm co-quắp và ôm
chặt lấy nhau, mà ngủ, ở về phía

như một kẻ khác, bạn áo dài thâm, hai tay ôm đầu, nằm dúc vào chân hai cậu học-sinh kia nên tôi không trông được rõ khuôn mặt của hắn; bên đó, một gã thanh-niên có vẻ thô-khếch đương ngáy o, o; ngoài ra, có hai người bạn đồ âu-tây, một nằm nghiêng, đầu đội mũ dạ nhưng, kéo úp lấy mặt; một nằm ngửa, hai chân ghé lên bờ tường, một chồm khần tay; chân hắn co lại và dựng nhằm chân vách, nên hắn không sao duỗi ra được, mà cứ nằm yên, chịu phép, vì hắn đã tỉnh giấc rồi. Tôi muốn nói vài lời với người này, nhưng, lúc ấy, trong phòng-giam, quá đổi yên-lặng, nếu tôi nói lên, nhất định cả bọn sẽ bất-bình, nên tôi chẳng dám hé răng.

Trên cửa sổ, trời đã sáng tỏ.

Bỗng, tấm cửa sắt được mở toang ra, tiếng lô-xô ở ngoài vọng vào. Hình như có ba bốn người ở ngoài ấy, nhưng, chỉ có hai tên bước vào. Họ toàn là người Tàu cả, và mình bạn áo cộc, đầu mang mũ dạ. Một trong hai người đó, liếc nhìn tôi, nhưng chỉ lướt mắt qua thôi, và lại quay đi ngay. Họ lấy chân đá vào hai người bạn âu trang mà quát:

— « Đi dậy! Đi dậy, mau lên! »

Hai người bạn âu-trang lồm cồm bò dậy. Thế rồi mỗi người bị một tên ngục-tốt, nắm cổ áo, lôi ra khỏi phòng giam.

Cánh cửa sắt lại bị đóng sập lại.

Trong khi ấy, tất cả người trong phòng đều đã ngồi cả lên. Chẳng ai thốt ra một lời nào. Hình như, tất cả, họ đương chờ đợi một cái gì sắp xảy ra. Tôi lắng nghe thấy rõ, tiếng giầy nện xuống một đất, mỗi lúc, một xa dần. Tôi đương mặt, nhìn vào mặt mỗi người, và tôi cứ yên trí rằng, họ sẽ nhận ra tôi, cái người mới vào đây, tôi hôm qua; nhưng quá lạ, họ chẳng mảy may tỏ vẻ kinh-dị hay hiểu-kỳ, mà trái lại, họ làm như họ không hề trông thấy tôi, cái kẻ mới một nhất đám.

Chỉ một thoáng sau, tôi vừa định mở miệng ra nói, thì, bỗng, ở bên ngoài vọng vào: « Đoàng ! đoàng ! »

Đó là tiếng súng nổ. Tôi cứ yên-trí rằng: nhất định, hai gã bạn âu-phục kia đã vừa bị xử-quyết rồi !

Cả ngàn ấy con người coi có vẻ như tình tự của họ vừa được cởi mở. Còn hai gã học-sinh thì kinh-hoàng, nhìn nhau không chớp mắt.

Cái gã thanh niên thô-tráng kia, tròng mắt một cái rồi nhò ra một bãi nước bọt, đoạn vật mình, nằm quay ra đất.

Người bạn áo chùng thâm, thờ dài một cái, như kẻ muốn thở hắt rẹ. Đầu tóc của hắn đã khá dài, thân hình hắn gầy nhom. Hắn lồm-cồm bò dậy, rồi ngồi tựa vào bờ tường.

Còn cái gã bận áo ngự hàn của tôi, gã ta chẳng tỏ vẻ gì hết, gã gơ tay kéo chiếc áo, chồm lên, che lấy đầu, rồi cũng nằm quay ra, ngủ.

Tôi vừa định bảo cho gã mấy lời về cái cử chỉ vô-lễ của gã, thì, ở bên ngoài lại dội vào một loạt tiếng súng :

« Đoàng ! Đoàng ! Đoàng ! »

Tôi tỏ vẻ hoảng sợ.

Cái người bận áo chùng thâm, đương ngồi dựa chân vào tường, bỗng, bảo tôi :

— « Anh là người mới vào đây, phải không ? »

Tôi gật đầu.

Người đó nói tiếp :

— « Ó, ồ, nghe quen rồi, thì cũng chẳng có gì là lạ cả đâu ! »

Tôi lặng thinh. Ở ngoài lại có tiếng nổ « đoàng ! đoàng ! đoàng » vọng vào. Nhất định lại là tiếng súng chứ chẳng sai.

Thế rồi, tiếng nổ dồn, liên tiếp, dồn-dập, không ngớt nữa. Tôi đâm hoảng sợ.

Người bận áo dài thâm cất tiếng bảo tôi : — Ô ! cái anh này thế mà nhất gan hơn cả đôi trung-học-sinh kia !... anh không nhớ

rằng, hôm nay là mừng một đầu năm mới, hay sao ? Có dễ, anh chưa bao giờ nghe thấy tiếng pháo nổ, hay sao ? »

Tôi trợn mắt, nhìn người đó với một vẻ thần-nhiên, rồi tôi tựa lưng vào tường, ngồi ngựa người ra. Lúc ấy, tôi có thể lấy chân đẩy mạnh cái gã bận áo của tôi, lùi ra đề lấy chỗ, nhưng gã ta chẳng nhúc-nhích, cựa quậy.

Bỗng, cửa sắt lại được mở bung ra.

Ở ngoài, họ đun vào, một thùng nước và một thùng cơm.

Cái anh thanh-niên thô-trắng, hình như đã dự-cảm từ trước, nên anh ta ngồi vọt dậy, rồi cùng với những người kia, chạy ủa ra. Họ kéo nhau, vây quanh lấy hai chiếc thùng.

Tôi ngoái nhìn thấy những tào rùa muối mặn, đặt lên trên đồng cơm, không khác gì những thỏi than đen sì-sì. Tôi ngồi yên, chẳng buồn động cựa.

Cái gã nằm bên tôi, bỗng như có lò-so giựt mạnh hán đứng phắt lên, đi lấy cơm ăn. Tôi liền gơ tay, vội-vàng thu hồi lấy tấm áo của tôi.

(Còn nữa)

* NÀNG VÀ CHÀNG

Một anh nọ thuật với mấy người bạn :

— Tôi hẳn đó, tao đi chơi về khuya, sợ vợ rầy, tay xách giỏ, tay mở cửa, tao đi nhón gót nhẹ nhẹ vào phòng. Nhưng rú quá con vợ thức giấc nhưng còn say ngủ nó hỏi :

— Ai đó, phải mấy không Nhện (tên con chó).

Anh nọ thuật tiếp :

— Quên quá, nên tao bỏ xuống liếm tay vợ tao như con chó vậy. Nhờ vậy mà vợ tao ngủ yên, không biết gì hết.

H. P.

SÂN KHẤU CẢI-LƯƠNG

ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Tiếp theo P. T. số 4)

IV. — Ông Tô Cải-lương

là ai ?



ANH rằng cậu Hai
Hiền vốn người
giỏi võ, mới lập
ra gánh hát xiệc
« Thái Anh Tinh »
và trên sân khấu

bắt xiệc lại có phụ hoạ. Ca ra bộ
hay Ca tài tử để làm đà cho
phong trào cải lương miền Nam
phát triển, nhưng Cậu Hai
Hiền cũng chưa phải là Ông Tô
Cải Lương.

Cậu Hai Hiền chỉ có thể được
là Ông Tô Sân Khấu vì ông

có sáng kiến
bày ra màn tài
tử, chưng vai
ba chầu kiêu
lâm cảnh, để
vai ba cái ghế

cho nhạc cọng ngồi, còn tài tử
thì đứng ca để dễ bề ra bộ cho
hợp với lời.

Ông Tô Cải Lương thật sự
chính là :

Ông Phó Mười Hai là người

(hề nào ? Ở đâu ? Nếu cô người
bảo phong trào cải lương phát
nguồn ở Bạc-liêu thì thật không
đúng. Bạc-liêu chỉ là nơi nhạc
sĩ SÁU LẦU sản xuất ban nhạc
VỌNG CỔ còn ông tổ cải lương
— ÔNG PHÓ MƯỜI HAI — là
người sanh trưởng ở Vĩnh-long,
cùng một quê hương với BÀ BẦY
NGỌC tức BẦY VĨNH LONG,
kịch sĩ DUY LÂN, hai cô Ngọc
Xứng, Thanh Tùng v... v...

Là một nhà danh gia vọng tộc
ở bến Long Hồ (tức Vĩnh long)
rất ham mê đàn ca, chiều chiều
ông Phó Mười Hai cho mời
những nhà tài mết trong tỉnh

như Ông Kinh
Lịch Trần văn
Hườn, đệ nhất
danh cầm cổ
diễn Việt Nam
(đến bây giờ

anh TỰ CHƠI tức Huỳnh thủ
Trung còn kính phục, thường
nhắc nhở), ông Trần-Chí-Giang
tức trưởng tòa Giang, ông Giáo.
Sư Nguyễn-văn-Hạnh v... v...
thường hẹn đến nhà, vừa
uống rượu đánh cờ, vừa ngâm
thơ vịnh nguyệt, nhưng chánh

Bài của
NGUYỄN-ANG-CA

yếu vốn là đờn ca. Vì uống rượu say hay nói bậy, đánh cờ hoài chán chết, hứng thơ cũng lảm lức cạn nguồn, chớ còn đờn ca thì càng lúc càng ham, chớ hoài không biết chán, đã không chán mà còn mê nữa là khác.

Một người ca hoài không vui, ông PHỐ MUỖI HAI có sáng kiến

nào, nên ta chẳng lấy làm lạ là khi thấy ông PHỐ MUỖI HAI đem bài «Nguyệt Nga Bồi Kiệm» (theo bản TỬ ĐẠO) ra đề thử thách lối hát mới mẻ nhất : CA RA BỘ.

Đây ta thử xem :

Bùi Ông ngồi treo ngoài vườ
râu, Bùi-Kiểm từ ngoài khóm
nằm dưng vao, cuối đầu xá cha



V. CÔ KIM-LAN và KIM-CÚC là hai cô đào đẹp nhất của sân khấu Cải-lương

MIỆNG CA mà TAY PHẢI RA BỘ rồi sau rồi phải CÓ MÀU MÈ DIỄN TẢ thế nào cho hợp với đờn và lời ca. Ông Phố Mười Hai mới phân vai, kẻ ca đoạn BÙI ÔNG, người ca đoạn BÙI KIỂM.

Thời ấy là thời kỳ bản «TỬ ĐẠO» rất được dân chúng hoan nghinh như 6 câu vọng cổ độ

già rồi cất tiếng :

— Dạ thưa cha con thì rớt trở về...

(Bùi Ông xoay qua vừa ra bộ vừa ca :)

— Bùi Ông mắng nhứt nhứt trẻ (Bùi Ông dẫn giọng mắng con)

— Trách sao mầy, mầy ham hễ vui chơi

(Bà Kiệm mới cuối xuống lạy cha, làm bộ mếu máo, nhỏ nhỏ):
— Dạ thưa cha, tài bất thắng thời...

Dầu cái con nào cho bằng công danh

Cái tuổi con còn xuân xanh,

Cái ơn cha mẹ con chưa đáp đền...

★

Bỏ, từ lời ca suông, ông PHÓ MUỖI HAI hiệp cùng các thân-hữu ở Vĩnh Long đã khai sanh ra lối vừa ca vừa ra bộ.

Lối CA RA BỘ đi lần đến lối hát cải lương nhưng ngày nay, nực cười thay, trong giới nghệ sĩ cải lương, trừ một vài nghệ sĩ tri thức hoặc quê quán ở Vĩnh Long, còn ra thì ít ai hiểu rõ ông tổ nghề hát của mình là ai, mặc dầu hằng năm ca kịch giới xứ này có tục lệ cúng THÁNH-TỔ thật lớn lao long trọng.

Soạn-giả kiêm kịch sĩ khét tiếng Huỳnh-thủ-Trung tức Tư Chơi đã nói với tôi một lời « đau túi » như vậy :

— Có nhiều anh em cải-lương lại thờ ông Tồ Hát Bộ và cũng có nhiều anh chị em lại tưởng ông Tồ của mình ở bên... TÁU!

Chúng tôi ao ước Hội Nghệ sĩ ái hữu tương tế nên tổ chức nhiều cuộc nói chuyện, diễn giả sẽ là CÔ BẢY PHÙNG-HÁ hay quý anh Năm Châu, Năm Nở, Duy Lân....., thì chắc chắn rằng ĐỜI SỐNG TINH THẦN của giới nghệ sĩ sẽ cải thiện. Nhất là nhờ những cuộc gặp gỡ sinh hoạt ấy, thân tình nghệ sĩ càng thắt chặt mà anh chị em còn có dịp trao đổi ý kiến, tư tưởng, đề học hỏi lẫn nhau những điều hay lẽ phải.

★

Ở đoạn trên, chúng tôi đã đưa các bạn sống lùi lại dĩ vãng tìm biết:

a) Vì đâu có 'ối bát cải lương ?

b) Tác giả những bài cổ nhạc OÂN, BẮC, XUÂN, AI là người nào ?

c) Ai đưa lối CA RA BỘ lên sân khấu ?

d) Ai có sáng kiến bày ra lối CA RA BỘ ?

Và bây giờ, chắc quý bạn đều đã biết : ông PHÓ MUỖI HAI ở Vĩnh Long chính là ÔNG TỔ CẢI LƯƠNG rồi !

(Còn tiếp)

★ CHỖN GIẤY ĐIỆN THOẠI

2 người diễn đóng xem cách đặt máy điện thoại ở dưới đất.

Người thứ 1 nói :

— Chỗn mấy sợi giấy đó coi bộ khó nhọc quá !

Người thứ 2 nói :

— Rồi không biết khi chỗn những cột dề đặt giấy sẽ khó đến bực nào he !

TÔI LÀM PHIM

THÁI THỨC ĐIỂN

(Xem P. T. từ số 1)

- ★ BỀ THẨM.
- ★ BÍ-QUYẾT BẮC THỢ QUAY.

BỀ thẩm không đồng đều, sau bình-diện lý - tưởng, nghĩa là trong khoảng không - gian từ đường quang - tâm

đi đến vô-cực các vật-khien đều rõ hơn các vật-khien nằm trong khoảng không gian từ đường quang-tâm đến ống-kính. Cho nên khi « mi » phải « mi » trước chủ-đề độ 2 phần tây. Cách « mi » sẽ đề-cập trong một số-sau.

Ví dụ cho dễ hiểu: Ống kính 16 ly tiêu cự 25 ly.

Điều-tiết: Mở : 2 mi 1t50. Kết-quả rõ từ 1t34 đến 1t70.

Ống kính 8 ly, tiêu cự 12 ly rưỡi

Điều-tiết: Mở : 2 Mi 1t50. Kết-quả rõ từ 1t01 đến 2t87.

Do đó bạn kết-luận, tiêu-cự ngắn chừng nào thì bề thẩm càng sâu hơn bấy nhiêu. Và trong các « ống-kính đại-giác » bề thẩm sâu hơn các ống kính khác và



trong khi dùng các ống-kính « tiểu-giác » phải đề-ý dò cho đúng khoảng cách giữa chủ-đề và ống-kính.

Ngoài ra một chiếc nhãn thử hai trên có ghi bằng phit (feets) hoặc bằng mét (mètres) để điều-tiết chiếc ống-kính, tôi lui đem điem quang-tâm đúng vào mặt phim tùy theo quãng-cách giữa ống-kính và chủ-đề.

Những con số được ghi bằng thước tuy nhà sản-xuất ống-kính, đại-đề : 0,50 cm 1 t .. 2 t .. 10 th (∞) vô-cực. Các ống-kính Anh, Mỹ thường ghi bằng inches : (") 1 inch là 25cm. Ví-dụ : 2" = 50 cm.

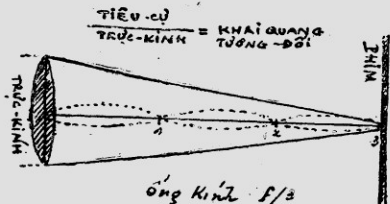
Trên mỗi chiếc ống kính bạn

còn thấy 3 thứ chữ số nữa, bạn thấy một chữ I hay chữ F tùy theo ống-kính do Pháp, Đức hay Anh, Mỹ sản-xuất. Một con số thứ nhì luôn luôn có chữ F đứng đầu, rồi đến dấu (=) theo sau I vài con số và cm hay mm.

Ví-dụ: I: 2,8 — F = 2 cm hay là

$$F/1.9 - F = 13 \text{ mm.}$$

Các con số và chữ này rất quan-hệ. Có thể nói hai hệ-số ấy là tên và họ của chiếc ống-kính. Đó là tỷ-số giữa tiêu-cự và trực-kính của ống-kính. Tỷ-số ấy thường gọi là: « Khai-quang-tương-đối » (Relative aperture).



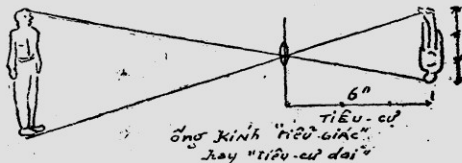
Tiêu-cự là cái gì? Ví-dụ: Ống-kính được điều-tiết vào con số vô-cực (∞) hình-ảnh theo định-luật quang-học, hình-ảnh của một vật-kiện ở xa hiện lên trên mặt phim rất rõ, cái quảng cách từ phim (hay bất cứ một bình-diện nào đặt đúng vào quang-tâm) đến bình-diện con người của ống kính gọi là tiêu-cự (Focale).

Khai-quang-tương-đối là một số-lượng thu-hút ánh-sáng của ống-kính. Khai-quang-tương-đối không thể đo được như tiêu-cự, chỉ tính ra thôi. Ví-dụ: Trực-kính của ống-kính là 23,5 mm và tiêu-cự là 150 mm, thì khai-quang-tương-đối sẽ là 150mm: 23,5 = 6,3. Người ta viết F=6.3

hay I: 6,3. Thường bạn nghe nói ống kính 1.5 sáng hơn 3.5, 3.5 sáng hơn 6.3 v...v... Bạn thử tưởng tượng một căn phòng, chiếc cửa sổ nhỏ thì căn phòng tối nếu chiếc cửa sổ lớn thì căn phòng sáng hơn.

Khai-quang-tương-đối đi đôi với con số điều-tiết lớn nhất của ống-kính. Ví-dụ: ống kính F: 1.5 thì có thể điều-tiết đến 1.5 (chữ 1.5 có ghi trên chiếc nhãn liên-quan đến « con người »).

Các ống kính « đại-giác », « trung-giác » và « tiêu-giác » còn có thể gọi là ống-kính « tiêu-cự cụt », « tiêu-cự thông-thường » và « tiêu-cự dài ».



Dưới đây là bản đối-chiều hai thứ ống-kính Đức-Quốc và Mỹ-Quốc để bạn có một ý-niệm về sức sáng của hai thứ kính ấy:

ỐNG KÍNH MỸ :	1 1.4 2 2.8 4 5.6 8 11 16 22
ĐỘ SÁNG :	1 2 4 8 16 32 64 128 256 512
ỐNG KÍNH ĐỨC :	1.3 1.6 2.2 3.2 4.5 6.3 9 12.5 18 25

★ BÍ QUYẾT CỦA BẮC THỢ QUAY

Bây giờ bạn cùng tôi thử giờ cầm-nang của bác thợ-quay xem có gì lạ. Đây, cuốn sách bìa da bác thường đặt vào túi trong, lật xem nhanh không bác ta trở lui, khó-chịu lắm đấy. Bạn cùng tôi thử đọc xem:

— Tối quan-hệ: MI — MỞ — ÁNH-SÁNG.

MI: nhớ bề thâm của mỗi ống kính.

MỞ: cố làm sao mở cho nhỏ.
ÁNH-SÁNG: Cần lấy số nhỏ gần nhất! (là cái quái gì?)

Đọc kỹ lời chỉ dẫn đính theo mỗi chiếc máy, phim v...v...

Biết nhìn: cảnh đẹp ở ngoài chưa chắc đã đẹp khi lấy vào phim.

GÓC ẢNH...

MẤT ÁNH SÁNG! 30%... Kia ông ta đã vào.....

Bạn chắc chắc mắc chỗ Ánh-sáng : có câu : « cần lấy số nhỏ gần nhất ». Bạn có lý vì tôi chưa nói đến cái « thước đo ánh-sáng » tiếng Pháp gọi là posemètre. Posemètre có rất nhiều thứ: Cellophot, Réalt, L.M.T., Norwood, Weston v... v...

Thường các tay thợ thích xài thước đo Weston hay Norwood.

Bạn chắc cũng đã thấy ít nhất một chiếc thước đo ánh-sáng. Đó là một chiếc hộp nhỏ bằng gói thuốc lá, hình thuẫn (Weston) hay đầu xoay được (Norwood) bằng bakelit hay nhôm chứa đựng một tế-bào điện-ánh-quang chỉ-huy một chiếc kim cử-động trên một mặt bán nguyệt hay tròn có ghi: số-lượng ánh-sáng, phim-độ, (màu hay đen-trắng) tỷ-lượng tối-đa hay tối thiểu của « con người », tốc-độ phải dùng v... v...

Bạn chỉ có việc xoay cái « cửa-sỏ » của thước đo-hướng về chủ-đề. Bạn đọc con số phải mở, 2, 4, 5, 6 chẳng-hạn. Bạn mở theo con số ấy.

Nhưng bạn cần phải đo đi, đo lại bốn năm lần cho chắc chắn. 1 lần đo vào chỗ nào tối nhất, 1 lần đo chỗ nào sáng nhất. bạn thử cộng hai con số ấy và chia hai, nhưng phải xem thử nhiều chỗ tối hay nhiều chỗ sáng. để chọn lấy con số thích hợp. Nếu lầm chỗ tối, thì bạn mở thêm « con người », nếu lầm chỗ sáng thì bạn đóng bớt lại, thét dùng lâu quen, không có gì khó cả.

Nhưng nếu bạn nghi-ngại thì nên lấy con số nào ít hơn hết. (trừ trường hợp bạn dùng phim inversible).

Nhưng có nhiều lúc bạn không thể đến gần đề đo, như khi ở Đalat chẳng-hạn. Bạn đứng bên sườn núi này mà muốn chụp sườn núi bên kia v. v... bạn nên làm như cách trên và cái con số trung-bình phải thêm lên 1 phần 1/2. Ví dụ con số trung bình là 8, bạn phải thêm 1.5 nghĩa là bạn phải mở 11.5.

Nếu bạn chụp trong phim trường thì bạn phải đi đến cạnh chủ-đề, (nghĩa là tài-tử) và đo lần-lượt: mặt, chân, tay, áo-quần, ghế ngồi. Rồi lấy con số trung-bình. Tuy nhiên bạn ghi-chép số đèn dùng sức sáng (2.000 vôn. 5.000 vôn v.v...) quãng cách từ đèn đến chủ-đề để lấy kinh-nghiệm. Thường thước đo ánh-sáng đèn lại có một hệ-thống số khác và có một chiếc nút bấm dính theo nơi thước đo dùng để đổi qua mặt khác. Trước khi xài, một thước đo ánh sáng bạn nên thử trước nó đi. Cách thử không có gì khó. Lắp phim rồi chụp theo con số mở, đo thước đo chỉ.

1/ Chụp với số « con người » nhỏ hơn thước đo chỉ.

2/ Chụp với số « con người » đúng như thước đo chỉ.

3/ Chụp với số « con người » lớn hơn thước đo chỉ.

Ba đoạn ấy chụp xong đem đi rửa và bạn có thể định-đoạt

« thái độ » của bạn đối với món dụng-cụ tối cần ấy.

Trong khi đó có hai thứ ánh-sáng, 1 thứ phản-ánh nghĩa là ánh-sáng chạm vào chủ-đề rồi bị dội trở lại và 1 thứ ánh-sáng thật-sự.

Các thước đo xưa chỉ đo phản-ảnh, như vậy phải đo hai ba lần, chỗ nào tối nhất và chỗ nào sáng-nhất rồi lấy con số trung bình. Các thước đo ngày nay (Norwood) đo ánh-sáng thật-sự. Muốn đo cách này phải đứng cạnh chủ-đề, hay trước một luồng ánh-sáng tương-đương. Song đo như vậy rất bất-tiện. Nhưng bạn chỉ phải đo có một lần là có con số trung-bình, khỏi phải làm toán nhảm ?

Còn một điểm nữa mà bạn thắc-mắc là cầm nang đã ghi: Mất ánh-sáng 30%.

Đây là một câu vấn-tắc có ý nhắc rằng: ống-kính cung-thầu hút ít nhất là 30% ánh-sáng xuyên qua nó vì ống kính gồm có nhiều tụ-kính lán lại, tia sáng đụng vào mặt tụ kính phản-chiếu, tỏa từ-tung mất một ít ánh-sáng. Cho nên khi chụp phải nhớ bớt từ 30 đến 50% của một phan con số trung-bình. Ví-dụ: sau khi đo, thêm, bớt, lấy số trung-bình xong, bạn thấy 8, bạn phải mở số 6.3 hay 5.6 cho chắc ăn. Nhưng (sao mà lảm nhảm thế!) coi chừng khi bạn chụp hình « Đại » và dùng ống kính tiêu-giác thì phải làm ngược lại, nghĩa là thêm vô từ 30 đến 50% (kính nghiệm riêng).

(Còn nữa)

★ Quốc-gia nào cũng cần những bàn tay đen dứa và nhiều lương tâm trong trắng.

★ Ai hay ngờ vực, tức là làm cho kẻ khác phản bội mình.

VOLTAIRE

★ Trong đời điều trọng hơn sự thỏa-thích về vật-chất, trọng hơn tiền của, hơn cả sức khỏe, ấy là sự tận tụy với khoa-học.

A. THIERRY

★ AI CŨNG NGHÈO !

Ở trường thầy giáo cho 1 bài luận văn tựa đề : tả một gia đình nghèo. Có con gái của một nhà tỷ phú sản-xuất phim, miệng cần cần viết, sau khi suy nghĩ độ 15 phút liền viết những dòng như sau : « Hồi xưa có một gia đình nghèo, người mẹ thì nghèo, người cha cũng nghèo, mấy đứa con cũng nghèo, người tài-xế cũng nghèo, chị bếp cũng nghèo, chị bồi-phòng cũng nghèo, và người làm vườn cũng nghèo. »

Cô con gái nhà tỷ phú kết luận : « Trong gia đình đó ai cũng đều nghèo » !

HẢI PHƯƠNG

ĐOÀN TRỌNG T H U

— LÂM-VỊ-THUY —



ỘT nhà thơ thời phong kiến bên trời Tây: **Bertrand de Born** — người ngâm thơ rong rất nổi tiếng hồi thế

kỷ XII đã viết:

«Tôi mến yêu biết bao khi người và những đàn súc vật chạy trốn trước các chiến sĩ đang phi ngựa ào ào... Ăn, uống và ngủ cũng không thể làm tôi sững khoái bằng trông thấy những thân hình bị gươm giáo xuyên qua.»

Những lời thơ trên, chỉ có thể rung cảm được một số các ông lãnh chúa, ngoài ra, sự thật, không bao giờ làm bài lòng ai cả. Vì họ chỉ là hạng người bó buộc phải «chạy trốn trước các chiến sĩ đang phi ngựa ào ào...» Những con người phong kiến ấy có một loại thi ca riêng hợp với tập quán của họ.

Loại thi ca ấy đã bày tỏ sự khinh thị của lớp người «thượng

lưu» đối với những tầng lớp hèn kém trong xã-hội, không hơn không kém.

Gần đây, một nhà thơ khác, **Paul Eluard**, đã viết:

Loại người sinh ra dễ thông cảm với nhau

Đề hiểu nhau hơn đề yêu nhau

Đề có con cái và chúng ta sẽ trở

nên những người cha

Có những đứa con không nhà

không cửa

Sẽ tạo tác được ra những người

Và cả vũ trụ và cả xứ sở

Của tất cả mọi người

Của tất cả mọi thời đại.

(trích «Sự chết, tình yêu, cuộc sống»)

Hai nguồn cảm thực khác nhau xa, nhưng đều mang một nội dung phong phú. Riêng trong bài thơ thứ hai, sức rung cảm của nó có thể truyền sang được tất cả mọi người, tất cả những ai đang tìm kiếm thiên đàng trên trái đất này. Thiên đàng ấy là

tất cả một cuộc sống sung sướng, tự do ngay trên trái đất mà chúng ta đang sống, và cái « thiên đường trần gian » ấy chỉ có những người làm việc là đang sống. Những kẻ ăn không, những kẻ lười biếng, những kẻ chuyên sống dựa vào sức của người khác sẽ không còn tìm được chỗ của họ.

Với quan niệm thi ca như trên, thể hệ thi nhân ngày nay đang cùng nhau tiến bước.

Đoàn Trọng Thu ở trong tầng lớp thi nhân tiến bộ ấy. Thơ của anh đã có những cố gắng đáng khen, tuy sự thoát xác còn ghi lại dấu vết của thời quá khứ rất rõ khắp nơi.

Đoàn Trọng Thu, sinh năm 1935 tại làng Đồng Quỹ huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, trong một gia đình rất khá giả. Các đảng sinh thành mất sớm, *Thu* và ba em gái sống nương nhờ tình thương của mẹ kế.

Năm sáu năm trước, tôi đã thuộc từng đoạn thơ của *Thu*, như đã thuộc thơ của những thi sĩ tôi cảm thấy hợp với tâm hồn mình.

Thơ *Thu* đủ loại, đủ thể. Ở khía cạnh nào anh cũng tỏ ra xuất sắc.

Mười năm lần lóc trong điều linh của quê hương; với những kỷ niệm, những trạng huống đau lòng. Thơ *Thu* vì vậy phản ánh rõ từng hoàn cảnh, giai đoạn. Thân phận, gia đình, là nỗi chưa xót đầu tiên:

Tôi có người em
 Dáng mảnh sắc hồng
 Thơ dâng đôi mắt suốt cảm thông
 Rớt nhiều mi lệ mùa ly tán.
 Thủa xưa em yêu hoa bướm
 Tóc đen ngấp rặng chiều lên
 Nghe em cười vỡ mái hiên
 Hoa bướm đậu vàng tay nhè bẻ.
 Yêu thương ngấp dưới mái tranh
 Tuổi thơ vượt nhựa chuối ngày lành.

Nhưng rồi mẹ chết
 Ngày vui cũng hết
 Âm thầm sưởi ấm lòng nhau
 Em thôi cười và bướm hoa xa lạ
 Mi xanh buồn như sắc lá
 Ngập ngừng nâng quạt hầu anh.
 Em cũng yêu thơ
 Như người anh thân mến
 Tình thương sống trọn kiếp cô liêu.
 Nhưng núi sông sóng gió nổi lên nhiều

Tôi ái ngại rời em
 Ra đi tìm ánh sáng.
 Em ở lại vui cùng đồng áng
 Nhẫn nhục từng mùa lúa
 Tiền gửi nuôi anh.
 Tôi đứng bên dầy
 Hướng về nơi triu mến
 Từng mái tranh lịm niềm nất ghen
 Mấy thân cây chới với mảnh thời gian
 Trong ấy em tôi sống với dân làng
 Cam cúi đầu dưới bàn tay bóc lột.

(trích « Em »)

Rời xứ sở, bằng vài nét, *Thu* đã phác họa một cảnh nếu là

người Việt, không ai có thể quên được:

Tôi đứng bước nơi sâu tư vô giới
Đất bên kia đứng lịm gạn niềm đau

Muốn đi sang nhưng sông trắng
Đã lạnh lẽo chia đôi bờ cách biệt.

Hai hàng cây chết im và rũ liệt
Gió ngán sang mà lá ngại lời ca

Đứng nơi đây thờ thít với làn da
Đều rùn rầy như lạc miền tử khí.

Ôi đêm sâu ! ôi đêm sâu huyền bí
Đắm chìm người trong giấc mộng

Ôi chia lìa ôi hờn oán vô biên
Mà ai sống những phút giây

(trích « Đồi bờ cách biệt »)

và dân tộc, Thu đã đưa ra những
hình ảnh trong những ngày đen

tối. Trong thơ, Thu đã nói
nhiều, tôi không cần phải góp

lời thêm :

Ai chết đầy hễ kẻ kia ngạo nghệ
Cười rung trên xương máu xây

Ai gục đầu mấy thế hệ căm gan
Mỏi rướm máu hễ người vùng

Thấy ngà xuống như lau sậy
Hận đứng lên mấy tầng không

Nhạc vong quốc trời mừng lung
Thân chó ngựa cúi đầu trong

Mãng non lực kiệt
Hoa dân tộc vất vương

Nhảy hoa phai, tim chất sống
Trời nhóp nhơ, hoa tàn hương.

Măng ơi hoa ơi, ai xót thương
Hoa và măng xỏ vào côi dốc....

Em ơi nấn vù mẹ
Sữa có còn đâu em
Từ ngày héo hắt trong đêm
Thân mẹ vữa chề mà em bú hoài.

Em khóc hỏi cha đâu ?
Cha đi cày sùu,
Giồng cây lúa tốt.

Nắng mưa thiếu đốt
Công cha !
Lúa gánh lên rừng.

Cha em nước mắt rưng rưng
Thân em đòi khát mạch ngưng

Một sớm cha ra đi
Trên vai dao vôi sùng.

Cơm áo đầy thôi em
Năm sau gió nhấc lời chim

Sống sâu chôn xác cha bên đất thú.
Kể vắn nhắn đèn sách

Máu xương từ thuở tương tàn ấy
Máu vấy hờn căm bút mực lạnh

Ném bút ai sui người bạch diện
Mà ai nhấc sách đẩy thời xanh.

Mẹ già chiều gió tiễn con yên
Tim ngất không gian tuổi mẹ chiều

Con hướng về đầu lòng mẹ tui
Tình trai dính ước với phiên lưu.

Năm sau mẹ tiễn nốt em hai
Em bước ra đi mẹ thở dài

Thối nhè con ơi chung huyết mạch
Súng con nhắm địch nhớ anh trai

Khởi mù chiến địa
Em thấy anh trai

Máu hoen cây cỏ
Em nhếch miệng cười :

« Một tên địch chết... »
(trích « Ai chết »)

Đây là mẫu người, điển hình
cho những người của một thế

hệ, những chiến sỹ vô danh:
Anh người trai Việt

Mang trong mình giòng máu
tự cường

Bước chân hoạt động khắp bốn
phương

Ờ, thất thế khóa tay vào tù tội...

Mới trông thấy anh

Lòng tôi bối rối

Sao nơi đây cứ thêm mãi người
lên

Đây vùng nước độc rừng thiêng

Có những người dân phải sống

Sống hy vọng, sống âm thầm nuôi
chỉ hươg

Đừng nguội đi máa nóng của
tuổi xanh.

Đây trần gian nhưng địa ngục

Người bày ra để tiêu diệt lẫn
lẫn

Những cực hình man dã thương
dau

Đây nguồn gốc vì trùng trảm
tật bệnh

Đoàn người trọc đầu phất phơ
áo rách

Đồ mớ hôi gánh củi chiu vai

Sức sống trút xuống nương khoai

Người trước chết đi để người sau
cổ sống

Vì tội đã yêu nói

Đầy thân cho tù mìn khổ

Sống dọa dẫm chưa xót nghĩa
tự do:

(trích « Tưởng Niệm »)

Thơ Thu.,

vừa đẹp, vừa hùng,
vừa đau xót. Tôi mượn ý
Huỳnh Quang để kết luận về anh :

« Đoàn-Trọng-Thu là một trong
những nhà thơ đã ý thức được
sứ mạng của lớp thi nhân đương
thời. Anh đang tìm một hướng
đi lên trong các tác phẩm. Anh
đã cố gắng đào xới cảm xúc để
có thể hòa mình vào công cuộc
đấu tranh rộng lớn cho tự do,
hạnh phúc, bình đẳng của toàn
thể nhân dân. Lâu ngày chỉ còn
thoi thóp trong công trình kiến
trúc của anh. Thời kỳ lãng mạn
và phong kiến đã hết. Văn nghệ
biện đại, nói chung, thi ca, nói
riêng, cần có một nội dung lành
mạnh và một cái gì cao đẹp hơn.

Tôi tin rằng Đoàn-Trọng-Thu
sẽ thành công. Sự thành công của
anh sẽ hòa đồng với nguồn hạnh
phúc của nhân dân đang đấu.

Đó là ngày mà một người thấy
vui với cuộc sống hiện tại, và
không còn nghĩ tới chuyện lên
trời ».

* TẮM LẦN THỨ NHẤT

Hiến binh mới dẫn một người tù vào khám. Viên chủ ngục liền bảo
người tù hãy cởi quần áo ra để tắm.

Người ta hỏi :

— Sao ? Tắm à ?

Viên chủ ngục trả lời :

— Ờ ! Bộ hồi giờ chú mấy chưa tắm lần nào à ?

Nghiêm nét mặt người tù nói :

— Chưa bao giờ tôi tắm cả vì đây là lần thứ nhất tôi bị ở tù !

KIÊN TRINH

Truyện dài của Cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P. T. số 4)



Ỗ LẠI thấy tôi đề cập gà Tàu thiến mập ú bèn ngưỡng cửa và đặt lên bàn chấy giở mây đựng vài hộp bánh tây với đôi rượu cổ-nhách Mạc-tên là thử thầy vẫn thích dùng trong khi đến chơi nhà tôi. liền nhìn sừng vào tôi:

— Gì nữa đó?

Má tôi cười xã giao:

— Có chút đỉnh biếu thầy thiến dùng lấy thảo.

—Ồ, chị cho hoài. Mặc công cháu nó quá. Lần nào tôi vô chơi, thấy nó nấu nướng cực nhọc, tôi thương hết sức. Để rồi việc đó tôi sẽ bầm lên quan lớn quận, xin ông xuống phước cho thầy Khanh nhờ.

— Trăm sự cũng nhờ thầy...

— Phần tôi cố gắng đã đành, nhưng quyết định ra sao còn tùy quan chủ quận chớ. Nhưng tôi thấy là được, miễn chị đừng quên ơn trọng của người ra thôi. Chị cứ ở nhà tôi, xem nhà tôi cũng như nhà chị, chừng chiều đây quan lớn quận hơi rảnh, tôi xin phép ông cho chị lên nói khó cùng ông.

Má con tôi ở tại nhà thầy Ký Lại, tuy vợ chồng thầy ân cần niềm nở, nhưng vì mình có tâm sự thắc mắc bên lòng nên chỉ gắng gượng làm vui để khỏi phải mong chờ thời khắc chậm trôi qua mà sốt ruột. Vợ Ký Lại có vẻ thích tôi, thường gọi chuyện hỏi đến những công việc hằng ngày và sự giao thiệp của tôi. Khi biết tôi không có nhiều bạn bè, và nhất là bạn trai, thiến cười:

— Cô đẹp và đảm như thế, đứa nào cưới được là có phước lắm. Những người con gái tỷ như một cái hoa giữa trời, trăm ong ngàn bướm vẫn vơ, nếu không sớm gặp chủ, hương nhụy còn gì?

Tôi không hiểu vì ý nào thiến Ký nói với tôi những lời lẽ ấy, nhưng tôi có nghe nói đến cuộc đời truân chuyên của thiến và ngờ là thiến có lòng tốt nên ngoảnh mặt đi và đáp:

— Cháu còn nhỏ, nhà bận, em đông, việc sắp đặt chờ lịnh bề trên mà thôi. Anh Ba cháu vắng nhà, việc chủ định phải tùy ở bà nội.

— Con gái đời nay hiếm có mấy đứa nghĩ được như cô vậy.

Trưa hôm ấy, thầy Ký đi làm về vẫn không nghe nhắc đến việc can hệ của anh Ba tôi. Đến mãi chiều, thầy báo in một cách lạnh nhạt :

— Quan lớn quận mãi bận, tôi có năn-nỉ cho chị nhưng ông bảo đề ông suy nghĩ đến mai.

Má con tôi đành ôm lòng chờ, khắc khoải và phập phồng như người tử tội trông tin phá án. Cơm nước xong, vợ chồng Ký Lại rủ má con tôi đi dạo chợ cho khuây khỏa.

Chợ quận, về ban đêm, cũng không lấy gì nhộn nhịp trừ những khi có gánh hát xa đến. Chung quanh « nhà lồng » nhỏ hẹp sáng chóa những ánh đèn măng-xông của đôi giải tiệp tấp hóa buồn bán leo heo với các quán giải khát, quán mì cháo, quán cơm chiên bày ngoài trời bên cạnh những hàng quà bánh địa phương như bánh canh, bún cá, bánh bèo dừa, bánh đa lợn v.v...

Thiểm Ký dắt chúng tôi đến một tiệm nữ trang, chủ mũi bên ngoài tử kiến, trầm trở khen ngợi các món nữ trang mãi không thôi. Ký Lại sốt ruột kéo vợ đi và cần nhẫn :

— Minh kỳ quá, liệu tiền lương của tôi đủ sắm vừa ý mình không mà thứ nào cũng ư ?

Vợ Ký Lại nũng nịu cười tình với chồng :

— Dữ hồng, chưa chi mình đã rên ! Minh ráng o bế quan thầy,

ông tin được rồi, cái gì lại chẳng sắm cho vợ được ?

Tiền đường về, khi gần đến dinh quận, chúng tôi gặp ông quận Nhiều đi dạo mát với mấy đứa con. Ông chỉ gật đầu, oai quyền và hãnh dịch, trước sự cúi đầu cung kính của chúng tôi, đoạn hướng cặp mắt nghiêm khắc hình như có thoảng một chút ngạc nhiên vào má con tôi rồi lạnh lùng xoay lưng đi về công quận.

Chúng tôi về nhà Ký Lại. Nhà hẹp có một cái giường và một bộ ván nhỏ, Ký Lại nhường cho má con tôi ngủ chung giường với Thiểm Ký, còn thầy với đứa con gái nhỏ thì qua nằm bên bộ ván.

Ngọn đèn dầu giữa nhà đã tắt. Má tôi còn rù rì nói chuyện với thiểm Ký, chợt nghe có tiếng người kêu nho nhỏ ngoài cửa :

— Thầy Ký, ngủ sớm vậy sao ?

Nơi ván ngựa, Ký Lại ứng tiếng hồi nhech :

— Ai vậy ?

— Tôi là Năm Quảng, lính hầu trong dinh. Quan lớn gọi thầy lên để dạy việc.

Ký Lại mang dép bước lẹp xếp ra mở cửa. Thầy và người kêu cửa to nhỏ một lát, đoạn nghe Ký Lại nói to lên :

— Ừ được, chú về bẩm quan lớn là tôi sẽ lên trình bày sau.

Ký Lại bước trở vào nhà, lấy chiếc áo khoác lên vai. Thiểm Ký vụt hỏi :

— Quan lớn đòi việc gì vào giờ này? Có phải... chuyện của chị Năm đây không?

Ký Lại trả lời lừng khừng:

— Có lẽ. Thôi mình với chị Năm cứ ngủ đi, chắc tôi về khuya lắm đó. Cứ để cửa cho tôi, chừng về tôi khỏi kêu gọi rộn ràng...

Ký Lại ra đi. Mà tôi với thím Ký cũng thôi nói chuyện, ý chừng mỗi người đang đeo đuổi theo một tư tưởng. Tôi ngủ thiếp lúc nào không hay cho đến lúc mơ màng nghe có người kêu nhỏ nhỏ bên giường:

— Mình à mình, chị Năm ngủ thức?

Mà tôi ửng tiếng trả lời thầy Ký Lại:

— Việc chi đó thầy. Nãy giờ tôi thao thức trông tin thầy.

— Tin mừng rồi đây.

Mà tôi lồm cồm ngồi dậy:

— Ủy, ông chịu rồi sao? Ông chịu cho thằng Khanh về ở đây ư?

Ký Lại đánh quẹt thấp đèn lên và hỏi một câu ngoài đề:

— Con... con cháu nó ngủ hay thức?

Vợ Ký Lại nhìn qua tôi và bảo:

— Nó ngủ say rồi.

— Vậy mời chị Năm qua bên bàn này ngồi để tôi nói cho nghe.

Ông kêu tôi lên... hỏi về chị đó.

Mà tôi kéo ghế ngồi ngang mặt Ký Lại, hỏi thăm tới:

— Rồi thầy nói sao? Ông đòi bao nhiêu?

— Ông không ăn tiền bạc gì cả đâu. Tôi bày giải tình cảnh gia đình của chị, ông thương lắm muốn giúp làm nghĩa. Ông chỉ ký tên vào một mảnh giấy gửi lên tỉnh là thằng Khanh được thả ra lập tức và trở về nhà ngay.

— Chừng nào ông ký?

Giọng nói của Ký Lại đổi thành ra vẻ dặt dờ:

— Dễ không, chị chưa từng nói cùng người ta một lời phải quấy nào cả, ai dư cơm mà giành việc thiên hạ? Ông muốn giúp cho chị như thế là đặc biệt lắm, chị phải nhớ ơn nghĩa cho người ta chứ.

Mà tôi bối rối:

— Ông cứu thằng Khanh khỏi bị đầy, đời nào tôi dám quên ơn ông.

Ký Lại đánh lửa đốt thuốc:

— Ngày mai này, quan lớn quận bạn đi thị sát chợ ông Vèo, ông muốn dứt khoát vụ của thằng Khanh cho rồi, kéo ở tỉnh thúc dục. Chị phải đi với tôi liền ngay bây giờ để giáp mặt ông, năn nỉ ông xiêu lòng và ký tên vào tờ giấy bảo đảm rằng từ nay trở đi chị phải kèm chế thằng Khanh không cho nó làm điều gì, phi pháp nữa.

— Đi vào giờ này sao?

— Quan lớn thương làm việc ban đêm và cũng sắp đến giờ

Ông đi nghỉ rồi, nhưng ông thương tình tôi cầu xin, chỉ tiếp chị trong một chốc lát.

Mà tôi lật đặt sửa soạn đi với Ký Lại. Tôi cố chống lại cơn buồn ngủ để chờ tin lành. Một chốc sau, tôi nghe có tiếng Ký Lại trở về, và vợ y hỏi :

— Còn chị Năm đâu ?

— Chỉ chờ ký tên vào giấy báo đảm thẳng Khanh. Nè má con Trọng, ra đây tôi nói... cái này cho nghe.

Vợ Ký Lại vờn vai ngồi dậy, khoát mừng bước ra. Ký Lại to nhỏ cùng vợ những gì mà thím Ký cười gằng :

—... thằng cha mắc dịch này... tham lam quá vậy ?...

Ký Lại rù rì thêm :

— Minh giúp tôi đi ... Như mọi bận vậy, có sao tôi chịu... Minh nhớ chiếc neo vàng mình trăm trò hồi tối không... Tôi mua cho mà ! ...

Vợ Ký Lại cười khúc khích ; tiếng còn tiếng mắt :

— Coi chừng ... nó la làng ... xấu hổ...

Tuy không hiểu gì cả, tôi cũng độ chừng vợ chồng ký Lại mưu tính một điều gì bất chánh đây. Tôi sợ nhớ lại những lời đồn đãi không về vang gì về cặp vợ chồng quái gở ấy. Cả hai đều kém nét hạnh, chồng ăn chả thì vợ vùi nem, ai cũng có « tình » riêng của mình và nhiều khi vẫn biết đấy mà cứ lờ cho đấy.

Ký Lại nghe vợ cảnh cáo, cười bích hác :

— Ấy, kệ tôi !... Thôi tôi đi... mình nhớ nha, mình !

Vợ Ký Lại trở vào giường, lăn qua dụng tôi và hỏi :

— Cô Tư ngủ đủ hả ?

Tôi không trả lời. Giây phút sau vợ Ký Lại khe khẽ ngáy đều. Trời càng về khuya. Tiếng tích tắc đồng hồ trăm trăm rơi trong im lặng...

Tôi chớp mắt đi lúc nào không hay và đến khi giật mình thức dậy thì cảm thấy có một cánh tay gạt ngang qua vai tôi. Một hơi thở nóng phỉ phò bên tai tôi. Tôi lèn mình vào trong, thoáng nghĩ : mình là con gái đương sức, ngủ mê đủ đành, chứ thím Ký sao cũng lại xấu ngủ vậy, giường rộng mà cứ ép sát vào người ta vậy ư ?

Nhưng không ngờ, bàn tay ấy đuổi theo tôi trong tâm tối. Tôi vùng nắm lấy, sờ soạng và nhận thấy nó gân guốc như bàn tay của phái mạnh. Kìa ngạc, tôi ngồi phắt dậy, hỏi to :

— Ai ? Ai đây ?

Một bóng đen ôm choàng lấy tôi và có tiếng nói hờn hờn rĩ bên tai tôi :

— Đừng la... qua cho em tiền... Xăm dầu thơm... son phấn, áo quần tốt ...

Tôi hét to hơn nữa :

— Thím Ký !.. Có ai lạ chun vô mừng nè !.. Thắp đèn lên mau...

Bỗng đèn bùng tôi ra. Tôi sợ quá, gọi thím Kỳ, mãi thiếu điều lạc tiếng. Khi ấy, vợ Kỳ Lại mới lên tiếng từ bên bộ ván ngựa:

— Nhỏ nhỏ vậy... Cái gì đó cô Tư?

— Có ai trong buồng nè, kỳ cục quá.

Vợ Kỳ Lại ôm ở bảo:

— Dữ hông? Vậy mà cô làm như cháy nhà! Thầy Kỳ đó chờ ai. Con Trọng ngủ lạ giường khóc hoài nên thầy đem nó qua bên đồ ngủ đó.

Chừng ấy, Kỳ Lại giả vờ tỉnh giấc, nhẹ nhàng hỏi:

— Gì mà um sùm vậy?

— Biết đâu? Việc gì cô Tư cô la đó chứ.

Kỳ Lại trả lời, rất thản nhiên:

— À, chắc con Trọng ngủ mê nó... ôm cổ chờ gì. Con nhỏ thường hay xấu chứng vậy lắm.

Vợ Kỳ Lại ngọt ngào:

— Ừ phải, chắc nó nằm chiêm bao đó cô Tư à. Thôi để tôi qua dỗ nó.

Tôi không dám ngủ nữa, khoát mừng bước ra và hỏi thím Kỳ:

— Má tôi sao chưa về?

— Hồng biết nữa. Chắc còn chờ giấy... Cô không ngủ nữa sao? Đi đâu vậy?

Tôi mở cửa ra và đáp:

— Cháu hết buồn ngủ rồi, để chờ đón má cháu.

Trăng non chênh chếch cây trên những sông lá dừa, buong tỏa một màu trắng đục trong màn sương mỏng, mịt mờ... Tôi nhìn về dinh quận, cách đây không xa, thấy còn thấp thoáng ánh đèn. Bước lần đến gần giậu hoa bụi, tôi đặt chân trên con đường nhỏ bên hông, đi vào trong...

Bỗng tôi giật mình dừng lại, lắng nghe những tiếng cãi vã ồn ào vừa mới phát ra từ nơi làm việc của ông Quận. Tiếng nói to hơn cả, ông ông giọng gầm thét của một người đàn bà giận dữ, đưa lanh lảnh vào bên tai tôi:

— Ông đừng có chối, không ăn qua được tôi đâu. Người đàn bà này là ai? Sao được vào dinh trong giờ này? Hả... hả?..

Tiếp đấy, có tiếng phản bua của một người đàn ông, nghe không rõ, và rồi giọng sư tử Hà Đông lại rống lên, hung tợn hơn nữa:

— Điều đình cái gì vào giờ này? Mà điều đình gì thì cũng phải qua tay tôi hết. Ông có hiểu không? Cha chả, nghe ông nói công việc nhiều phải làm đêm, tôi cũng tưởng ông bỗng đứng lại nảy ra đức tánh ích nước lợi dân... Chứ nào ngờ!.. Trời ơi là trời!... Ông giết tôi không bằng!...

Tôi kinh sợ hãi hùng khi nhận ra tiếng nói léo nhéo ấy là của bà quận Nhiều, một người đàn bà căm ghen mà khắp quận ai cũng sợ mặt.

(Còn nữa)



Phóng sự thời đại của NGUYỄN - THU - MINH

L. T. C. — Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.
Mong quý độc giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 4)



TÌNH của Alice-Lan nào nề quá, buồn trĩu những lời than ai oán.

Đôi mắt hơi mờ đi bởi giòng lệ mỏng. Nàng vội quay mặt sang phía khác.

Tôi cảm động nhìn Alice-Lan lòng đau vô hạn.

Những ý nghĩ thương người trời dấy.



Tôi vùi vào hai vai nàng để tỏ lòng thương cảm và muốn nói với nàng những lời thật chân thành. Tôi ao ước mọi người đều hiền lành, thương nàng, giúp đỡ nàng rời khỏi những ngày tháng nặng trĩu, tối tăm này. Đừng nhìn nàng với vẻ mặt khinh khể, đôi mắt đục ngầu vì đục vọng, thỏa mãn ích kỷ của thể xác.

Có tiếng hát ở nhà dưới vọng lên, kéo dài và lải nhải một cách trơ trẽn :

« Em như cô gái hỡi còn xuân,
Trong trắng thân chưa lấm bụi
trần... »

Hoàng đang nằm dựa ngửa vào lòng thiếu nữ phì phà khói thuốc, nghe vậy liền cười lớn :

— Phải đấy! Hát to thêm chút nữa nghe đi. Các em thì còn « xuân » chán.

Tuy câu nói đùa không đâu nhưng lắm ý nghĩa sâu sắc với những con người nơi đây, khiến thiếu nữ im bật nửa chừng.

Không khí gian phòng cũng trở nên nặng nề bởi hơi men, hơi người, rộn lên những mùi hăng hắt hòa lẫn hương thơm hoa phấn.

Nơi đây, phần nhiều người ta nhìn nhau ở cái bề ngoài hờ hênh đắt giá và chiếc túi ketchup nặng những giấy voi.

Tôi nhớ lại câu mà Alice - Lan đã nói với tôi lúc trước. Ở đây người ta chỉ cho phép, quý nhau phút đầu, khi mà khách mới đặt chân vào ngưỡng cửa...

Lúc ấy, khách có muốn gì chẳng nữa cũng phải chịu đợi, niềm nở đón đưa. Nhưng, sau khi cánh cửa phòng đã từ từ khép lại, chiếc drap trắng tinh phẳng nếp đã nhân nhều lại những đường tơ lập thể, thì dù khách có vui đứng chân thủ-thỉ hay ra về cũng mặc tình.

Người ta sẽ nhìn nhau bằng những cặp mắt chán chường, tiện như những vết son loang vào thau nước. Và cũng chẳng ai nghĩ

đến ai đã cùng kẻ chăn dịch gối với mình một trưa bên lẽ cuộc đời.

Đang vờ-vờ với bao ý nghĩ, thì từ nhà trên có tiếng gót giày đi xuống, xen lẫn những tiếng cười hả hê, khoái trí.

Chúng tôi vừa quay mặt về hướng tiếng cười, chưa kịp nhận xét đã có tiếng hỏi :

— Ai như Hoàng đó phải không?

Hoàng vẫn đứng đưng phì-phà khói thuốc lên trần nhà thành những vòng tròn quện bay, đến khi người khách lạ tới sát bên đưa tay ra bắt, Hoàng mới chịu ngồi dậy, tách người ra khỏi lòng thiếu-nữ, mỉm cười :

— Nghe giọng hỏi, tớ biết ngay là cậu rồi. Sao hôm nay đến muộn thế ?

Người khách lạ đáp một cách hóm hỉnh :

— Lỡ gặp... em.

Hoàng vội hỏi :

— Em nào đó, hay không ?

— Hay gât, nữ sinh M. C. mà lại. Minh đưa em đi xem ciné ở Eden, « xô-lô », em khoái chí tề. Thế, còn cậu đến từ bao giờ ?

— Cũng vừa đến.

Chợt nhớ tới tôi, Hoàng liền xoay qua giới thiệu người khách lạ với tôi :

— Tí nữa quên mất, mình xin giới thiệu đây là anh Thành bạn đồng quê, đồng sở, và đây anh

M. nhà văn, cùng là anh em quen biết từ lâu cả.

Hai chúng tôi đều trang-trọng bắt tay thân mật của phút đầu gặp gỡ ở trong cái «tiền thế-giới» đồng bệnh «cỏ cưa» này. Và chưa biết nên mở đầu câu gì với nhau cho hợp lệ, hợp không khi, đã có tiếng Hoàng nhanh nhâu tiếp :

— Xứ Thành đây, cũng « một cây » văn nghệ đấy. Hai ông bạn gặp nhau mà trò chuyện thì xứng tay vô cùng. Tôi xin chịu về văn nghệ.

Thiếu nữ ngồi cạnh -Hoàng nghe vậy cũng xen vào một câu rất « duyên » và cũng rất hợp lúc cho «máu văn nghệ» của ông bạn trời đây :

— Chà, hôm nay mới được biết anh Thành là nhà-văn, lâu nay cứ giấu mãi.

Thành nhớn miệng cười ra vẻ đắc ý, hỏi tôi :

— Xin lỗi anh, bây giờ anh viết cho báo nào ?

Tôi hơi ngượng cho câu phải trả lời, nên đáp :

— Tôi chỉ viết lãng - nhãng, thôi anh ạ. Anh Hoàng giới thiệu ầu đấy. Dạ, còn anh hiện viết cho báo nào ?

Ông bạn có vẻ ngập ngừng một lúc rồi đáp :

— Tôi cũng chỉ viết bậy bạ cho vài tờ, nhưng cách đây mấy năm rồi...

Bỗng có một thiếu nữ lạ từ

nhà dưới đi lên, thấy Thành ngồi với chúng tôi, liền chạy đến bá lấy cổ Thành hôn một cách ngang-nhiên.

Thấy vậy, tôi vẫn không ngạc nhiên lắm, vì đã thừa rõ cái không khi, điệu bộ ở nơi này rồi.

Thành tươi cười kéo thiếu nữ ngồi xuống lòng mình rồi hỏi :

— Có chị Thu ở nhà không ?

Thiếu nữ trả lời :

— Chị đang nghỉ trong phòng ở nhà trên.

Thành lại hỏi :

— Thế có Mộng - Hoa trong không ?

Bích gọi hộ anh đi.

Bích tức là người thiếu nữ mới, mím miệng với Thành tỏ vẻ giận dỗi ra cái điệu vì yêu thương nhau. Sự thực thì khác hẳn, chuơng qui chỉ vì mối lợi là « tiền ». Tiền đã làm cho họ hip mắt lại để biến thành những con vật đúng hơn là con người.

Tôi nhớ, có lần một «cỏ em» qui của tôi, miệng chưa hết hơi sữa, ngày hai buổi còn ôm cặp da đến trường đã dám nói với tôi : « Trên đời này người ta chỉ qui miễn, thương yêu nhau ở đồng tiền, không tiền thì vứt đi hết ». Những lời nói ấy nếu mà đem ra đối chiếu ở đây hiện giờ. Thật là đúng, còn hơn là đấng khác và tôi không hề cảm thấy thương hại như ngày nào cô em qui của tôi đã nói ra câu ấy.

Rồi không ai bảo ai, mỗi chúng tôi tự trở về trong cái vui thú của kẻ bẽ lá ngút hoa...

Hơi rượu làm tôi đỏ bừng mặt lên một cách trần tráo, thêm vào hơi người càng khiến cho tôi dễ điên cuồng.

Chợt ánh mắt chan chứa dịu hiền, khắc khoải của Alice-Lan như van lơn, kêu gọi một lòng thương hiền biết khiến tôi tỉnh trí.

Bốn ánh mắt chạm vào nhau, dịu dàng và êm ái như bóng chiều soi mặt nước hồ thu.

Tiếng cười của Hoàng, Thành và hai thiếu nữ lại rộn lên, cùng với tiếng chắc lưỡi lẫn nét cau mày giận hờn của Alice-Lan, nhưng không dám bộc lộ làm tôi hơi ngạc nhiên giây phút.

Hiền ra, chẳng qua trong lúc bất ngờ, Thành với tay véo vào lưng Alice có ý đùa với nàng, như đã đùa với bao thiếu nữ khác không một chút đắn đo.

Tôi vờ làm bộ không để ý, nhìn ra khung trời gay gắt nắng.

Đôi chim sẻ từ đâu sà xuống đậu vào nhánh cây vú sữa ở trước mặt rồi lại nhón nhác bay đi.

Một nỗi buồn man mác lần đến.

Một ý nghĩ lo sợ không đâu hiện về.

Tôi tưởng chừng như đang rơi xuống một vực sâu thăm thẳm, chỉ biết chờ với và chờ với cho đến lúc kiệt sức. Chẳng khác

gì con báo kia lạc đường đề rồi chết trên đỉnh núi tuyết Kiliman-djaro — trong một danh phẩm của văn hào Ernest Hemingway.

Những cảnh say sưa lại tiếp tục. Châu « Bit-qui », xô-đa thứ hai được đem ra. Lần này do Thành đứng khổ chủ, và những câu chuyện đời, chuyện tình ái lẫn văn nghệ ulla mùa bắt đầu sôi nổi.

Hoàng hơi lìm dim đôi mắt ngái ngủ, dựa ngửa ra thành ghế, trong lúc Thành cao hứng mở đề câu chuyện với tôi không kém « quan trọng » :

— Chúng mình hãy nhấp cạn ly này đi ! Ít khi được gặp nhau trong cái cảnh này lắm, nên có say hôm nay cũng không hề gì.

Tôi gật đầu cười thiện cảm, Thành lại tiếp :

— Nhiều lúc muốn say thử một lần mà không say được, kẻ cũng buồn. Nhất là tâm trạng những con người như chúng mình luôn luôn sống trong bất mãn, khắc khoải. Suốt đời đi tìm cái đẹp, cái hay vẫn không bao giờ gặp, thấy toàn cả trái ngang.

Hoàng liền xen vào :

— Thôi, dẹp đi. Đừng nói ra ở đây nữa các cha. Thiên hạ nghe được lại cười chola những thằng khùng. Đến chốn này còn lý thuyết rôm, giảng đạo đức với nhau. Không thấy mấy em đang chờ hai cậu hay sao ?

Chưa dứt lời Hoàng đã quay lại nhìn Hồng cười toe-toét như một gã say.

Thành đảo mắt quanh gian phòng rồi chăm chú nhìn tới cười tỏ vẻ muốn phân trần về câu nói của Hoàng vừa rồi.

Tôi vẫn giữ thái độ cũ, không vui cũng không buồn. Nếu có buồn, chỉ buồn vì nghĩ đến Alice-Lan và những con người đời mươi ở chốn này đang đi về đâu mà thôi. Nhưng rồi cũng trong khoảnh khắc là tan biến ngay theo những nụ cười, ánh mắt, men rượu.

Những hình ảnh mập mờ cứ dềnh-dàng đảo quanh trước mắt từ tay người khách này sang tay người khác, mà người nào cũng đắm đuối rạo rục như nhau trải đều trên khuôn mặt một vệt dài dần đỏ, cộc cằn đến kinh tởm.

Đó đây toàn là bóng đen thề xác vậy phũ.

Có tiếng gọi the-thế ở nhà sau.

Alice-Lan vội đứng dậy xin phép tôi đi vào trong. Tôi nhìn nàng gật đầu nhận lời mơn trớn như người anh đối với em gái:

— Rồi liệu em có trở ra với anh không?

Nàng còn đang ngập ngừng, đưa đôi mắt mơ buồn thăm thẳm, tôi chợt hiểu ý vội chữa lời:

— Em vào rồi ra ngay. Đừng để anh phải chờ lâu nhé.

Alice-Lan khẽ dạ rồi rào bước

đi vào. Lời nói của nàng êm dịu quá chừng. Dáng đi của nàng eo lá thướt tha, như một nữ sinh. Mà thật vậy, ở con người của nàng còn đọng lại nhiều bóng dáng thơ sinh. Mặc dù khung cảnh nơi này vẫn không sao xóa nhòa đi được.

Tôi lặng lẽ nhìn theo đầy thương hại. Bóng tối như bao quanh ở nàng.

Có lẽ đọc thấu tâm trạng cảm xúc ngổn ngang này của tôi chăng, Thành khẽ cười:

— Trông cậu có vẻ thương cảm cô ả phải không? Nhất là con người nàng còn sắc « mũi » ngây thơ chán!

Tôi hơi khó chịu về lời nói tự phụ của Thành, hỏi:

— Cậu xét đoán người hơi tàn nhẫn, theo mình thì thấy thương hại cho nàng thật đấy.

Thành lại cười, lần này cười ra vẻ khiêu khích cho những ý nghĩ non dại của tôi, trong khi tôi vờ dừng đứng không để ý gì đến cái cười ấy cả. Nhìn sang những bàn bên cạnh.

Chợt một bóng người thoáng qua cánh cửa xuống nhà sau.

Tôi giật mình, lòng run lên và hồi hộp quá. Chợt vội đổi mắt, định tâm nhìn kỹ lại xem vẫn không sao nhận hiểu, vì thiếu nữ đã khuất sau bức tường dày đặc màu xanh u tối.

(Còn nữa)



Sách MỚI XUẤT BẢN

★ NHỮNG CẢNH THƯ MÙA LY LOẠN của Nguyễn-huy-Hiền

(NGÀY NAY xuất bản)

Quyển truyện dài này mô-tả tình-cảnh đất nước thân yêu bị ngấn đôi bờ một đường vĩ-tuyến. Kể ở, người đi ngậm-ngùi đau xót. Cảm-thông được nỗi đau thương ấy, tác giả ghi lại nơi trang sách đầy đề nói lên những nếp sống tâm-tình, những tấm lòng ái-quốc thiết-tha của lớp thanh-niên hiện đại. Một tác-phẩm gồm những bức thư ngắn, kết-hợp lại thành một chuyện dài. Trình bày mỹ thuật, dày 191 trang, giá 37 \$.

★ KỊCH TÔN SƠN BẢ TƯỚC của Vương-hoài-An dịch thuật.

(Lan Đình xuất bản).

Một bộ sách gồm 3 quyển khổ nhỏ loại nhi đồng do Vương hoải An dịch cuốn *Le Comte de Monte Cristo* của Alexandre Dumas, một tiểu thuyết gia nổi tiếng của Pháp hồi thế kỷ thứ XIX.

Chuyện phiêu-lưu hấp dẫn, có một giá-trị luân-lý xác đáng, giáo-dục nhi đồng, giải trí người lớn. Mỗi quyển dày 54 trang, Giá 5\$.

★ HOA ĐÔI MƯƠI.

(Gia Đình Hoa Đôi Mười xuất bản).

Giai phẩm của một nhóm học-sinh Nam-Nữ. Tập hợp những ngòi bút trẻ trung, mầm non của văn nghệ, trong các truyện ngắn, thơ, tùy-bút, v...v....

Tuy tác phẩm « Hoa dôi mươi » chưa đạt đến một nghệ thuật tinh vi, hễ còn nhiều khuyết điểm nhỏ. Song ta có thể tìm thấy nơi tập này cả một sự cố gắng rất đáng khen và đáng khuyến khích của các bạn trẻ muốn giao-duyên cùng văn-tự. Dày 51 trang, in đẹp. Giá 8 \$.

★ **TOÁN VẬT LÝ**, của Nguyễn-văn-Vý.

(Cửa Long học đường phát hành)

Một quyển sách toán có đầy đủ các bài toán về điện học, quang học, giảng nghĩa rành mạch, đáp số rõ ràng. Rất cần cho các thí sinh T.H.Đ.N.C.

Biên soạn rất công phu, ấn loát mỹ thuật. Dày 67 trang—giá 32 \$.

★ **PHÁP VĂN ĐỆ NHỊ** của Phan-huy-Đức.

(Hiệu trưởng Cửa Long học đường)

Loại sách luyện tập Pháp văn. Gồm những bài Luận đề luân lý, thành ngữ kiểu mẫu. Dạy theo phương pháp mới. Không những rất có ích cho các thí sinh muốn đậu Tú Tài mà còn cần thiết cho những ai muốn luyện tập thêm Pháp văn.

Sách dày 215 trang, giá 60 \$.

★ **ANH-NGỮ TINH-ÂM TỪ-ĐIỆN** của Phạm-công-Thiện

(Hoàng-Long xuất bản)

Một quyển sách thuộc về loại khảo cứu. Gồm có hai phần :

1) Phần Anh-Ngữ tinh-âm từ điện, sắp theo mẫu tự A.B.C..., ghi lại những tiếng cần đến việc tinh-âm.

2) Phần phụ-lục: trình bày những tiếng có cách đọc khó-khăn đối với những bạn mới học Anh-ngữ, sắp thứ tự theo bảng hiệu phiên âm của Hội Ngữ-âm-học Quốc-tế. (A.P.I.)

Ngoài ra còn thêm một bảng ghi cách đọc của tiếng mà đài phát thanh B.B.C khuyến nên lấy đó làm tiêu chuẩn để cho giọng Anh Ngữ được nhất trí.

Xin thành thật khen tác giả đã dày công biên soạn ròng rã gần hai năm trời mới hoàn thành được một quyển sách cần thiết cho những người muốn luyện về Anh Ngữ. Sách dày 182 trang, giá 59 \$.

Người làm vườn của bà B. Shaw

Nhà văn trào phúng của xứ Ai-nhĩ-Lan (Island) từng đánh cả thế giới là ông Bernard Shaw, ở một biệt thự rộng rãi xung quanh có vườn. Ngoài những giờ viết văn, ông thường thích làm vườn trồng cây. Một chiều kia ông đang hí hục vác bình nước tưới cho các loại cây, quần áo dính đất và nước như một người làm vườn, chợt có một bà khách sang trọng tới gọi cổng:

— Ê! Bác làm vườn, mở cổng cho tôi! Bà Shaw có ở nhà chứ?

Ông Bernard Shaw ra mở cổng và lễ phép nói:

— Mời bà vào, bà Shaw ở trên lầu, tôi xin dẫn bà đi.

Bà khách quý phải này nghe danh tiếng ông Bernard Shaw đã lâu nhưng chưa biết mặt ông lần nào. Bà theo ông vào nhà. Vừa đi bà vừa hỏi truyên:

— Bác chăm trồng tỉa mảnh vườn đẹp quá há! Bác ở giúp việc đây lâu mau rồi?

— Thưa đã hơn 20 năm.

— Chà! Bác trung thành với chủ quá nhỉ! Thế mỗi năm ông bà Bernard trả công bác bao nhiêu?

— Thưa tôi ở không công. Chỉ có cơm nước quần áo...

— Trời ơi! Nhà văn sĩ danh tiếng mà đối với bác như thế thì tệ quá! Bác lột sức lao động của bác đấy. Hay bác đến ở giúp việc cho tôi. Tôi sẽ trả công rất hậu.

— Không thể được thưa bà. Tôi rất tiếc bởi vì tôi đã ký hợp-dồng nhận ở suốt đời với bà Shaw.

— Trời ơi! bác đại dột quá! Sao lại ký hợp đồng nhận làm nô lệ suốt đời một cách vô lý thế! Hợp đồng gì mới được chứ?

— Thưa bà, hợp đồng đó là giấy Giá-thú giữa tôi và bà Shaw!

Vừa lúc đó bà Shaw trong nhà ra. Hai bà tự giới thiệu cho nhau, rồi bà Shaw chỉ ông Shaw mà giới thiệu cho bà khách lạ:

— Đây là chồng tôi, ông Bernard Shaw.

Nhà đại văn sĩ trào phúng lễ phép chào khách rồi lặng lẽ ra vườn tiếp tục tưới cây, trong lúc bà khách kinh ngạc trở mắt nhìn ông... và xin lỗi Bà!

QUỐC BẢO



NHỜ CÁC BẠN TRẢ LỜI GIÙM



1. — Tên đường phố Saigon :

Phạm Hồng-Thái là ai ?

Alexandre de Rhodes là ai ?

Phan văn Trường là ai ?

2. — Những tờ báo việt-ngữ xuất-hiện đầu tiên ở Saigon cho đến năm 1914, và tên các vị sáng lập.

3. — Vua Minh-Mạng có ra một câu đối không ai đối được cho hay :

« Nước trong leo-lẻo, cá dớp cá. »

Chỉ có một ông quan nhỏ đối lại :

« Trời nắng chang chang, người trói người »

Ông quan ngộ-nghịch và có tiến-bộ, chống phong-kiến ấy, là ai ?

4. — Chữ « Tết » do từ đâu mà ra ?

Sao gọi là tháng « Giêng », chứ không gọi là tháng Một ?

Sao gọi là tháng Chạp, chứ không gọi tháng 12 ?

5. — Từ quả Đất lên Mặt Trăng mấy ngàn cây số ?

Từ quả Đất lên mặt Trời mấy ngàn cây số ?

Trên « Trời » có ước độ mấy ngàn mấy vạn ngôi sao ?

« Ngôi Sao » nào gần quả Đất nhất ?

6. — Một Thi-sĩ Việt-Nam chết, rồi hồn nhập về bà vợ. Bà vốn người ít học nhưng từ đó bà cũng trở thành thi-sĩ, làm nhiều bài thơ rất hay. Bà vợ ấy là ai ? Quê ở đâu ? Sống năm nào ? Một bài thơ nào được truyền-tụng nhất của Bà ?

DIỆU-HUYỀN

Đáp những câu hỏi ở Phổ-Thông

● số 4 ●



* Câu-hát của các em ở
Đắc-hồi trước đây thường
hát trong trò chơi ú-tim:

Chi-chieh-chành-chành

Cái đánh thồi lửa,

Con ngựa đứt cương, — Còn vương thượng-đế — Lập kế đi tìm
Ú-tim... ập!

là có ý-nghĩa hồi vua Hàm-nghi bỏ thành Huế ra đi kháng chiến, theo
Tôn thất Thuyết.

Thuyết rền đục súng đạn (cái đánh thồi lửa), vua Hàm-nghi như
con ngựa đứt cương, người Pháp không kèm được, để thoát ra khỏi
Thần-u Núi, với hầu hết Hoàng-tộc. Nhưng Pháp vẫn tìm được
ông vua khác để đặt lên ngôi Đế (còn vương Thượng-Đế), rồi lập
mưu kế để tìm Vua Hàm-Nghi (Lập kế đi tìm)... Vua trốn, Pháp
tìm, mãi mãi rồi vua cũng bị bắt (Ú-tim-ập!).

Câu hát đó có từ sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt.

* Theo một tinh-thần dân-chủ thật sự hơn các vua ngoại-quốc
như Anh-Hoàng và Nhật-Hoàng chẳng hạn, nhiều vị Vua chúa Việt
nam hồi xưa đã không ngần-ngại cưới con gái thường dân, tôn lên
làm Hoàng-hậu, như: Lý Thánh Tôn lấy cô thôn nữ hái dâu, tôn làm
Thái-Phi (Ỗ-Lan Thái-phi); Thái tử Sam (sau là Lý Huệ-Tôn) lấy
con gái người thuyền chài họ Trần, tôn làm Hoàng-Hậu; Minh-
Mạng lấy vợ là một người thường dân ở Thủ Đức; Mẹ vua Tự-Đức
bà Từ-Dũ Hoàng Thái Hậu cũng là con gái thường dân quê ở Gò Công.

* Thi-sĩ trẻ tuổi Việt nam, làm thơ Pháp có tiếng ở Paris, và
chết ở Paris, là Nguyễn văn Xiêm. Trước ông có làm thông-ngôn
ở tòa Khâm-Sứ Huế, sau sang Pháp. Có đề một tập thơ in ở Pháp
rất được các giới Thi-sĩ Pháp hoan-ngênh là: *Heures perdues* (1920).

* Trong quyển « *Như Tây Sứ Trình* » Đại-Sứ Phan-thanh Giản kể
chuyện có gặp bà Madeleine Nguyễn thị Sen từ Lorient mặc quốc-
phục lên Paris đón chào cụ lúc cụ đi sứ sang Pháp năm 1863. Bà
chết năm 1878 thọ 87 tuổi, tại Lorient. Bà là người Huế, vợ ở
Philippi Vannier. Kết hôn tại Huế năm 1802.



Buòn ời, Chào Mi!

(Xem từ P. T. số 1)

BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề rút ngắn câu chuyện, tôi chỉ dịch tóm-lắt những đoạn chính của cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xê thấy không cần thiết lắm. Xin bạn hiểu cho.

DIỆU HUYỀN

CHƯƠNG V



HÉ rồi đến lúc chấm dứt. Một buổi sáng, Ba tôi dự-dịnh tôi đưa chúng tôi đi Cannes, chơi và khiêu-vũ. Tôi còn nhớ Yến-Hoa vui-mừng lắm. Nàng mong được gặp lại không-khí quen-thuộc của những nơi trà-thất, thích-hợp với sở kiếp đa-mang khô-hạn của nàng. Còn Ánh-Lệ, thật tôi không ngờ nàng cũng hỷ-hả tán thành dự

cuộc truy-hoan ấy. Vì thế khi cơm tối xong, tôi không lo ngại gì cả, vội-vàng lên trên phòng mặc chiếc áo dạ-hội, — chiếc áo độc-nhất của tôi. Đó là chiếc áo do Ba tôi sắm cho tôi, bằng một thứ vải ngoại-quốc màu-sắc dị-kỳ, có lẽ hơi quá dị-kỳ đối với tôi, vì Ba tôi ưa cho tôi mặc theo kiểu đàn-bà quái-ác.

Khi xuống dưới nhà, tôi thấy ông rực-rỡ trong bộ áo Smoking mới, tôi choàng tay vào cổ ông :

— Ba diện quá xá! Con chưa thấy ai bảnh như Ba!

— Ba đâu có đẹp bằng thằng Tuấn-Sinh. Còn con, thì con là đứa thiếu-nữ-xinh-đẹp nhất trên đời.

Tôi đáp lại :

— Con đâu đẹp bằng Yến-Hoa và Ánh-Lệ.

Quên rằng ông bị bệnh tê-thấp, Ba tôi bảo tôi :

— Đáng lẽ con phải dạy Ba nhảy điệu « be-bop » mới được.

Yến-Hoa từ trên lầu đứng-dĩnh bước cầu thang đi xuống. Nàng mặc áo màu lục, trên miệng nở một nụ cười ê-chề, nụ cười của nàng trong các nơi tửu điếm. Nàng hỏi :

— Tự mình đi chứ ?

Tôi đáp :

— Ánh-Lệ chưa xuống.

Ba tôi bảo tôi :

— Con lên phòng của nàng xem nàng đã xong chưa ? Chậm trễ thế này thì khuya mới đến Cannes !

Tôi lên cầu thang, cứ bị áo dài vướng chân. Tôi gõ cửa phòng Ánh-Lệ. Cửa mở, nàng bảo tôi vào. Nhưng tôi đứng ngoài cửa ngó vô. Nàng mặc chiếc áo xám, màu xám kỳ-cục gần giống như màu trắng, mà ánh đèn dĩnh vào đó cũng như ánh mặt trời mới mọc dĩnh lên màu sắc của nước biển. Tôi reo lên :

— Đẹp quá ! Ồ, áo của bà đẹp quá, bà Ánh-Lệ à !

Nàng nhìn vào tủ kiếng, nhướn miệng cười, cũng như người ta nhướn một nụ cười để từ-giã ai.

Nàng bảo :

— Màu xám này đẹp tuyệt !

Tôi bảo :

— Chính bà đẹp tuyệt !

Nàng xách tay tôi, và ngó tôi. Lúc thường nàng có đôi mắt xanh mờ, lần này đôi mắt ấy sáng ngời lên, nàng mỉm cười bảo tôi :

— Em là một cô bé rất dễ thương, tuy rằng đôi khi em làm cho người ta bức mình.

Nàng xuống trước, tôi đi theo sau. Tôi thấy Ba tôi đứng dưới cầu thang đón nàng, mặt ngược lên ngó nàng. Yến-Hoa cũng nhìn nàng bước xuống. Tôi còn nhớ rõ các chi-tiết cảnh ấy : trước mặt tôi là một cái ót tóc vàng rực-rỡ và hai vai tuyệt đẹp của Ánh-Lệ ; ở dưới chân cầu thang là bộ mặt tung-bùng của Ba tôi đang đưa tay ra đón nàng, và xa xa... là hình-ảnh đã lu-mờ của Yến-Hoa.

Ba tôi bảo :

— Ánh-Lệ, em đẹp lạ-lùng !

Nàng mỉm cười, bước qua trước mặt Ba tôi, và lấy áo măng-tô. Nàng bảo :

— Chúng ta sẽ gặp nhau ở Cannes nhé ? Mộng-Linh, em đi với tôi ?

Nàng đề tôi lái xe. Ban đêm đường cái đẹp quá, tôi cho xe chạy êm đềm chậm chậm. Ánh-Lệ không nói gì. Khi đến một khúc đường quanh, xe Ba tôi vọt lên trước, nàng cũng không nói gì.

Đến trà-thất, Ba tôi khéo sắp đặt thế nào mà trong chốc lát chúng tôi mỗi người lạc đi mỗi nơi. Một lúc tôi gặp lại Yến-Hoa nơi một bàn rượu, đang ngồi nói chuyện với một người quen của nàng, một người Nam-Mỹ đã say ngà-ngà. Chàng chuyên về nghệ thuật sân-khấu, và tuy là say rượu nhưng câu chuyện của chàng cũng hấp-dẫn. Tôi ngồi nghe chuyện của chàng gần một tiếng đồng hồ khá thú-vị, nhưng Yến-Hoa tỏ vẻ chán, vì nàng không thích nghe về kỹ-thuật sân khấu. Bỗngưng nàng hỏi tôi Ba tôi ở đâu, làm như thể tôi biết rõ lắm vậy. Rồi nàng đứng dậy đi. Chàng Nam-Mỹ hơi buồn một lúc nhưng nốc thêm một ly Whisky vào thì chàng lại vui-nhộn lên. Tôi thì chẳng nghĩ gì cả, đang khoan-khoái vui-vẻ, vì xã-giao mà ngồi uống rượu với chàng thôi. Nhưng tính thế trở nên buồn cười khi chàng mời tôi khiêu-vũ. Tôi buộc lòng phải ôm lấy chàng và cố rút hai chân tôi không cho đụng với chân chàng, thật là cả một sự khó khăn. Chúng tôi cười quá-xá, đến đổi khi Yến-Hoa vỗ trên vai tôi, và thấy bộ mặt Hoạn-thư của nàng, tôi chỉ muốn tổng cổ anh chàng ky-binh đi cho rồi. Yến-Hoa bảo:

— Tôi chẳng thấy ông ấy ở đâu cả.

Bỗngưng tôi giận Ba tôi lắm. Thật là ông, vô-lẽ không thể tưởng - tượng được. Tôi mồm môi bảo :

— À, tôi biết hai người ấy ở đâu rồi. Tôi đi một chút trở lại liền.

Tôi đã buông tay ra, thì chàng Nam-Mỹ ôm lấy Yến Hoa nhảy.

Trà thất rộng lớn quá, tôi đi tìm quanh hai vòng mà không có kết quả. Tôi đi rào khắp các bàn ở hè, ở sân, rồi sau cùng tôi sức nghĩ đến chiếc xe hơi. Phải xác-xạo lúc lâu trong khu vườn mới tìm thấy chiếc xe. Đích thị họ ở trong đó. Tôi đi phía sau xe, và dòm qua miếng kiến ở đằng sau tôi nom thấy họ. Tôi thấy hai người ngồi kề nhau, và do ánh đèn ở ngoài chiếu vào trông họ đẹp lạ kỳ. Họ đang nhìn nhau, hình như đang nói với nhau thì - thăm những câu gì. Tôi muốn lảng đi, nhưng sức nghĩ đến Yến Hoa, tôi liền mở cửa xe. Bàn tay của Ba tôi đang đặt trên cánh tay của Anh-Lệ. Hai người chỉ vừa thoáng thấy tôi. Tôi lễ phép hỏi :

— Ông bà vui đùa thỏa thích chứ ?

Ba tôi tức giận hỏi :

— Có chuyện chi ? Mày đến đây làm gì ?

— Còn Ba ? Yến-Hoa kiểm Ba khắp mọi nơi từ một tiếng đồng hồ rồi.

Anh-Lệ quay lại nói tôi, chậm rãi, coi bộ còn tiếc rẻ :

— Chúng tôi đi về đây. Em bảo với Yến Hoa rằng tôi mệt và Ba của em đưa xe tôi về.

Chừng nào nàng và em chơi chán rồi muốn về thì lái xe đưa tôi.

Tôi giận run lên, tìm không ra từ để nói :

— Chừng nào tụi tôi chơi chán và ? Bà nói thế hả ? Thật là...

...

B. Ba tôi kinh-ngạc, hỏi :

— Thật là... thế nào ?

Tôi đáp ngay :

— Ba dắt một người đàn-bà ra hiên đang nắn đồ nàng không chịu nổi, đến khi Ba bốc lột nàng sạch trơn cả rồi, Ba bỏ rơi nàng ? Sao dễ-dàng quá vậy ? Con phải nói với Yến-Hoa cách nào bây giờ đây ?

Ánh-Lệ quay lại ngó Ba tôi, bộ tịch nàng chán nản. Ông mỉm cười, không nghe tôi. Tôi đã đến mức căm tức :

— Con đi nói... nói với nàng rằng Ba tôi đã ngủ với một bà khác rồi, có phải vậy không ?

Ba tôi nạt tôi một tiếng cùng một lúc Ánh-Lệ tát vào má tôi một tát tay. Tôi lật đật rút đầu tôi ra khỏi cửa xe. Ba tôi còn bảo :

— Con phải xin lỗi.

Tôi đứng yên gần cửa xe, đầu óc xáo-lộn. Những cử-chỉ cao-thượng thường đến quá trễ trong trí tôi.

Ánh-Lệ bảo :

— Em lại đây.

Coi bộ nàng không dữ tợn, nên tôi lại gần. Nàng đặt bàn tay

nàng trên má tôi và nói với tôi rất dịu dàng, chậm-rãi, như thể tôi là một đứa hơi ngu-ngốc :

— Em không nên tàn-nhân. Tôi buồn cho Yến-Hoa. Nhưng em là người khá tế-nghị để sắp đặt việc này khéo-léo hơn. Ngày mai chúng ta sẽ hết thắc-mắc. Tôi làm em đau lắm sao ?

Tôi lễ phép đáp :

— Bà tưởng không đau hả ?

Thấy Ánh-Lệ bỗng đứng dịu-hiền như thế, và nhớ lại sự quá nóng-nảy của tôi vừa rồi, tôi muốn oà ra khóc. Tôi nhìn hai người đi xe về, lòng tôi không còn gì nữa cả. Tôi chỉ còn tự an-ủi với tôi rằng tôi cần phải khéo-léo để dàn-xếp ổn-thoả câu chuyện. Tôi dùng đinh trở vào Trà thất, thấy Yến-Hoa vẫn còn khiêu-vũ, chàng Nam-Mỹ đeo chặt trên cánh tay của nàng.

Tôi bảo, với giọng thờ-ơ :

— Ánh-Lệ bị cảm. Ba tôi phải lái xe đưa nàng về Bà đi uống chút gì với tôi không ?

Nàng ngó tôi, không trả lời. Tôi tìm lời nói cho nàng tin :

— Ánh-Lệ bị mưa, trông khiếp quá, chiếc áo của nàng bầy cả !

Tôi tưởng chỉ tiết đó đủ tỏ ra là thật quá rồi, nhưng Yến-Hoa khóc, dịu dàng, buồn-bã. Nào lòng, tôi ngó nàng Nàng bảo :

— Mộng-Linh à... Mộng-Linh... Lâu nay chúng ta vui sướng xiết bao...

Nàng lại khóc thứa-thứa

Chàng Nam-Mỹ say rượu cũng khóc, vừa lặp lại : « Lâu nay chúng ta vui sướng xiết bao... xiết bao... »

Lúc bấy giờ, tôi ghét Ánh-Lệ và Ba tôi. Tôi có thể làm bất cứ điều gì để Yến-Hoa đừng khóc nữa, và anh chàng Nam-Mỹ kia cũng đừng thốn-thức. Tôi bảo :

— Vụ này chưa giải - quyết xong đâu, bà Yến-Hoa à. Bà về với tôi.

Yến-Hoa khóc âm-ức âm-ức :
— Tôi sẽ trở về để lấy va-li của tôi. Thôi, Mộng-Linh, chúng ta nên từ biệt nơi này. Chúng ta đã thông cảm nhau nhiều rồi.

Kể ra, từ trước tôi chỉ nói chuyện với nàng về vị mưa trời nắng, hoặc một ngày đẹp, nhưng bây giờ tôi cảm thấy hình như tôi mất người bạn thân yêu. Tôi lật đật quay gót chạy phóng ra xe... (Còn)

★ NỘI TIẾNG NHƯ « CÒN »

Trước khi ra sân khấu, vị giám đốc hỏi một ca sĩ tân nhạc :

— Anh để bao nhiêu thời giờ để hát 1 bản ?

Ca sĩ trả lời :

— Từ 15 đến 18 phút.

Ngạc nhiên viên giám đốc hỏi :

— Hát 1 bản phải mất đến 15 phút lận à ! Tôi không thể nào tin được.

Ca sĩ liền giải thích :

— Không. Tôi hát trong 3 phút là hết 1 bản, nhưng còn 12 hay 15 phút kia tôi dành riêng cho thánh giả vỗ tay khen.

★ MỚI CÓ MƯỜI TUỔI

Bé Hồng (10 tuổi) làm biếng đi học, ở nhà gọi điện thoại nói chuyện với bà giáo :

— Thưa bà, em Hồng bệnh nặng và hôm nay không đi học được.

Bên kia đầu giây bà giáo trả lời :

— Tôi thành thật chúc em Hồng chóng lành mạnh... nhưng xin làm ơn cho tôi biết ai đang nói chuyện với tôi trong giây-nói đây ?

Bé Hồng trả lời :

— Thưa Bà, tôi, tôi đây là má bé Hồng !...

★ SƯ TỬ « HÀ-ĐỒNG »

Một người bạn hỏi Ba Búa :

— Anh có biết không ? anh ly dị vợ, tức là anh đào-ngủ.

Ba Búa trả lời :

— Anh chưa biết vợ tôi mà. một sư tử « Hà-Đồng » có tiếng, tôi ly dị vợ tôi với tư cách là « Kẻ muốn lánh nạn » hơn là kẻ đào ngủ.



Chuyện Vui Các Em

của cô

★ Bạch-yến

CÔNG CHÚA

CÁC em nhi-đồng thân mến,

Kể từ nay nơi trang này, chị sẽ kể cho các em nghe một chuyện cổ-tích hay chuyện ngắn mà khi xưa, lúc chị bằng tuổi của các em chị thường được bà nội để ngồi trong lòng âu-yếm và kể lại cho chị nghe. Mỗi đến hôm nay đã bao lần trăng tròn rồi lại khuyết mà dư âm của ngày thơ ấu vẫn còn vương-vấn trong lòng chị. Chị nghĩ đến các em, rồi lại viết ra đây cho các em thưởng thức. Chị hy-vọng những dòng chữ dưới đây sẽ làm cho các em được hài lòng, thích thú sau những giờ học hành mệt mỏi. Đó là mục đích duy nhất của chị vậy.

TÓC VÀNG



GAY xưa, ngày xưa có một vị vua trẻ tuổi, hiền lành nhân đức, trị vì một nước thái bình an cư. Nhà Vua

muốn lập ngôi Hoàng Hậu nhưng phải để tự ý ngài lựa chọn trong hàng dân giả. Một hôm Ngài giả dạng là một thường dân đi dạo khắp Kinh-thành, dọc đường trời đổ mưa, Ngài vào trong một căn nhà gần đấy để tránh mưa. Bỗng Ngài nghe bên trong có tiếng nói cười vọng ra, tò mò Vua đến gần cửa sổ dòm vào thấy có 2 thiếu-nữ trẻ đẹp đang ngồi thảo mật chuyện trò với nhau.

Cô thứ nhất nói :

— Nếu chị hân hạnh được

Hoàng đế cười làm Hoàng-hậu thì chị sẽ sanh cho Ngài một đứa con trai khôi ngô tuấn-tú mà sau này nó sẽ trở nên một vị anh hùng lừng danh trên vũ trụ.

Cô thứ hai tiếp :

— Còn em, nếu được làm Hoàng-hậu ư? Thôi thì sung sướng biết mấy. Em sẽ sanh cho nhà Vua một nàng Công-Chúa đẹp dịu-dàng khả ái với mái tóc vàng óng ả xinh tươi.

Nghe xong nhà Vua mỉm cười lẳng lơ trở về cung. Sau một thời gian suy nghĩ nhà Vua lập cô em lên làm Hoàng-hậu. Thế là vài hôm sau nhà Vua mở tiệc linh-dinh, khắp kinh-thành tung bừng rộn nhịp, dân chúng vui mừng dự lễ sách phong Hoàng-hậu.

Thời gian êm đềm trôi qua, một hôm Hoàng hậu âu yếm báo tin cho Vua hay rằng mình đã thụ thai. Vua vui mừng khôn xiết khi nghĩ đến lời nói trước kia của Hoàng hậu. Nhưng vài hôm sau Ngài lại phải thân chinh đi dẹp giặc ở một địa điểm xa xôi. Cuộc sum-vầy chưa được mấy chốc thì lại diễn cảnh kẻ ở người đi. Nhà Vua ngậm ngùi chia tay Hoàng-hậu và khuyên nàng hãy an lòng lo săn sóc sức khỏe và đưa con thơ còn đang trứng nước. Riêng Hoàng-thái-Hậu không hiểu sao bà lại rất hiềm thù con dâu vô cùng và luôn tìm đủ mọi cách để mưu hại nàng.

Thời gian qua, ngày khai hoa nở nhụy của Hoàng Hậu đã đến. Đúng như lời nói xưa, nàng hạ sanh ra một nàng công chúa mũm mĩm đáng yêu với mái tóc vàng óng ánh. Khi ấy Hoàng thái Hậu túc trực bên giường lúc nào không biết. Bà liền ẵm công chúa đáng thương kia đem ra ngoài vườn ngự uyển đào đất chôn sống đứa cháu vô tội của bà, và không quên thay vào đấy một con chó nhỏ xấu xí gớm ghê. Thi-hành xong thủ đoạn dã man kia, bà liền viết thư báo tin cho Vua hay Hoàng-hậu đã hạ sanh ra một quái thai mà hình thù giống chó chứ không phải nàng công chúa quốc sắc thiên hương có mái tóc vàng mà nhà Vua hằng mơ ước.

Nhận được tin ấy, nhà Vua nổi trận lôi đình, cho Hoàng-hậu là một bà phù-thủy chuyên đi mồi lão để lừa bịp ngài. Tức thì Vua gởi một bức thông điệp truyền lệnh cho giam Hoàng-hậu vào lãnh cung lập tức. Tội nghiệp cho Hoàng-hậu vừa sanh còn đang non ngày non tháng mà phải chịu cảnh sống khau khổ của một người tù tội.

Về phần nhà Vua, từ khi hay tin ấy Ngài đâm ra buồn rầu không thiết hồi loan, và kéo dài cuộc chiến chinh đến mười năm dài đằng đẵng mới trở về Kinh thành. Một hôm vua đi dạo vườn ngự uyển để giải khuây, khi đi ngang qua chỗ Hoàng thái Hậu

đã chôn Công Chúa khi trước, Ngài bỗng dừng lại vì thấy nơi đây có một cây lạ mọc tự lúc nào, trong lòng nhà Vua bỗng nhiên thấy yêu thích lạ, Ngài đến vuốt ve ngắm nghía. Từ đấy nhà Vua thường hay chăm sóc đến luôn. Hoàng thái Hậu thấy thế không bằng lòng, bà lo sợ một ngày kia nhà Vua sẽ thấu rõ hành động tàn ác của bà thì nguy. Nghĩ thế bà bèn lập mưu để đồn phước cái cây quái ác kia. Một hôm bà nhủ với Vua rằng :

— Con ôi, ngày nay mẹ đã già yếu mẹ không còn thiết gì hơn nữa, mẹ chỉ xin con một điều giản - dị nhưng không biết con có bằng lòng chăng ?

Nhà Vua vốn là người con có hiếu với mẹ, nên khi nghe bà nói thế Ngài liền bảo :

— Việc chi mẹ cứ nói, dù cho có khó khăn đến đâu, mà làm vui lòng mẹ là con không từ nan.

Bà Hoàng thái hậu sâu hiểm kia khẽ mỉm cười nói :

— Mẹ muốn con cho người ra đồn cái cây mới mọc trong vườn ngự uyển đóng cho mẹ một

chiếc giường để mẹ nằm nghỉ khi đau yếu. Được vậy thì mẹ mới vui mà sống với con, nếu không thì..... mẹ sẽ chết mất con ạ !

Nhà Vua tuy trong lòng rất tiếc thương cây ấy song Ngài cũng chịu lòng mẹ cho người đi đồn vào làm thành một chiếc giường tuyệt đẹp. Hoàng thái Hậu rất đổi vui mừng. Nhưng khổ thay ! Đêm đêm khi nằm lên

chiếc giường ấy thì bà lại trần-trọc thâu đêm không hề ngủ được. Trong đêm trường canh-vắng tai lại nghe văng vẳng tiếng thỏ thẻ của tấm ván nói bên tai.

— Nội ơi ! Sao nội nằm lên mình cháu đau quá !

Hoàng thái Hậu nghe xong lạnh toát cả

người, mồ hôi ra như tắm, bà mong cho đêm chóng tàn để sáng ra bà sẽ thủ tiêu chiếc giường quái ác kia. Thè rồi hôm sau bà lại nói với Vua :

— Con ạ, chiếc giường kia tuy đẹp thật, song làm bằng cây cứng cát mẹ nằm không quen, thấy đau mình lắm, vậy tốt hơn con nên đem đốt nó đi.



Nhà Vua tin lời mẹ, truyền quân lính khiêng chiếc giường ra sân phóng hỏa. Hoàng thái hậu rất hài lòng đứng nhìn chiếc giường cháy hết rồi mỉm cười. Nhưng khi ngọn lửa sắp tàn, trên đống tro chỉ còn le lói một ngọn lửa yếu đuối bốc vút sáng loé lên và biến thành hình một con chiên có bộ lông vàng ánh. Con vật đứng nhìn nhà Vua với đôi mắt hiền lành như van lơn cầu mong ngài che chở. Nhà Vua rất đổi kinh ngạc, nhưng ngài lại có cảm tình với con vật hiền lành xin đẹp ấy ngay, bèn truyền lệnh cho nội giám săn sóc và nuôi nấng thật chu đáo. Thấy thế Hoàng thái Hậu lại càng bức tức, bà biết rằng đó là di tích của nàng Công Chúa tóc vàng vẫn còn quanh quần trong cung. Bà lại nghĩ mưu kế, bà rên rỉ, khóc lóc với nhà Vua rằng bà bị bệnh rất nặng, muốn được thuyền giã nhanh chóng chỉ còn có cách làm thịt con chiên kia, bỏ vào lò quay cho thật ngon để bà ăn là khỏi bệnh. Hoàng Đế nghe thế cảm lòng không đành, liền tuân theo lời Mẫu Hậu, mặc dầu Ngài rất thương tiếc con vật hiền lành kia. Thế rồi con chiên bị đem đi làm thịt, một viên nội giám đem bộ lông bằng vàng ra sông rửa cho sạch sẽ. Viên nội giám vừa nhúng xuống nước thì bộ lông vụt rời khỏi tay và rớt xuống dòng sông trong đang chảy xiết.

Lúc ấy có một ngư phủ đánh

cá về bỗng thấy trên đợt sóng nhấp nhô có vật gì óng ánh bèn bơi thuyền đến vớt lên và bỏ vào hộp đem về. Đến nhà Ông mở hộp ra để khoe với vợ, bỗng ông kinh ngạc về bộ lông vàng lúc này lại biến thành một đứa bé gái xinh xắn với mái tóc bằng vàng óng ả, đang nằm thiêm thiếp trong hộp kia. Hai vợ chồng rất đổi mừng rỡ, vì rất hiếm hoi nên nhận đứa bé kia làm con và quý mến như con ruột. Hằng ngày đứa bé giúp cha mẹ trong công việc đánh cá hay đùa bỡn với con chó can đảm và trung thành của Ông.

Ngày tháng lặng lẽ trôi qua, đứa bé đã trở thành một cô thiếu nữ cực kỳ xinh đẹp, thêm vào đó nàng lại đàn hay hát giỏi thế nên tuy sống trong túp lều tranh nghèo khó, song người ta vẫn thấy ở nàng có bí ẩn những cử chỉ phong lưu đài các. Một hôm nhân thấy cha mẹ vui vẻ, nàng liền đến thưa rằng:

— Thưa ba, má, con nghe người ta bảo ở kinh thành có hội hoa đáng vui lắm, ba má cho phép con lên đấy xem nhé.

— Con là gái mà đi một mình trên đường xa lạ như thế không tiện đâu con ạ.

— Ba, má đừng lo, con sẽ giả dạng là một người ăn xin dơ dáy thì không ai để ý cả.

Mặc dầu thương con, không muốn rời nàng một bước, song

trước ý định quả quyết của con. Hai vợ chồng người đánh cá phải chịu theo ý nàng.

Ngày lên đường đã đến nàng ngậm-ngùi từ-giã cha mẹ rồi mặc y phục rách rưới, và mang theo bên mình một cây đàn cũ kỹ, đầu đội nón che kín mái tóc bằng vàng. Đề được chắc ý hơn cha mẹ nuôi nàng cho con chó theo đề hộ vệ nàng trên bước đường xa lạ.

Trên con đường về kinh thành xa tấp người và vật đã thấm mệt, tiền lộ phí của cha mẹ nàng gởi theo cho nay đã hết. Chung quanh người ta đông đúc nhưng chẳng ai đoái tưởng đến một người ăn xin dơ bẩn như nàng. Một hôm trời đã ngã về chiều, nàng bần khổ không biết đêm nay ngủ nơi đâu. Đánh bạo nàng đến gần một người lính đang đứng gác cung điện nhà vua để xin ngủ nhờ nhưng trông thấy nàng dơ bẩn nên người lính bèn đuổi đi. May thay, lúc ấy Hoàng đế đang dạo mát trong vườn ngự uyển thấy thế động lòng trắc ẩn bèn

truyền nội giám rước vô đền, đãi một bữa cơm thịnh soạn xong nhà Vua vời cô bé đến trước bệ rồng để thử tài xướng hát. Cô bé bắt đầu đàn và cất giọng ca lúc hồng lúc trầm, nỉ non, thánh thót như oán than như trách móc, nàng kể lại nỗi gian khổ của mình sau bao năm trời lận đận và nỗi đau đớn của mẹ hiền trong chốn thâm cung lạnh lẽo. Nhà Vua ngồi nghe ngáy ngất không cầm giọt lệ. Ca xong nàng bỏ mũ xuống, những lọn tóc tơ vàng ánh buồng tỏa trên vai. Nhà Vua hiểu ra, đâm sầm lại ôm lấy con nghẹn ngào :

— Ôi ! con yêu quý của ta lại đến nông-nổi này ư ?...

Liền khi ấy vua truyền lệnh bắt Hoàng thái Hậu đem đi thiêu sống. Ngài sung sướng dắt con xuống tận lãnh cung để rước Hoàng hậu đang buồn đau khóc hận nơi thâm cung.

Cuộc sum họp bất ngờ khiến cho mọi người mừng mừng, tủi tủi, xúc động can tràng, hai hàng lệ nóng chảy dài trên gò má.

★ KHÔNG TỬ ĐỜI NAY

Vào một buổi trưa nắng gắt, một đứa bé cứ mãi theo sát sau một bà tướng tá lớn người. Bà nó thấy rất khó chịu. Sau rốt, bực.bội quá, bà liền xây lại và hỏi thẳng bé :

— Mày làm gì theo tao mãi vậy ? Mày muốn tao kêu lính bắt mày không ?

Thằng bé nài xin :

— Xin bà đừng làm như vậy tội nghiệp em. Bà hãy nghỉ coi, ở đường này, chỉ có sau lưng bà mới có bóng mát mà thôi !

VIỆT-NAM



4.000 năm CA-DAO



(Xem Phở.Thông từ bộ mới số 3)

* của Trần-văn-Hồng.
180 Nguyễn-văn-Sâm. Sài-gòn.

2280. — Cha-chài mẹ lưới con câu,
Thằng rề dóng dái con dáu đi mò.

2281. — Con ơi! Ở lại với bà,
Má đi làm mằm tháng ba má về.
Má về có mằm con ăn,
Có khô con nướng có em con
bồng.

2282. — Bồng em đi dạo vườn cà,
Cà non chấm mằm, cà già làm
dưa.

Làm dưa ba bữa chưa chua,
Chị kia xách dĩa lại mua ba tiền.
Ba tiền mằm lắm chị ơi,
Cho thêm miếng nữa cho vừa
bữa ăn.

2283. — Thương trò may áo cho trò

Thiếu bâu thiếu vật thiếu hồ trò
ơi!

2284. — Thương em chẳng dám
vô nhà.

Đi ngang qua ngõ, hỏi gà bán
không.

2285. — Cúc mọc bờ ao, gọi là
cúc thủy,

Sài-gòn xa chợ Mỹ dáu xa.
Anh đi dáu cũng ghé lại nhà,
Trước thăm phụ mẫu sau là thăm
em.

2286. — Tiếc công vạch lỗ chun
vào,

Thăm không dặng bậu, hàng rào
nó cào trầy lưng.

2287. — Tiếc công súc tếp nuôi cò,
Mai sau cò lớn cò dò cò bay.

2288. — Trồng trâu trồng lợn với
tiêu,
Con theo hát bội mẹ liều con hư.
2289. — Không chồng đi dọc đi
ngang,
Có chồng cứ thẳng một đường mà
đi.
2290. — Giận chồng xách gói ra
đi,
Chồng theo năn nỉ từ từ trở về.

✱ của Nguyễn Văn Nghị.

55 8 Lý thường Kiệt, Huế.

2291. — Đôi lòng ăn một bát sim
Uống một bát nước đi tìm bạn
quen.
2292. — Chàng ơi ! phụ Thiếp
làm chi,
Thiếp là cơm nguội để khi đói
lòng.
2293. — Cách sống nên phải lụy
đổ,
Tối trời nên phải lụy o bán dầu.
2294. — Khi nào triêng (1) nặng
anh chờ.
Qua trưởng anh đợi bây giờ nghe
ai.
2295. — Mẹ cha chi rửa mẹ cha
Nơi gần không gả, nơi xa đem
vào.
2296. — Đêm khuya Thiếp mới
hỏi chàng,
Tre non khảm lá đan sàng được
không?
— Thiếp hỏi thì chàng xin thưa:
Tre non thắm lá đan chưa được
sàng.
2297. — Trời nắng mưa, (thì)
giếng nắng đầy,
Anh nắng đi lại mẹ thấy nắng
thương.
2298. — Lên non nghe một tiếng
cối,

- Thương con nhớ vợ, quan đòi
phải đi.
2299. — Ra về không dứt mà về,
Bỏ non, bỏ nước, bỏ lời thề cho
ai
2300. — Thôi thôi xếp sách ra về
Học-hành chỉ nữa chúng chê bạn
cười.
Bạn cười thì mặc bạn cười,
Tháng năm đi cưới tháng mười
có con.
2301. — Năm nay con gái hôn hào,
Trai chưa làm rề, gái đã vào làm
dâu.
2302. — Bao giờ đá nổi, rong chìm,
Muối chua, chanh mặn mới tìm
đặng em.
2303. — Ba phen tàu thối cả ba,
Phen này hồi nữa lên chùa đi tu.
Lên chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công phu chưa
đền.
2304. — Khi vui non nước cũng vui,
Khi buồn sáo thổi đàn đôi cũng
buồn.
2305. — Cầm vàng mà lợi qua
sống,
Vàng trôi không tiếc, tiếc công
cầm vàng.
2306. — Ra về anh chẳng cho về,
Cầm tay kéo lại xin để câu thơ.
✱ của Trần Quốc Bân.
2307. — Sáng mưa, trưa nắng,
chiều nồm,
Trời còn thay đổi, huống nữa
thế gian.
2308. — Thân em như miếng cau
khô,
Kẻ thanh ưa mỏng, kẻ thô ưa
đầy.

(Còn tiếp)

TIN-TỨC

VĂN-HÓA

QUỐC-TẾ

BA TEO

- ★ MỸ.— Cô đào chớp bóng Mỹ, MARYLIN MONROE, vợ Văn-sĩ ARTHUR MILLER, có chửa đã bảy tháng, vừa mới sảy thai. Năm ngoái, cô ấy cũng bị sảy thai một lần rồi. Có lẽ tại cô ưa nhậu quá chớ gì, há cô ?
- ★ NGÀ-SÔ.— Văn-sĩ trú-danh Ngà-sô TSHEICHWILL, được giải thưởng STALINE, thảng rồi trốn sang Tây Đức, vừa tuyên-bố quyết-định ở luôn bên Thế-giới Tự-do để tiếp-tục viết văn, không về Ngà-sô nữa. Ủa! Vậy chớ ở Mốt-Cu không tự-do sao, văn-sĩ !
- ★ PHÁP.— Hai Nữ-sĩ « thần-dồng », mới của Pháp : Cô bé ANNE LAURENT, 14 tuổi, mới xuất bản quyền tiểu thuyết « LA FEUILLERAIE », và cậu JEAN LINNEMAR, xuất bản quyền « JOURS DE PLUIE », ở Paris. Xin mời hai cô cậu này cho chị Diệu Huyền đề thêm trong mục Minh-oi !
- ★ ÚC.— Vừa rồi bên Úc có châu-chấu phá hại mùa-miền rất nhiều. Muốn trừ loại ấy, CÁC BÁO Ở ÚC CỜ-ĐỘNG DÂN CHÚNG NÊN BẮT CHÁU CHÁU NUƠNG ĂN. Hoan-hô! Thịt châu-chấu !
- ★ ẤN-ĐỘ.— DOM MORAES, một Thi-sĩ Ấn-độ mới 19 tuổi, vừa được giải thưởng văn chương Hawthornden lớn nhất của Anh quốc. Lại một Thần-dồng nữa! Loạn Thần-dồng, há cô Françoise Sagan !
- ★ NGÀ.— Thứ sáu 2-1-1959, hồi 16g57 G. M. T. (giờ quốc-tế) Ngà-sô đã phóng « Vệ-tinh nguyên-tử » bay chung quanh mặt trời. Ngày 14-1-59, Vệ-tinh còn cách xa mặt trời 146.400.000 cây-sô, sẽ bay luôn trong 15 tháng, và sẽ tan ở đường quỹ-dạo của nó chung quanh mặt trời, chớ không rớt xuống quá đất. Nhưng hôm nay Vệ-tinh ấy đã im hơi tắt tiếng rồi. Nitchewo, Comrad Krutchev !
- ★ ANH.— Ông WINSTON CHURCHILL, nguyên Thủ-tướng Anh, vừa là Họa-sĩ và Văn sĩ, hiện đang viết chuyện phim cho hãng phim Korda. Chắc cụ viết chuyện « Lịch-sử điều-xì-gà » hèn Cụ ?
- ★ TRUNG HOA.— Nữ sĩ LIÊN SAN hồi năm 1956 đã từ Hương Cảng đi vào lục địa nay lại vừa vỡ mộng trở về với thế giới tự do. Tới Hương Cảng Nữ-sĩ tuyên bố :
« Mỗi khi nghĩ tới miền lục địa Trung Hoa, tôi không thể nào ngăn nổi niềm đau khổ và hối hận. Khi tôi mới bắt đầu cuộc phiêu lưu mạo hiểm vào lục địa Trung Hoa lòng tôi thật xôn xao náo nức tràn ngập bao hy vọng và mơ-mộng rất nhiều tới tương lai tưởng nó huy hoàng rực rỡ lắm, bây giờ trở về đây thì tôi chỉ còn u buồn, mộng đẹp đã tan, thực tế thật phủ phàng vậy ôi ! »
Nữ-sĩ Liên San định viết một cuốn sách tựa là « Bắc-Bình u-uất », BẮC-Bình hay BẤT bình ? và cái gì mà « u » dữ vậy, há Nữ-sĩ Liên-San ?